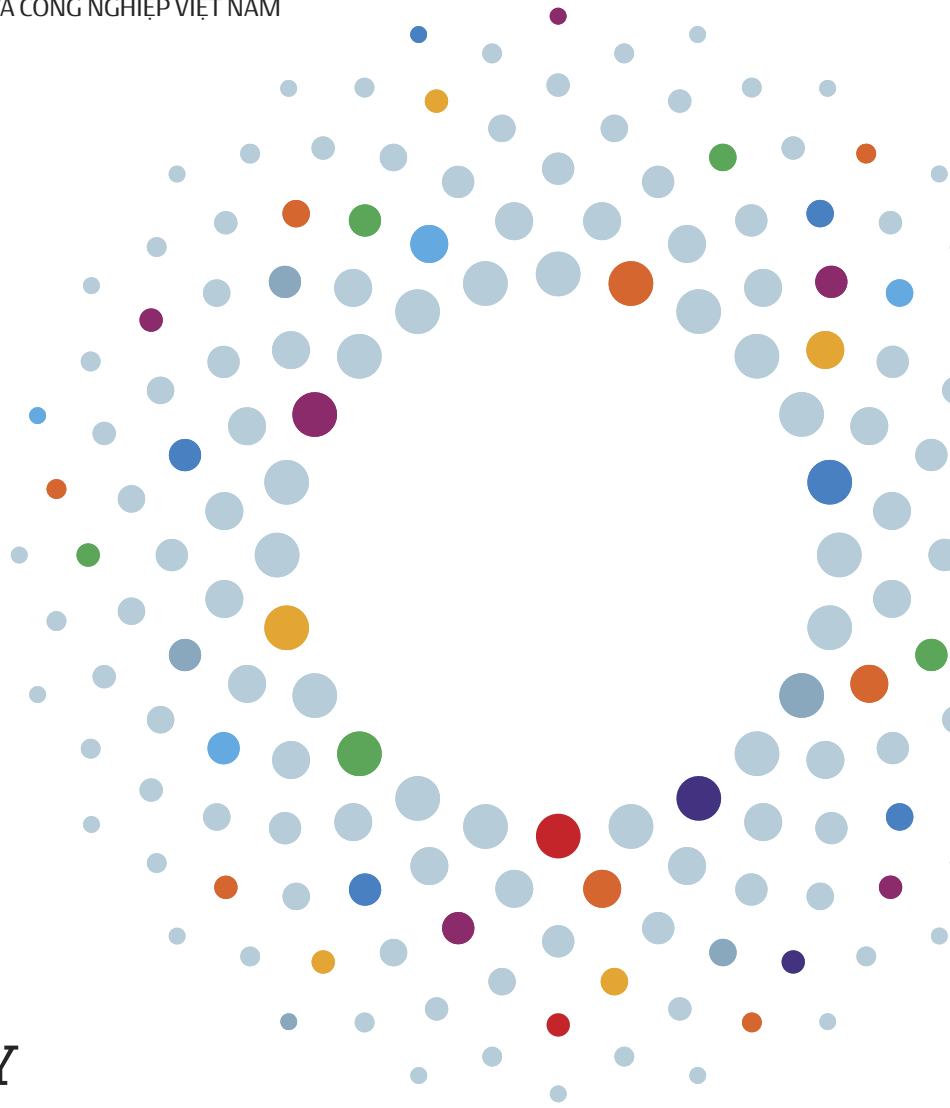




LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM



BÁO CÁO

DÒNG CHẢY
PHÁP LUẬT KINH DOANH

2023



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG



Nhóm Nghiên cứu:

Đậu Anh Tuấn
Nguyễn Thị Diệu Hồng
Nguyễn Minh Đức
Phạm Văn Hùng
Hoàng Thị Thanh
Nguyễn Thị Lệ Nghĩa

BÁO CÁO

**DÒNG CHẢY PHÁP LUẬT KINH DOANH
2023**

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

7

DÒNG CHẢY PHÁP LUẬT KINH DOANH NĂM 2023

1	Quy chuẩn xây dựng về phòng cháy, chữa cháy - những vướng mắc và nỗ lực tháo gỡ	12
2	Vận chuyển hàng quá cảnh - hiệu lực ngoài lãnh thổ của pháp luật hành chính	16
3	Phí bảo vệ môi trường đối với khí thải - nguy cơ chồng chéo với Luật Thuế bảo vệ môi trường	18
4	Thuế tối thiểu toàn cầu và Quỹ hỗ trợ đầu tư - những thảo luận chiến lược	20
5	Trần chi phí lãi vay trong giao dịch liên kết với ngân hàng - vướng mắc kéo dài	24
6	Hợp quy thuốc thú y - đi tìm giải pháp pháp lý	26
7	Xăng dầu - xu hướng thị trường hoá	28
8	Thủ tục kê khai giá - cắt xén quy luật cung cầu	32
9	Thuế tiêu thụ đặc biệt - những nỗ lực vận động chính sách của ngành hàng	34
10	Luật Các tổ chức tín dụng - đại chúng hoá ngân hàng	38

11	Cơ chế quản lý - sự can thiệp quá mức	40
12	Thông tin từ báo cáo - sử dụng chưa hiệu quả	42
13	Kinh tế số - bất bình đẳng ngược giữa doanh nghiệp nội và doanh nghiệp ngoại!?	44
14	Luật Đất đai 2024 - sự kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp	50
15	Chuyển đổi xanh - nhìn lại trước khi bước tiếp	58
16	Chính sách cải cách - cần mạnh mẽ hơn	72

ĐÁNH GIÁ PHẢN HỒI CỦA CƠ QUAN SOẠN THẢO



DANH MỤC BẢNG

<i>Bảng 1:</i> Sự khác nhau giữa thủ tục hành chính mà mạng xã hội trong nước và xuyên biên giới cần thực hiện	45
<i>Bảng 2:</i> Các nghĩa vụ của các mạng xã hội trong nước và nước ngoài	46
<i>Bảng 3:</i> Thay đổi của chi phí tái chế qua các phiên bản Dự thảo	62
<i>Bảng 4:</i> Danh mục các cơ sở thực hiện kiểm kê khí nhà kính và Danh mục các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm	67

DANH MỤC HÌNH

<i>Hình 1:</i> Các quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP để chi tiết hóa quy định về EPR	59
<i>Hình 2:</i> Các văn bản pháp luật liên quan đến quy định EPR	60
<i>Hình 3:</i> Các điều kiện kinh doanh, giấy phép liên quan đến UAV, flycam trong Dự thảo Luật Phòng không nhân dân	84
<i>Hình 4:</i> Khó khăn thủ hiện thủ tục cấp các loại giấy phép kinh doanh có điều kiện gia tăng đăng kể trong năm 2022	93
<i>Hình 5:</i> Tỷ lệ tiếp thu các ý kiến của VCCI năm 2023	109
<i>Hình 6:</i> Tỷ lệ tiếp thu theo loại văn bản	110
<i>Hình 7:</i> Số lượng góp ý theo tiêu chí	111
<i>Hình 8:</i> Các góp ý theo từng tiêu chí của từng bộ, ngành	112
<i>Hình 9:</i> Tỷ lệ tiếp thu theo tiêu chí	113

DANH MỤC HỘP

<i>Hộp 1:</i>	Luật Đất đai 2024 và những điểm mới	51
<i>Hộp 2:</i>	Các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực sử dụng năng lượng	68
<i>Hộp 3:</i>	Sự trở lại của Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024	73
<i>Hộp 4:</i>	Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích – đơn giản hóa thủ tục hay là bãi bỏ thủ tục?	75
<i>Hộp 5:</i>	Một số vướng mắc, bất cập trong các quy định về kinh doanh mà doanh nghiệp, hiệp hội phản ánh	76
<i>Hộp 6:</i>	Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu	79
<i>Hộp 7:</i>	“Hoạt động kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ” trong ngành nghề “Kinh doanh vàng”	80
<i>Hộp 8:</i>	Nhập khẩu thiết bị in	81
<i>Hộp 9:</i>	Hoạt động dịch vụ lưu trữ	82
<i>Hộp 10:</i>	Các quy hoạch cũ đã bị xóa bỏ đang “rậm rịch” quay trở lại trong một số đề xuất chính sách đang xây dựng năm 2023	89
<i>Hộp 11:</i>	Những vướng mắc liên quan đến khâu thực thi	94

LỜI GIỚI THIỆU

Báo cáo Dòng chảy pháp luật kinh doanh năm 2023 là ấn phẩm do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện nhằm ghi lại những vấn đề đáng chú ý trong quá trình xây dựng các quy định pháp luật về kinh doanh trong năm 2023. Đây là năm thứ sáu liên tiếp VCCI công bố Báo cáo Dòng chảy pháp luật kinh doanh.

Năm 2023 là một năm mà bối cảnh thế giới và trong nước có nhiều biến động phức tạp và khó lường. Trên thế giới, cuộc xung đột vũ trang Nga – Ukraine vẫn tiếp diễn, cuộc chiến giữa Israel và Hamas ở giải Gaza bùng nổ và biến động kinh tế vĩ mô tại các nền kinh tế lớn đặt ra nhiều vấn đề. Ở trong nước, các doanh nghiệp đứng trước nhiều khó khăn và thách thức ...

Công tác xây dựng thể chế kinh tế luôn được lãnh đạo Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm và coi là một trong ba khâu đột phá chiến lược. Trong phiên họp của Chính phủ tháng 8/2023 về chuyên đề xây dựng pháp luật, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã lưu ý *“Chính phủ, các thành viên Chính phủ phải quyết tâm thực hiện thành công đột phá về xây dựng, hoàn thiện thể chế, tháo gỡ tối đa các nút thắt, rào cản, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp; khơi thông mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế-xã hội nhanh và bền vững, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước đã đề ra.”*

Chúng tôi thực hiện Báo cáo này với mục tiêu, thảo luận những vấn đề về tư duy lập pháp mang tính xu hướng chung, không chỉ xuất hiện ở các quy định đơn lẻ mà mang tính khái quát, từ đó rút ra bài học cho những người làm việc trong quy trình làm luật tại Việt Nam. Báo cáo cố gắng cung cấp góc nhìn của doanh nghiệp đối với những vấn đề quy định pháp luật, qua đó gửi gắm mong muốn, kỳ vọng của cộng đồng tới các nhà hoạch định chính sách.

Báo cáo Dòng chảy pháp luật kinh doanh năm 2023 được xây dựng để phản ánh nhận định về các “dòng chảy” chính sách trong năm 2023 tác động tới môi trường đầu tư kinh doanh; những vấn đề đã/đang được áp dụng nhưng gây cản trở, hạn chế đến hoạt động của doanh nghiệp cần được cân nhắc, xem xét lại.

1 <https://vov.vn/chinh-tri/chinh-phu-phai-quet-tam-thuc-hien-thanh-cong-ve-xay-dung-hoan-thien-the-che-post1041513.vov>

Năm 2023, Quốc hội ban hành 16 luật, Chính phủ ban hành 99 nghị định, Thủ tướng ban hành 33 quyết định, các Bộ ban hành 510 thông tư. Xét về số lượng, công tác xây dựng pháp luật của năm 2023 tương đương với năm 2022. Tuy nhiên, xét về khối lượng công việc, công tác lập pháp và lập quy năm 2023 đã tăng một cách đáng kể. Xu hướng thay đổi rõ nét nhất trong công tác xây dựng pháp luật năm 2023 là ngày càng chặt chẽ về quy trình nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng văn bản.

Chất lượng các văn bản quy phạm pháp luật là điều mà lãnh đạo Quốc hội và Chính phủ thường xuyên nhấn mạnh khi chỉ đạo, điều hành công tác xây dựng pháp luật. Để nâng cao chất lượng văn bản pháp luật, nhiều biện pháp được thực hiện như:

- 1 Phân công nhiều nhân lực và thời gian cho công tác thẩm tra, thẩm định, nghiên cứu các dự thảo văn bản pháp luật;
- 2 Tổ chức nhiều hơn các cuộc họp về xây dựng pháp luật để thảo luận về các nội dung chính sách;
- 3 Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi, mời thêm và đa dạng các thành phần tham gia cuộc họp xây dựng pháp luật.

Một số sự cải tiến đáng chú ý về quy trình lập pháp trong thời gian qua có thể kể đến như sau:

- Trong năm 2023, một trong những đổi mới đáng chú ý trong công tác xây dựng pháp luật của Quốc hội là các Ủy ban đã chủ động tổ chức các đoàn khảo sát, các cuộc họp với doanh nghiệp và người dân để nắm tình hình và chuẩn bị cho công tác thẩm tra các dự án luật, kể cả trước khi Chính phủ trình dự án luật đó. Hoạt động này rất có ý nghĩa vì nó giúp các vị đại biểu Quốc hội có được nguồn thông tin độc lập, ít chịu ảnh hưởng từ các nội dung báo cáo của Chính phủ, từ đó giúp các ý kiến thẩm tra dự án luật thực tiễn và sắc sảo hơn. Điều này cũng tạo áp lực lớn hơn đối với các cơ quan của Chính phủ khi phải trình dự án luật ra Quốc hội.
- Nếu như trước đây, đối với những vấn đề có ý kiến khác nhau, Chính phủ hoặc lãnh đạo Chính phủ có thể quyết định theo thẩm quyền hoặc theo biểu quyết bằng đa số. Nhưng hiện nay, trong những trường hợp như vậy, lãnh đạo Chính phủ thường yêu cầu họp lại một lần nữa, lắng nghe ý kiến của các bên và cố gắng đưa ra được giải pháp đồng thuận trước khi đi đến quyết định cuối cùng. Điều này dù làm tăng khối lượng công việc nhưng có tác dụng tốt trong việc bảo đảm chất lượng văn bản pháp luật.
- Tại cấp bộ, ngành và chuyên viên, quy trình xây dựng pháp luật được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trong các cuộc họp ban soạn thảo, tổ biên tập, vấn đề trình tự thủ tục xây dựng văn bản luôn được các thành viên xem xét rất kỹ lưỡng. Các công đoạn cần phải thực hiện như thời hạn đăng tải công khai, lấy ý kiến của các đơn vị bắt buộc, thời hạn thẩm định, thẩm tra, thời điểm trình hồ sơ được tính toán và chuẩn bị kỹ lưỡng hơn. Ví dụ, trước đây, một vài trường hợp dự thảo được thẩm định sớm, trước hoặc ngay khi vừa hết thời hạn đăng tải công khai dự thảo. Tuy nhiên, hiện nay, Bộ Tư pháp và các Vụ Pháp chế tại các Bộ luôn yêu cầu phải hoàn thành việc lấy ý kiến và có đủ hồ sơ tiếp thu, giải trình thì mới tiến hành thẩm định.
- Việc chuẩn bị ý kiến góp ý tại các bộ ngành cũng được tiến hành kỹ lưỡng hơn. Nếu như trước đây, khi nhận được đề nghị góp ý một dự thảo văn bản pháp luật, lãnh đạo các bộ thường phân công cho một đơn vị chuyên môn trong bộ để tham mưu ý kiến. Tuy nhiên, một số bộ hiện nay đã yêu cầu nhiều đơn vị khác trong bộ cùng phải phối hợp chuẩn bị ý kiến. Điều này có thể khiến thời gian để có được ý kiến từ các bộ kéo dài hơn, nhưng bảo đảm chất lượng ý kiến, không bị bỏ lọt vấn đề.

Tóm lại, hoạt động xây dựng pháp luật trong năm 2023 có nhiều chuyển biến theo hướng chặt chẽ hơn về quy trình, tăng cường thảo luận và lấy ý kiến nhiều vòng, nhiều lượt, nhiều đối tượng. Mặc dù thêm nhiều công việc như vậy, nhưng lãnh đạo Quốc hội và Chính phủ cũng rất cương quyết trong việc bảo đảm tiến độ, không để nợ đọng văn bản. Chính vì thế, khối lượng công việc liên quan đến lập pháp, lập quy tăng lên rất nhiều. Các cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật ở các bộ ngành hiện đang gặp sức ép công việc lớn trước những đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng và tiến độ công việc. Đây là tiền đề quan trọng để nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.





DÒNG CHẢY PHÁP LUẬT KINH DOANH NĂM 2023

Quy chuẩn xây dựng về phòng cháy, chữa cháy Những vướng mắc và nỗ lực tháo gỡ



Trong năm 2023, các quy định pháp luật về phòng cháy và chữa cháy trở thành tâm điểm của sự chú ý. Rất nhiều doanh nghiệp phản ánh việc họ gặp khó khăn khi tuân thủ các quy định về phòng cháy và chữa cháy khiến chi phí tuân thủ tăng cao, nhiều công trình không thể tiếp tục được sử dụng, gây thiệt hại kinh tế lớn. Điều gì đã khiến các quy định pháp luật phòng cháy và chữa cháy bỗng trở nên khó khăn trong năm 2023 như vậy?

Pháp luật phòng cháy và chữa cháy đã được ban hành từ nhiều năm và không có sự thay đổi lớn trong vài năm trở lại đây. Tuy nhiên, việc áp dụng các quy định này có sự thay đổi. Ngày 06/09/2022, một vụ hoả hoạn đặc biệt nghiêm trọng khiến 32 người chết xảy ra tại Bình Dương. Ngay sau đó, Bộ Công an đã ban hành Kế hoạch 513/KH-BCA ngày 07/10/2022 về tổng rà soát, kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên phạm vi toàn quốc. Theo phản ánh của các doanh nghiệp, kể từ cuối năm 2022, các quy định pháp luật về phòng cháy và chữa cháy được nhiều cơ quan áp dụng một cách nghiêm túc hơn rất nhiều, thậm chí nhiều trường hợp có phần cứng nhắc.

Việc thực thi nghiêm túc các quy định pháp luật về phòng cháy và chữa cháy là một trong những biện pháp quan trọng để phòng ngừa và hạn chế các vụ cháy xảy ra. Tuy nhiên, trong thực tế, việc thực thi các quy định pháp luật về phòng cháy và chữa cháy cũng gây nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là đối với doanh nghiệp. Một số trường hợp, doanh nghiệp bị áp dụng các quy định pháp luật về phòng cháy và chữa cháy một cách cứng nhắc, không phù hợp với điều kiện thực tế, gây phiền hà, tốn kém, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. Điều này một phần xuất phát từ tâm lý sợ trách nhiệm, sợ vi phạm, bị xử lý của một số cán bộ. Một phần khác là do các quy định pháp luật được viết chưa thực sự rõ ràng, có thể dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau.



Một số quy định pháp luật về phòng cháy và chữa cháy gây vấn đề cho doanh nghiệp có thể kể đến như:

● Quy định về sơn chống cháy

Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2020/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình (Quy chuẩn 06) của Bộ Xây dựng, các công trình xây dựng phải có biện pháp bảo vệ các bộ phận cấu kiện có yêu cầu chịu lửa. Trước đây, nhiều công trình sử dụng sơn chống cháy và được chấp nhận như một giải pháp đáp ứng quy chuẩn. Tuy nhiên, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy đã có quy định tại Phụ lục VII, mục 5, trong đó yêu cầu “mẫu kết cấu được bọc bảo vệ bằng các chất hoặc vật liệu chống cháy” phải được kiểm định. Điều này tức là, nếu muốn sử dụng sơn chống cháy để bọc bảo vệ các kết cấu chịu lửa, doanh nghiệp phải sơn lên mẫu kết cấu và thử nghiệm mẫu đó. Việc thử nghiệm các mẫu kết cấu này rất tốn kém và mất nhiều thời gian. Khi quy định này mới áp dụng, các doanh nghiệp cung cấp sơn chống cháy cũng chưa kịp kiểm định cho sản phẩm của mình tương ứng với từng mẫu kết cấu. Theo phản ánh của các doanh nghiệp, trong một thời gian khá dài, trên thị trường không có hoặc có rất ít mẫu kết cấu đã được kiểm định (tương ứng với các loại sơn và quy cách sơn), gây khó khăn và làm tăng chi phí tuân thủ của doanh nghiệp. Hiện nay, vấn đề này đã từng bước được tháo gỡ do đã có thêm nhiều nhà cung cấp đáp ứng được quy định của pháp luật và nhiều mẫu kết cấu đã được cơ quan phòng cháy chữa cháy chấp thuận.

● Quy định về bậc chịu lửa

Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2010/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình, các công trình xây dựng phải đáp ứng các bậc chịu lửa yêu cầu cao, từ bậc I đến bậc IV, tùy theo loại hình công trình, mức độ quan trọng, mức độ nguy hiểm. Tuy nhiên, việc đáp ứng các bậc chịu lửa yêu cầu cao gặp nhiều khó khăn, như: chi phí cao, thiết kế phức tạp, thi công khó khăn, vật liệu khó tìm, chất lượng khó đảm bảo, kiểm tra khó thực hiện, bảo trì khó duy trì, khó thích ứng với thay đổi, khó phù hợp với điều kiện khí hậu, khó thân thiện với môi trường, v.v. Hiện nay, Bộ Xây dựng đã tiến hành sửa đổi Quy chuẩn 06 theo hướng tăng diện tích khoang cháy phải đáp ứng bậc chịu lửa. Nói cách khác, sửa đổi này cho phép giảm chi phí tuân thủ quy định về phòng cháy chữa cháy cho doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp không đáp ứng quy chuẩn cũ có thể được phép áp dụng quy chuẩn mới với yêu cầu thấp hơn và làm thủ tục thẩm định lại.

● Quy định về khoảng cách lưu không chống cháy lan

Quy định khoảng cách lưu không chống cháy lan là một trong những quy định quan trọng trong phòng cháy và chữa cháy, nhằm ngăn cản đám cháy và các sản phẩm cháy lan truyền từ một công trình tới các công trình khác, bảo vệ tính mạng, tài sản, môi trường. Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06, các công trình xây dựng phải đảm bảo khoảng cách lưu không chống cháy lan theo các quy định tại Phụ lục E. Tùy theo loại hình công trình, bậc chịu lửa, cấp nguy hiểm cháy, khoảng cách lưu không chống cháy lan có thể lên đến 15 mét.

Tuy nhiên, trong thực tế, việc thực hiện quy định khoảng cách lưu không chống cháy lan gặp nhiều vướng mắc, đặc biệt là đối với các công trình xây dựng trong khu vực đô thị, nơi mà diện tích đất quý hiếm, giá trị cao. Một trong những vướng mắc thường gặp là trường hợp giữa hai công trình yêu cầu khoảng cách lưu không, nhưng công trình xây trước đã xây hết ranh giới đất, thì công trình xây sau ở thửa đất bên cạnh sẽ phải lùi vào cho đủ khoảng cách chống cháy lan. Điều này rất bất cập vì chủ đất sẽ mất một khoảng đất thuộc sở hữu của mình nhưng không được phép sử dụng trong khi chủ đất xây trước lại được sử dụng hết toàn bộ diện tích.

Việc phân chia nghĩa vụ giữa hai chủ đất về việc duy trì khoảng cách chống cháy lan tương đối khó khăn, bởi một số lý do. Thứ nhất, khoảng cách chống cháy lan chưa thể xác định được cho đến khi biết thiết kế và mục đích sử dụng của cả hai công trình. Nói cách khác, khi xây dựng công trình trước thì cũng không thể xác định được công trình sau sẽ cần khoảng cách là bao nhiêu. Thứ hai, nếu một bên chủ đất buộc phải sử dụng một phần đất của mình để phục vụ mục đích chống cháy lan thì liệu chủ đất bên kia có phải thực hiện nghĩa vụ đền bù hay không để bảo đảm nghĩa vụ chung thì trách nhiệm cũng chung.

Đây không phải chỉ là vấn đề của pháp luật về phòng cháy chữa cháy mà còn là pháp luật về dân sự khi quy định về quyền và nghĩa vụ của hai bất động sản liền kề. Theo quy định tại Điều 246 của Bộ luật Dân sự, quyền đối với bất động sản liền kề có thể được xác lập bằng quy định của luật. Nói cách khác, nếu pháp luật chuyên ngành về phòng cháy chữa cháy muốn xử lý vấn đề về quyền tài sản này thì cần được thực hiện ở cấp luật. Tuy nhiên, ngoài vướng mắc về hình thức văn bản, thì việc đưa một quy định về quyền đối với bất động sản liền kề vào pháp luật về phòng cháy chữa cháy dường như không thực sự thoả đáng, vì đây là đạo luật vốn được xây dựng theo nguyên tắc hành chính - mệnh lệnh phục tùng.

● Quy định về cấp nước chữa cháy

Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06, các công trình xây dựng phải đảm bảo cấp nước chữa cháy đủ lượng, đủ áp lực, ổn định, liên tục. Việc đảm bảo cấp nước chữa cháy gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là tại các khu vực đông đúc.

Một trong những nguyên nhân của việc thiếu nguồn nước phục vụ chữa cháy là do hạ tầng cấp nước chữa cháy dùng chung tại nhiều khu vực chưa được chính quyền địa phương cung cấp một cách đầy đủ. Khi thiếu hạ tầng dùng chung, mỗi chủ công trình phải tự tìm nguồn nước chữa cháy hoặc phải tự bố trí các bể nước chữa cháy với chi phí lớn. Mặc dù pháp luật cho phép chia sẻ nguồn nước chữa cháy giữa các công trình, song việc này không hề đơn giản vì cần có sự thoả thuận giữa các chủ công trình và sự chấp thuận của cơ quan nhà nước trong các thủ tục thẩm duyệt và nghiệm thu.

Ngày 07/07/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 819/QĐ-TTg về Quy hoạch, hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quy hoạch này cũng nhấn mạnh vấn đề cung cấp nước chữa cháy, đặc biệt là tại các khu vực dân cư đông đúc. Nhà nước sẽ phấn đấu xây dựng các bể nước chữa cháy tại các khu dân cư để phục vụ nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Quy định này cho thấy, việc đặt ra nghĩa vụ cho chủ công trình, nhưng chính quyền địa phương không bảo đảm trách nhiệm cung cấp dịch vụ công đã khiến cho các chủ công trình gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc.



Các vướng mắc nêu trên đã khiến nhiều công trình xây dựng không được đưa vào sử dụng, gây lãng phí lớn cho người dân, doanh nghiệp và xã hội. Trước tình hình đó, các hiệp hội doanh nghiệp đã có công văn kiến nghị về Quy chuẩn 06 gửi cho nhiều cơ quan. Bộ Xây dựng cùng với các hiệp hội doanh nghiệp và VCCI đã có buổi làm việc để trao đổi về các vấn đề được kiến nghị. VCCI và Bộ Công an cũng đã phối hợp tổ chức Hội thảo để đối thoại với các doanh nghiệp về pháp luật phòng cháy chữa cháy. Thông qua hoạt động đối thoại, nhiều vấn đề đã được giải quyết. Một số vấn đề được giải thích rõ ràng hơn, tránh sự cứng nhắc trong quá trình áp dụng. Ví dụ, vấn đề nước chữa cháy đã được giải thích rõ ràng hơn, theo đó cho phép sử dụng mọi nguồn nước có thể, không nhất thiết phải xây dựng bể chứa nước lớn, miễn là bảo đảm lưu lượng nước. Một số vấn đề yêu cầu quá cao đã được nói lỏng, phù hợp hơn với điều kiện của Việt Nam. Ví dụ, vấn đề về bậc chịu lửa và diện tích khoang cháy được cơ quan nhà nước hạ điều kiện đối với một số trường hợp nhà xưởng của doanh nghiệp. Một số vấn đề khác đã được cải thiện bằng việc đẩy mạnh công tác thực thi, như việc công nhận nhiều loại sơn chống cháy trên thị trường.

Trong năm 2023, Bộ Xây dựng đã tiến hành soát xét và điều chỉnh Quy chuẩn 06, Bộ Công an cũng đề xuất sửa đổi Nghị định số 79/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy nhằm tháo gỡ nhiều khó khăn cho doanh nghiệp. Bộ Công an cũng đã chuẩn bị hồ sơ đề xuất xây dựng Luật thay thế Luật Phòng cháy và chữa cháy. Đây là những nỗ lực của các cơ quan ban hành chính sách trong việc đưa ra các quy định phù hợp hơn với thực tiễn kinh tế xã hội của đất nước.

Vận chuyển hàng quá cảnh Hiệu lực ngoài lãnh thổ của pháp luật hành chính



02

Năm 2023, nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực vận tải hàng hoá phản ánh tình trạng họ bị xử phạt khi thực hiện các hợp đồng chở hàng hoá quá cảnh. Theo đó, đối tác nước ngoài thuê doanh nghiệp vận tải của Việt Nam chở hàng qua lãnh thổ Việt Nam để xuất khẩu vào một quốc gia khác. Trong quá trình đó, hàng hoá được đóng vào công-ten-nơ (container) được cơ quan hải quan niêm phong, kẹp chì và lắp thiết bị định vị giám sát hành trình. Các doanh nghiệp vận tải của Việt Nam vẫn phải mở tờ khai hải quan và kê khai loại hàng hoá theo thông tin do phía đối tác nước ngoài cung cấp. Tuy nhiên, một số trường hợp cơ quan hải quan tiến hành kiểm tra thực tế hàng hoá và phát hiện các vi phạm như hàng hoá kê khai không chính xác hoặc một số hàng hoá vi phạm sở hữu trí tuệ, hàng giả, hàng nhái. Trong trường hợp đó, cơ quan hải quan tiến hành xử phạt các doanh nghiệp vận tải của Việt Nam với tư cách là người đứng tên trên tờ khai hải quan.

Các doanh nghiệp cho rằng việc xử phạt này đối với họ là chưa hợp lý. Các doanh nghiệp này chỉ chở hàng thuê, không được mở bao gói để kiểm tra, và kể cả có kiểm tra cũng khó có đủ năng lực để xác định chính xác hàng hoá có vi phạm hay không. Thông tin về hàng hoá để đưa vào tờ khai hải quan là do phía đối tác cung cấp. Mặc dù chấp nhận nộp phạt, nhưng các doanh nghiệp cho biết họ không biết lần sau nên thay đổi hành vi như thế nào cho phù hợp với quy định của pháp luật. Thêm vào đó, việc bị kiểm tra còn khiến hàng hoá bị bóc niêm phong, kéo dài thời gian giao hàng, khiến các doanh nghiệp vận tải của Việt Nam bị phía đối tác nước ngoài gây sức ép khi không bảo đảm nghĩa vụ hợp đồng. Như vậy, doanh nghiệp vận tải của Việt Nam đang bị xử phạt bởi những lý do họ không làm chủ được, xử phạt rồi họ cũng không khắc phục được.

Việc xử phạt các doanh nghiệp vận tải như vậy có tác động rất lớn đến hoạt động vận chuyển hàng hoá quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam. Đây là thị trường rất tiềm năng đối với các doanh nghiệp vận tải, nhờ vào vị trí địa lý chiến lược của Việt Nam nối liền giữa Trung Quốc và khu vực ASEAN. Nếu việc xử phạt tiếp tục kéo dài sẽ khiến các doanh nghiệp Việt Nam không dám nhận đơn hàng và lượng hàng hoá này sẽ đi theo các con đường khác, vừa thất thu cho doanh nghiệp, lại làm giảm sự tham gia của Việt Nam trong tiến trình hội nhập khu vực. Hơn nữa, việc xử phạt này không mang lại lợi ích gì cho quốc gia vì các hành vi trên của doanh nghiệp không gây tác động tiêu cực trực tiếp nào đến ngân sách, nhà sản xuất khác hay người tiêu dùng tại Việt Nam.

Theo quy định pháp luật về hải quan, người đứng tên tờ khai hải quan sẽ phải chịu trách nhiệm. Trong trường hợp này, các doanh nghiệp vận tải quá cảnh là người đứng tên tờ khai. Do người xuất khẩu và nhập khẩu đều ở nước ngoài, chỉ có doanh nghiệp vận tải tại Việt Nam, nên pháp luật Việt Nam quy định doanh nghiệp vận tải là người đứng tên tờ khai.



Sự bất cập trên dẫn đến câu hỏi lập pháp quan trọng: Liệu có thể coi hành vi của chủ hàng tại nước ngoài là vi phạm pháp luật Việt Nam và có biện pháp xử phạt chủ hàng đó? Nói cách khác, liệu pháp luật hành chính của Việt Nam có hiệu lực ngoài lãnh thổ hay không?

Điều 20 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: *“Công dân, tổ chức Việt Nam vi phạm pháp luật hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngoài lãnh thổ Việt Nam có thể bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật này.”* Như vậy, pháp luật hành chính chỉ cho phép áp dụng hiệu lực ngoài lãnh thổ khi người thực hiện hành vi có quốc tịch Việt Nam (hệ thuộc quốc tịch), mà không xử lý trường hợp người khác. Trong khi đó, Điều 6 Bộ luật Hình sự xử lý những trường hợp hành vi vi phạm diễn ra ở nước ngoài, do người nước ngoài thực hiện nhưng có xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam.

Thực tiễn quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam cho thấy, hiện tượng các hành vi của chủ thể nước ngoài thực hiện tại nước ngoài gây ảnh hưởng đến các lợi ích tại Việt Nam diễn ra ngày càng nhiều. Phổ biến nhất là các hành vi vi phạm được thực hiện tại nước ngoài và gây tác động đến Việt Nam qua môi trường internet. Trong những trường hợp như vậy, pháp luật Việt Nam đã đưa ra một số biện pháp để giải quyết. Ví dụ, Luật Điện ảnh đã có quy định về việc phổ biến phim trên môi trường mạng internet và trong trường hợp doanh nghiệp tại nước ngoài vi phạm thì Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch có quyền yêu cầu doanh nghiệp có mạng viễn thông chặn truy cập. Đây có thể coi là biện pháp phù hợp đối với trường hợp doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ qua internet đến với khách hàng tại Việt Nam. Tuy nhiên, biện pháp này vẫn chưa bao quát hết các trường hợp.

Việc mở rộng phạm vi hiệu lực ra ngoài lãnh thổ của pháp luật hành chính, nhất là xử lý vi phạm hành chính, là cần thiết. Điều này giúp có thêm công cụ để bảo vệ lợi ích quốc gia, tránh việc xử phạt “oan” các doanh nghiệp trong nước như ví dụ trên. Theo đó, khi hành vi của doanh nghiệp nước ngoài thực hiện tại nước ngoài, ảnh hưởng đến lợi ích tại Việt Nam và vi phạm pháp luật Việt Nam thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam vẫn ban hành quyết định xử phạt như bình thường và gửi quyết định đó đến cho doanh nghiệp nước ngoài. Nếu doanh nghiệp đó chấp hành quyết định và nộp phạt thì vụ việc khép lại. Nhưng nếu doanh nghiệp đó không chấp hành quyết định xử lý vi phạm thì cơ quan nhà nước có thể đưa doanh nghiệp đó vào diện cảnh báo, công bố thông tin này và gửi đến cho các doanh nghiệp của Việt Nam có thể có liên quan. Nếu sau đó mà doanh nghiệp Việt Nam có quan hệ kinh doanh với doanh nghiệp nước ngoài kia thì doanh nghiệp của Việt Nam sẽ bị xử phạt.

Phí bảo vệ môi trường đối với khí thải Nguy cơ chồng chéo với Luật Thuế bảo vệ môi trường



Công cụ kinh tế là một biện pháp khá quan trọng để hạn chế các hành vi gây ô nhiễm môi trường, tạo động lực để các doanh nghiệp và người dân giảm phát thải các chất gây ô nhiễm. Hiện nay, các doanh nghiệp phát sinh chất thải rắn, nước thải và chất thải nguy hại đã phải chịu các nghĩa vụ tài chính tương ứng. Đối với khí thải, từ năm 2010, Việt Nam đã có Luật Thuế bảo vệ môi trường đánh thuế đối với xăng dầu và than, là những nhiên liệu chính tạo ra khí thải. Vào thời điểm đó, việc thu thuế đối với xăng dầu và than để tác động vào việc phát khí thải là hợp lý, vì Việt Nam chưa bảo đảm hệ thống quan trắc khí thải.

Sau hơn một thập kỷ phát triển, cho đến nay, hệ thống quan trắc khí thải tại các nhà máy, cơ sở sản xuất của Việt Nam đã được hoàn thiện. Pháp luật bảo vệ môi trường hiện đã có quy định về việc cấp giấy phép môi trường, trong đó có nội dung về khối lượng, chất lượng của khí thải cũng như biện pháp quan trắc tự động, quan trắc định kỳ khí thải. Đa số các doanh nghiệp đã tuân thủ các nghĩa vụ này. Do đó, cơ quan nhà nước có đủ thông tin để có thể đánh thuế phí đối với khí thải ra, thay vì phải thu nhiên liệu đầu vào như trước đây.

Năm 2023, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường soạn thảo Nghị định quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải. Theo đó, đối tượng phải nộp phí là các cơ sở sản xuất kinh doanh có phát sinh khí thải. Các phương tiện giao thông có phát sinh khí thải không thuộc diện phải nộp phí. Mức phí khí thải sẽ phụ thuộc vào lượng khí thải và thành phần các chất gây ô nhiễm có trong khí thải.

Nếu thu phí theo khí thải đầu ra có tác dụng điều chỉnh hành vi tốt hơn so với thu thuế theo nguyên liệu đầu vào. Việc thu thuế theo nguyên liệu đầu vào chỉ có tác dụng khiến doanh nghiệp và người dân giảm lượng sử dụng các nguyên liệu này, từ đó có thể gián tiếp giảm khí thải đầu ra. Ngược lại, khi thu phí theo đầu ra sẽ khiến doanh nghiệp và người dân không chỉ giảm lượng phát thải mà còn đầu tư thay đổi công nghệ đốt để giảm thành phần gây ô nhiễm trong khí thải. Thêm vào đó, chính sách thu phí theo khí thải đầu ra còn có thể được thiết kế theo hướng phân biệt giữa các địa điểm phát thải khác nhau, tương tự như đã được thực hiện với nước thải.

Tuy nhiên, dự thảo Nghị định quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải hiện đang được xây dựng theo hướng không loại trừ hay giảm nghĩa vụ nộp thuế bảo vệ môi trường đối với than và xăng dầu. Điều này dẫn đến nguy cơ cùng một hành vi gây ô nhiễm, nhưng doanh nghiệp phải chịu hai loại thuế phí chồng lên nhau. Đây là vấn đề cần nghiên cứu giải quyết trong Nghị định về phí bảo vệ môi trường đối với khí thải sắp tới.



Thuế tối thiểu toàn cầu và Quỹ hỗ trợ đầu tư Những thảo luận chiến lược



04

Năm 2023, một trong những chính sách đáng chú ý được soạn thảo là Nghị quyết của Quốc hội về thuế tối thiểu toàn cầu và đi kèm với đó là Quỹ hỗ trợ đầu tư.

Thuế tối thiểu toàn cầu là quy định mới của pháp luật quốc tế liên quan đến việc thu thuế các tập đoàn đa quốc gia. Theo đó, các tập đoàn đa quốc gia có quy mô lớn sẽ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp tối thiểu 15%. Nếu quốc gia mà tập đoàn đó đầu tư thu thuế thu nhập doanh nghiệp dưới mức 15%, thì công ty con hoặc công ty mẹ của tập đoàn đó có thể bị quốc gia nơi công ty đó kinh doanh thu thêm thuế thu nhập doanh nghiệp cho đủ mức 15%.

Thuế tối thiểu toàn cầu được đưa ra nhằm chống lại việc các tập đoàn đa quốc gia sử dụng các thiên đường thuế và các biện pháp chuyển giá để giảm số tiền thuế phải nộp. Thêm vào đó, thuế tối thiểu toàn cầu có tác dụng điều chỉnh dòng vốn đầu tư toàn cầu theo hướng giảm tại các quốc gia thu thuế thấp dưới 15% hoặc có nhiều biện pháp ưu đãi thuế, và tăng tại các quốc gia có mức thuế thực tế cao hơn. Thỏa thuận này đã được các quốc gia phát triển đàm phán và dự kiến áp dụng từ năm 2024. Việt Nam cũng đã cam kết sẽ áp dụng quy định mới này.

Việt Nam là một trong những quốc gia tiếp nhận đầu tư FDI tương đối lớn. Quy mô dòng vốn FDI chảy vào Việt Nam tăng liên tục trong nhiều thập kỷ qua và thường tương ứng với khoảng từ 4 đến 5,5% quy mô GDP, vào nhóm cao trên thế giới. Một trong những biện pháp thu hút đầu tư mà Việt Nam hay sử dụng là ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế suất thu nhập doanh nghiệp phổ cập danh nghĩa của Việt là 20%. Mặc dù vậy, các chương trình ưu đãi thuế của Việt Nam được nhiều chuyên gia đánh giá là tương đối “hào phóng” đối với các nhà đầu tư, bao gồm các biện pháp như thuế suất thấp 10% đối với một số ngành, lĩnh vực cụ thể; miễn thuế 4 năm kể từ khi bắt đầu có lãi, giảm một nửa thuế trong 9 năm tiếp theo đối với các dự án đầu tư lớn hoặc sử dụng công nghệ cao. Các biện pháp này khiến cho thuế thu nhập doanh nghiệp trung bình mà các doanh nghiệp FDI phải nộp tại Việt Nam chỉ khoảng trên 12%.

Ngay từ trong giai đoạn các nước phát triển đàm phán quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, Chính phủ Việt Nam đã có nhiều biện pháp chuẩn bị. Chính phủ đã thành lập một nhóm chuyên gia từ nhiều bộ ngành, nòng cốt là Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, để nghiên cứu các phương án chính sách của Việt Nam. Khi quy định về thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực, Việt Nam có hai sự lựa chọn chính sách. Một, Việt Nam có thể tiếp tục áp dụng các biện pháp ưu đãi thuế đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Khi đó, khoản thuế còn thiếu cho đến 15% sẽ do quốc gia khác thu. Hai, Việt Nam có thể thu thuế đối với các tập đoàn đa quốc gia lớn cho đủ 15%. Năm 2023, Chính phủ đã lựa chọn phương án thu đủ 15% tại Việt Nam và soạn thảo Nghị quyết trình Quốc hội phê chuẩn chính sách này, có hiệu lực từ năm 2024. Bộ Tài chính là cơ quan được giao chủ trì việc soạn thảo.



Trong quá trình soạn thảo, một số tranh luận chính sách đáng chú ý như sau:

Thứ nhất, liệu Việt Nam có nguy cơ bị nhà đầu tư kiện vì đã nâng thuế lên so với cam kết ban đầu?

Luật Đầu tư của Việt Nam cũng như nhiều hiệp định mà Việt Nam đã tham gia đều có quy định bảo hộ đầu tư khá mạnh. Theo đó, nếu có sự thay đổi pháp luật của Việt Nam về các biện pháp ưu đãi đầu tư (như ưu đãi thuế) theo hướng kém thuận lợi hơn thì nhà đầu tư được hưởng chính sách như trước khi có thay đổi. Như vậy, nếu Việt Nam nâng thuế lên mức 15% đối với các doanh nghiệp FDI đang được hưởng các biện pháp ưu đãi thuế thì sẽ là vi phạm cam kết bảo hộ đầu tư và có thể bị nhà đầu tư kiện.

Tuy nhiên, trong quá trình thảo luận, nhiều ý kiến cho rằng rủi ro bị kiện và thua kiện của Việt Nam không cao. Theo nguyên tắc pháp lý, muốn được bồi thường thì bên đưa yêu cầu phải chứng minh được ba yếu tố: (1) bên còn lại có hành vi vi phạm cam kết; (2) bên yêu cầu có thiệt hại; (3) có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại. Trong trường hợp này, nhà đầu tư rất khó chứng minh yếu tố thứ ba, vì nếu Việt Nam không thu thì quốc gia khác cũng sẽ thu khoản tiền thuế này. Như vậy, việc Việt Nam thu khoản tiền này không phải là nguyên nhân của thiệt hại. Mặc dù vậy, Chính phủ vẫn đề ngỏ nguy cơ bị kiện và chuẩn bị nhiều phương án để theo kiện nếu chuyện này xảy ra.

Thứ hai, liệu các nhà đầu tư nước ngoài có phản đối việc Việt Nam thu thêm thuế không?

Hiện không có một khảo sát tổng thể nào về vấn đề này. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp cũng bày tỏ ý kiến, kể cả qua kênh chính thức và không chính thức. Theo đó, đối với một số doanh nghiệp đang đầu tư kinh doanh tại Việt Nam thì họ có xu hướng cũng muốn nộp thuế tại Việt Nam. Điều này có thể bởi hai lý do. Một, việc nộp thuế tại Việt Nam sẽ giảm chi phí kê khai, tuân thủ của doanh nghiệp bởi họ không phải làm lại việc này một lần nữa tại nước ngoài. Hai, khi nộp thuế tại Việt Nam thì các doanh nghiệp này hy vọng Chính phủ Việt Nam sẽ có biện pháp hỗ trợ đầu tư khác thay thế cho biện pháp ưu đãi thuế vừa mới bị loại bỏ. Còn đối với các nhà đầu tư mới chỉ đang tìm hiểu môi trường kinh doanh tại Việt Nam, việc không có biện pháp ưu đãi thuế có tác động giảm động lực đầu tư của họ.

Thứ ba, khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu thì Việt Nam thì tình hình thu hút đầu tư của Việt Nam sẽ bị tác động thế nào? Chính phủ sẽ có biện pháp thay thế nào để bảo đảm dòng vốn tiếp tục chảy vào Việt Nam?

Luật Đầu tư chia các biện pháp thu hút đầu tư thành hai nhóm chính, ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư. Ưu đãi đầu tư chủ yếu là các biện pháp miễn giảm thuế, phí và các nghĩa vụ nộp ngân sách. Hỗ trợ đầu tư là các biện pháp chi tiền từ ngân sách để hỗ trợ một số hoạt động của nhà đầu tư. Thực tế nhiều năm qua, Việt Nam mới chỉ tập trung thu hút đầu tư bằng các biện pháp ưu đãi, còn biện pháp hỗ trợ hầu như không được sử dụng.

Khi thực hiện chính sách thuế tối thiểu toàn cầu, biện pháp ưu đãi đầu tư sẽ bị hạn chế. Chính phủ Việt Nam dự kiến sẽ sử dụng các biện pháp hỗ trợ đầu tư để thay thế. Chính vì vậy, năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được Chính phủ giao nhiệm vụ soạn thảo Nghị quyết của Quốc hội để đưa ra các biện pháp hỗ trợ đầu tư cho các dự án lớn. Quốc hội sau đó quyết định sẽ thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư và giao cho Chính phủ quy định chi tiết.

Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang soạn thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết hoạt động của Quỹ này. Trong quá trình thảo luận, một số vấn đề có nhiều ý kiến như sau:

Thứ nhất, liệu có thể dùng tiền thu được từ thuế tối thiểu toàn cầu để trả lại cho các nhà đầu tư không?

Khi đưa ra chính sách về thuế tối thiểu toàn cầu, các quốc gia thành viên đã lường trước được việc các nước sẽ lách bằng cách thu thêm thuế rồi trả lại tiền thuế đó cho nhà đầu tư. Vì thế, công ước này đã cấm các quốc gia đánh tráo việc thu thêm thuế với các biện pháp hỗ trợ đầu tư. Nếu chính sách hỗ trợ đầu tư mới của Việt Nam rơi đúng vào những nhà đầu tư đã phải nộp thêm thuế với số tiền đúng bằng số tiền nộp thêm thì sẽ không được chấp nhận. Khi đó, các doanh nghiệp này vẫn sẽ bị thu thêm thuế tại nước ngoài và biện pháp này của Việt Nam sẽ không có tác dụng. Do đó, chính sách hỗ trợ đầu tư phải “khác” so với chính sách miễn giảm thuế trước đây.

Công ước hiện không có quy định chung rõ ràng về mức độ “khác” của hai chính sách này. Biện pháp hỗ trợ đầu tư được coi là được chấp nhận theo cơ chế tham vấn và đồng thuận. Theo đó, các nước thành viên sẽ phải gửi đề xuất các biện pháp hỗ trợ đầu tư của mình cho các nước khác để tham vấn. Nếu các bên không đồng thuận thì sẽ phải trao đổi để điều chỉnh. Như vậy, tiêu chí đầu tiên để xây dựng chính sách hỗ trợ đầu tư là nó phải khác so với chính sách ưu đãi đầu tư trước đây và được các nước khác chấp thuận.

Thứ hai, Đối tượng doanh nghiệp nào sẽ được hưởng biện pháp hỗ trợ đầu tư?

Chủ trương chung của chính sách này sẽ hướng đến các dự án đầu tư có quy mô lớn, về số vốn, doanh thu hoặc dự án đầu tư đi kèm với các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) có quy mô lớn. Dự thảo Nghị định hiện đã xác định tương đối rõ ngưỡng quy mô để có thể được hỗ trợ.

Một số doanh nghiệp trong nước quan tâm đến việc họ có thể nhận được biện pháp hỗ trợ này không, khi mà họ không phải là đối tượng bị thu thêm thuế theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Hiện chính sách này đang được soạn thảo theo hướng sẽ không phân biệt nhà đầu tư trong nước hay nước ngoài. Đây là một điểm đáng chú ý đối với các tập đoàn kinh tế trong nước có dự án đầu tư lớn hoặc có trung tâm R&D.

Thứ ba, những hoạt động nào sẽ được hỗ trợ đầu tư?

Cơ chế hỗ trợ đầu tư có ưu điểm là linh hoạt hơn biện pháp ưu đãi thuế. Nếu như ưu đãi thuế chỉ có thể tác động vào những hoạt động của doanh nghiệp có khả năng phát sinh nghĩa vụ thuế, thì hỗ trợ đầu tư có thể tác động vào những hoạt động cụ thể hơn từ sản xuất, kinh doanh đến nghiên cứu, phát triển, trả lương, phúc lợi cho người lao động... Ưu điểm này của biện pháp hỗ trợ đầu tư có thể được nhà làm chính sách tận dụng để định hướng hành vi của doanh nghiệp sao cho ngoài có lợi cho doanh nghiệp thì có thể lan toả đến lợi ích chung. Ví dụ, Nhà nước có thể lựa chọn hỗ trợ các hoạt động như chi phí xây dựng hạ tầng giao thông ra vào dự án; chi phí xây dựng nhà ở, các công trình phúc lợi khác cho công nhân, người lao động; chi phí đào tạo người lao động mang quốc tịch Việt Nam... Đây là những biện pháp mang lại lợi ích hài hoà cho cả nhà đầu tư và xã hội Việt Nam.



Các nhà đầu tư kỳ vọng sẽ nhận được các biện pháp hỗ trợ bằng tiền mặt của Chính phủ như hỗ trợ trực tiếp chi phí sản xuất hoặc hỗ trợ chi phí xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc trang thiết bị của dự án. Mức độ lan toả của các biện pháp này thấp hơn, nên khả năng cao là sẽ không nhận được sự đồng thuận cao từ các bên có liên quan như các biện pháp kể trên..

Thứ tư, trình tự thủ tục để nhận được hỗ trợ?

Đây cũng là nội dung mà các bên liên quan rất quan tâm. Nếu điều kiện được nhận hỗ trợ và trình tự thủ tục rõ ràng thì có thể khiến nhà đầu tư yên tâm thực hiện dự án một cách dài hạn. Tuy nhiên, nếu trình tự thủ tục không thực sự rõ ràng với nhiều rủi ro nằm ngoài khả năng thì tác động thu hút đầu tư sẽ giảm. Một số câu hỏi mà các doanh nghiệp quan tâm như: (1) biện pháp hỗ trợ sẽ được quyết định theo từng năm hay sẽ theo toàn bộ thời hạn dự án của nhà đầu tư; (2) xử lý thế nào khi diện các doanh nghiệp đáp ứng đối tượng được hỗ trợ lớn hơn khả năng chi trả của Quỹ; (3) liệu có khả năng Chính phủ Việt Nam thay đổi, cắt giảm mức hoặc biện pháp hỗ trợ sau một thời gian không...

Đây là những vấn đề rất khó và đòi hỏi sự cân bằng. Nếu Chính phủ cam kết quá chắc chắn thì có thể tạo chi phí quá lớn cho ngân sách, ảnh hưởng đến các nhiệm vụ chi khác và không mang lại hiệu quả. Ngược lại, nếu các cam kết từ Chính phủ có nhiều điểm không chắc chắn thì sẽ làm giảm động lực đầu tư của doanh nghiệp. Thêm vào đó, nếu việc đưa ra biện pháp hỗ trợ cụ thể có nhiều điểm tùy nghi, phụ thuộc vào cán bộ thực thi thì có thể gây nguy cơ tham nhũng, tiêu cực, doanh nghiệp phải “lại quả” một phần khoản hỗ trợ cho cán bộ ra quyết định.

Trần chi phí lãi vay trong giao dịch liên kết với ngân hàng Vướng mắc kéo dài

05

Năm 2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2017/NĐ-CP về quản lý thuế trong giao dịch liên kết (thường gọi là Nghị định chống chuyển giá). Nghị định này có quy định trần chi phí lãi vay trong năm tài chính không được vượt quá 20% EBITDA² của doanh nghiệp trong năm đó. EBITDA được tính bằng tổng lợi nhuận cộng chi phí lãi vay cộng với khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp. Quy định này khi đó đã tác động mạnh mẽ đến các doanh nghiệp Việt Nam đang phụ thuộc nhiều vào vốn vay. Đối với các doanh nghiệp này, chi phí lãi vay thường chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí, mức vượt trên 20% EBITDA sẽ không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Vào thời điểm đó, các doanh nghiệp phản ánh bất cập đến Chính phủ và đã có nhiều cuộc họp để tìm giải pháp tháo gỡ. Năm 2020, Chính phủ sửa đổi quy định này tại Nghị định số 68/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết với ba điểm nơi lỏng cho doanh nghiệp: (1) nâng mức trần chi phí lãi vay từ 20% lên 30%; (2) cho phép lũy kế chi phí lãi vay trong 5 năm thay vì tính từng năm; (3) cho phép hồi tố trở lại kỳ tính thuế năm 2017.

Năm 2023, nhiều doanh nghiệp tiếp tục phản ánh sự bất cập của quy định trần chi phí lãi vay tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP về quản lý giao dịch liên kết³. Điều 5.2.d của Nghị định này quy định trường hợp một doanh nghiệp vay vốn của doanh nghiệp khác với giá trị khoản vay bằng ít nhất 25% vốn chủ sở hữu và chiếm hơn 50% tổng nợ trung hạn và dài hạn của doanh nghiệp đi vay thì quan hệ giữa hai doanh nghiệp này được coi là liên kết. Trường hợp này tương đối phổ biến vì các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt trong các lĩnh vực hạ tầng, sản xuất sử dụng nhiều vốn vay, và thường chi vay của một ngân hàng chứ hiếm khi được nhiều ngân hàng cho vay hợp vốn.

Khi đó đó, giao dịch vay vốn này bị khống chế trần chi phí lãi vay theo Điều 16.3 của Nghị định ở mức 30% EBITDA. Phần chi phí lãi vay vượt mức 30% này bị loại khỏi chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Cuối năm 2022, do những biến động kinh tế vĩ mô trên thế giới cũng như tại Việt Nam, lãi suất bình quân trên thị trường tín dụng tăng mạnh. Các doanh nghiệp phải trả chi phí lãi vay rất lớn cho các ngân hàng và rất nhiều trường hợp đã vượt mức trần 30% của Nghị định 132/2020/NĐ-CP. Việc loại bỏ chi phí lãi vay này rất bất hợp lý vì việc doanh nghiệp nợ và trả tiền ngân hàng là có thật do lãi suất trên thị trường tăng mạnh. Cả hai bên không hề cố tình đẩy chi phí này lên để tránh thuế. Hệ quả là các doanh nghiệp dù thua lỗ, phải chịu chi phí lãi vay rất lớn, nhưng lại không được trừ chi phí và vẫn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

2 EBITDA (Earnings Before Interest, Tax, Depreciation and Amortization): Thu nhập trước lãi vay, thuế và khấu hao của doanh nghiệp.

3 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ về quản lý giao dịch liên kết

Nhiều doanh nghiệp đã phản ánh sự bất cập này cho VCCI cũng như các cơ quan nhà nước có liên quan. Bộ Tài chính sau đó đã có văn bản lấy ý kiến về việc sửa đổi Nghị định 132/2020/NĐ-CP theo hướng giới hạn các trường hợp vay vốn được coi là quan hệ liên kết. Theo đó, nếu giữa hai doanh nghiệp chỉ có quan hệ vay vốn mà không có các quan hệ khác như sở hữu, chung người quản trị... thì không được coi là giao dịch liên kết. Dự kiến, sửa đổi này sẽ được đưa vào Nghị định sửa đổi Nghị định 132/2020/NĐ-CP và được trình Chính phủ vào năm 2024.

Cách xử lý này có thể giúp loại bỏ trường hợp quan hệ liên kết giữa ngân hàng và doanh nghiệp, nhưng vẫn còn nhiều điểm doanh nghiệp băn khoăn.

Thứ nhất, tình trạng lãi suất tăng vọt xuất hiện vào cuối năm 2022 và đầu năm 2023, nhưng sau đó nhanh chóng hạ nhiệt. Nếu Nghị định sửa đổi được ban hành năm 2024 nhiều doanh nghiệp vẫn sẽ bị xử lý oan do các kỳ tính thuế năm 2022 và 2023 đã bị thanh tra, kiểm tra, truy thu thuế. Do đó, Chính phủ cần nhanh chóng đưa ra sửa đổi phù hợp và cho phép hồi tố đối với các năm tài chính 2022 và 2023.

Thứ hai, vấn đề khống chế trần chi phí lãi vay không chỉ liên quan đến việc kiểm soát giao dịch để chống chuyển giá mà còn có tác động đến việc vay nợ của các doanh nghiệp. Quy định này thường được gọi là “chống vốn mòng”, hạn chế các doanh nghiệp sử dụng vốn vay mà thay vào đó là phải sử dụng vốn tự có. Quy định này được ban hành dựa trên khuyến nghị của OECD. Tuy nhiên, biện pháp “chống vốn mòng” này khi áp dụng vào Việt Nam đã gây nhiều vướng mắc phát sinh, dẫn đến việc cần phải được xem xét lại một cách toàn diện trong quá trình sửa đổi Nghị định 132 tới đây. Các câu hỏi đặt ra như:

- 1 Liệu bối cảnh Việt Nam có gì khác với các nước OECD để cần một biện pháp “chống vốn mòng” không?
- 2 Biện pháp “chống vốn mòng” bằng cách đưa vào quy định quản lý thuế giao dịch liên kết sẽ ảnh hưởng thế nào để đầu tư trong nước và nước ngoài?
- 3 Liệu có thể quản lý thuế các giao dịch cho vay bằng cách khác thay vì dùng một quy định hạn mức trần tối đa không?

Hợp quy thuốc thú y Đi tìm giải pháp pháp lý

06

Năm 2015, Quốc hội ban hành Luật Thú y. Điều 78 Luật Thú y yêu cầu thuốc thú y phải được quản lý chất lượng bằng quy chuẩn kỹ thuật. Tuy nhiên, quy định này nhanh chóng trở nên không cần thiết vì chất lượng sản phẩm thuốc thú y đã được quản lý bởi hai công cụ chính sách mạnh hơn rất nhiều là đăng ký lưu hành và quy trình sản xuất GMP⁴. Quy định đăng ký lưu hành, kèm với thủ tục khảo nghiệm, giúp bảo đảm rằng mỗi dòng sản phẩm sẽ an toàn và hiệu quả đối với vật nuôi. Quy định về quy trình sản xuất GMP giúp bảo đảm rằng mỗi lô sản phẩm cụ thể, mỗi liều thuốc thú y sẽ được sản xuất giống như mẫu đã được dùng để khảo nghiệm ban đầu. Ngay cả quy định về thuốc dành cho người trong Luật Dược cũng chỉ cần đăng ký lưu hành và GMP, không cần hợp quy.

Từ năm 2016, các doanh nghiệp trong lĩnh vực thuốc thú y đã phản ánh bất cập này với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhanh chóng nhận ra sự bất cập này và đã ban hành các Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT⁵ và Thông tư số 12/2020/TT-BNNPTNT⁶ lùi thời hạn áp dụng quy định về hợp quy thuốc thú y đến ngày 14/02/2024. Đầu năm 2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa ra dự thảo Thông tư tiếp tục lùi thời hạn áp dụng quy định về hợp quy thuốc thú y đến 2029. Các doanh nghiệp đã yên tâm là sẽ tiếp tục được hoãn. Tuy nhiên, đến nay Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa ban hành Thông tư này và dự kiến sẽ không ban hành nữa vì lo ngại trái thẩm quyền.

Theo phản ánh của các doanh nghiệp, với hơn 20.000 dòng sản phẩm thuốc thú y hiện đang lưu hành, việc bắt buộc phải hợp quy sẽ có rất nhiều bất cập, không chỉ về thời gian, chi phí mà cả sự gián đoạn cung ứng. Hiện nay, chỉ có khoảng ba đơn vị đánh giá sự phù hợp có thể thử nghiệm thuốc thú y phục vụ cho thủ tục hợp quy. Nếu các đơn vị này hoạt động hết công suất thì cũng mất nhiều tháng, thậm chí cả hơn một năm mới có thể hoàn tất việc hợp quy các loại thuốc thú y. Trong thời gian chưa hoàn thành việc hợp quy, các loại thuốc thú y sẽ không được cung cấp trên thị trường, ảnh hưởng đến hoạt động chăn nuôi tại Việt Nam. Với điều kiện khí hậu nóng ẩm như của Việt Nam, các đàn gia súc, gia cầm không được cung cấp thuốc thú y sẽ có nguy cơ dịch bệnh cao, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc cung ứng thực phẩm trên toàn quốc. Chi phí của việc hợp quy này sẽ khiến giá thành sản xuất kinh doanh tăng khoảng 10% tùy sản phẩm.

4 Thực hành sản xuất tốt (GMP - Good manufacturing practice)

5 Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 quy định về quản lý thuốc thú y.

6 Thông tư số 12/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; kê đơn, đơn thuốc thú y; sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT.



Về mặt thẩm quyền lập quy, việc ban hành Thông tư lùi thời hạn áp dụng quy định về hợp quy thuốc thú y dường như chưa thực sự phù hợp. Đây là vấn đề đã được quy định tại luật của Quốc hội và không uỷ quyền cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết. Do đó, cần sớm sửa đổi Luật Thú y để bãi bỏ quy định phải hợp quy thuốc thú y tại Điều 78. Trong giai đoạn trước mắt, Chính phủ có thể tạm ngưng hiệu lực việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi kinh doanh thuốc thú y chưa được hợp quy.



Xăng dầu Xu hướng thị trường hoá



Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu của Việt Nam hiện được quản lý chủ yếu bằng Nghị định số 83/2014/NĐ-CP⁷ được sửa đổi bởi Nghị định số 95/2021/NĐ-CP⁸. Đây là lĩnh vực mà Nhà nước vẫn có nhiều công cụ can thiệp mạnh vào thị trường, có thể kể đến một số biện pháp chính như: (1) nhà nước quản lý giá bán lẻ với chu kỳ 10 ngày điều chỉnh một lần; (2) nhà nước cấp phép cho từng doanh nghiệp nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ xăng dầu với điều kiện cụ thể như phải có trang thiết bị, hệ thống kho, cảng để nhập khẩu, phân phối, có hệ thống cửa hàng bán lẻ; (3) chất lượng xăng dầu được quản lý bằng quy chuẩn kỹ thuật; (4) các doanh nghiệp đầu mỗi phải dự trữ lưu thông, nhập khẩu số lượng tối thiểu; (5) các cửa hàng bán lẻ không được dùng bán hàng nếu không có lý do chính đáng; (6) các cửa hàng xăng dầu chỉ được nhập hàng từ một nhà cung cấp và phải làm thủ tục với cơ quan nhà nước khi thay đổi nhà cung cấp; (7) không mở cửa cho nhà đầu tư nước ngoài; (8) cửa hàng bán lẻ xăng dầu phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, trong đó có quy định về khoảng cách tối thiểu giữa các cửa hàng.

Sự can thiệp mạnh mẽ của Nhà nước vào thị trường xăng dầu làm giảm khá nhiều sự năng động và cạnh tranh trên thị trường. Các doanh nghiệp không phải chịu nhiều áp lực cạnh tranh từ doanh nghiệp mới gia nhập thị trường; không phải cạnh tranh về giá bán lẻ; các doanh nghiệp bán buôn không quá áp lực về việc cạnh tranh thu hút nhà bán lẻ... Điều này làm giảm khá nhiều tính hiệu quả của thị trường xăng dầu Việt Nam.

Năm 2022, thị trường xăng dầu của thế giới gặp nhiều biến động mạnh do tác động của các cuộc xung đột vũ trang và lạm phát cao tại nhiều nước phát triển. Những biến động này cũng ảnh hưởng đến thị trường xăng dầu của Việt Nam. Tuy nhiên, nếu như thị trường xăng dầu của các quốc gia khác chỉ có biến động mạnh về giá, thị trường xăng dầu của Việt Nam lại xuất hiện hiện tượng thiếu hụt. Nhiều cửa hàng bán lẻ xăng dầu treo biển đóng cửa. Khi cơ quan nhà nước tiến hành thanh tra, kiểm tra xử phạt hành vi đóng cửa không có lý do chính đáng, các cửa hàng bán lẻ xăng dầu chuyển sang hình thức bán nhỏ giọt, mỗi cây xăng chỉ hoạt động một cột bơm và chỉ bán lượng giới hạn cho mỗi khách hàng.

7 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

8 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về kinh doanh xăng dầu.

Lý giải cho hiện tượng này, các doanh nghiệp bán lẻ xăng dầu cho rằng giá bán buôn lên quá cao trong khi giá bán lẻ bị nhà nước khống chế khiến doanh nghiệp bán lẻ càng bán càng lỗ. Do đó, họ có xu hướng muốn đóng cửa hàng tạm thời hoặc bán nhỏ giọt trong những thời điểm giá bán buôn lên cao hơn giá bán lẻ. Các doanh nghiệp đầu mối và bán buôn cho biết, do giá xăng trên thị trường thế giới tăng cao cộng với các chi phí premium (vận chuyển, bảo hiểm và chi phí khác cho từng lô hàng) tăng khiến giá nhập khẩu cũng tăng. Trong khi đó, giá bán lẻ được tính toán dựa trên chi phí đầu vào, trong đó chi phí mua xăng được cập nhật thường xuyên theo sàn giao dịch thế giới, nhưng chi phí premium chỉ được tính cho mỗi 6 tháng một lần. Việc chậm điều chỉnh chi phí định mức là một phần nguyên nhân gây nên tình trạng thiếu hụt xăng dầu trong năm 2022.

Một vấn đề nữa của việc quản lý thị trường xăng dầu là quy định về dự trữ bắt buộc. Khi giá xăng tăng cao hoặc khi thị trường thiếu hụt xăng, các doanh nghiệp có xu hướng bán ra nhiều hơn, làm giảm lượng xăng dầu dự trữ. Tuy nhiên, khi cơ quan nhà nước thanh kiểm tra đã yêu cầu doanh nghiệp phải bảo đảm lượng dự trữ tối thiểu theo quy định. Điều này khiến doanh nghiệp buộc phải dừng bán ra để tăng lượng dự trữ, từ đó làm trầm trọng thêm tình trạng thiếu xăng. Đáng lý ra, Nhà nước nên có quy định về việc điều hành lượng dự trữ lưu thông. Theo đó, tùy theo tình hình thiếu hụt xăng dầu trên thị trường, Nhà nước có thể tăng giảm lượng dự trữ bắt buộc từ đó tác động vào lượng cung trên thị trường.

Trước tình hình đó, các doanh nghiệp bán lẻ xăng dầu đã gửi nhiều kiến nghị đến VCCI và Bộ Công Thương về việc thay đổi quy định quản lý thị trường xăng dầu. Các kiến nghị này tập trung vào một số vấn đề chính như sau: (1) Nhà nước cần quản lý cả giá bán buôn và giá bán lẻ để bảo đảm chiết khấu bán lẻ ở mức chấp nhận được; (2) cho phép doanh nghiệp bán lẻ nhập hàng từ nhiều nguồn để tránh bị bên bán buôn ép giá.

Trong năm 2023, Bộ Công Thương sau đó đã có dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 83 và Nghị định 95, trong đó đề cập nhiều vấn đề có quan điểm chính sách khác nhau. Vấn đề thảo luận quan trọng nhất của dự thảo này là cơ chế quản lý giá xăng dầu, trong đó Bộ Công Thương đưa ra các phương án như (1) Nhà nước vẫn tiếp tục điều hành giá bán lẻ xăng dầu; (2) Nhà nước sẽ không điều hành giá cụ thể mà chỉ đưa ra giá tham khảo, các doanh nghiệp tự quyết giá bán lẻ; (3) Nhà nước không can thiệp vào giá xăng dầu. Nếu theo phương án 2 hoặc phương án 3 thì đây sẽ là thay đổi rất lớn trong việc quản lý thị trường xăng dầu của Việt Nam. Các ý kiến góp ý đều cho rằng việc bỏ điều hành giá sẽ giúp thị trường trở nên linh hoạt hơn do các doanh nghiệp sẽ có thể cạnh về giá, mang lại lợi ích cho người tiêu dùng. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra nhiều lo ngại về tình trạng lợi nhuận độc quyền tại những khu vực ít cơ sở bán lẻ xăng dầu, cũng như nguy cơ “bắt tay làm giá” giữa các doanh nghiệp.

Cuối năm 2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 80/2023/NĐ-CP⁹ sửa đổi Nghị định 83/2014/NĐ-CP và Nghị định 95/2021/NĐ-CP. Theo đó, Nhà nước vẫn tiếp tục quản lý giá xăng dầu bán lẻ mà chưa chuyển sang cơ chế tự do. Đề xuất về việc Nhà nước quản lý thêm giá bán buôn của các doanh nghiệp bán lẻ đã không được chấp nhận. Tuy nhiên, Nghị định 80/2023/NĐ-CP đã mở ra cho phép các doanh nghiệp bán lẻ được nhập hàng từ nhiều nhà cung cấp, nhưng đi kèm với đó, các doanh nghiệp bán lẻ phải bảo đảm chất lượng xăng dầu thông qua việc lấy mẫu và có hợp đồng với phòng thử nghiệm. Đối với dự trữ lưu thông, dù chưa có quy định cụ thể về điều hành lượng dự trữ nhưng đã có cơ chế báo cáo liên tục lượng dự trữ cũng như bảo đảm quyền lợi của doanh nghiệp dự trữ.

9 Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Theo phản ánh của các doanh nghiệp bán lẻ, việc cho phép nhập hàng từ nhiều nguồn đã giúp tăng tính cạnh tranh trên thị trường bán buôn rất nhiều. Trong nhiều trường hợp, dù doanh nghiệp bán lẻ không cần thay đổi nhà cung cấp, nhưng họ có vị thế hơn khi đàm phán với nhà cung cấp hiện tại. Đây là một minh chứng cho thấy Nhà nước nên cố gắng lựa chọn các giải pháp chính sách ít can thiệp vào quyền tự do kinh doanh nhất có thể, khi đó thị trường sẽ tự vận động hiệu quả mà vẫn bảo đảm mục tiêu quản lý.

Dù đã ban hành Nghị định 80/2023/NĐ-CP, song Chính phủ vẫn tiếp tục chỉ đạo Bộ Công Thương sớm hoàn thiện dự thảo mới để thay thế toàn bộ các văn bản quản lý thị trường xăng dầu trong năm 2024. Lần sửa đổi tới được nhiều doanh nghiệp kỳ vọng sẽ có nhiều thay đổi theo hướng tiếp tục mở rộng tự do kinh doanh, thậm chí cả tự do quyết định giá bán lẻ xăng dầu.



Thủ tục kê khai giá Cắt xén quy luật cung cầu



Luật Giá năm 2023 được ban hành thay thế cho Luật Giá năm 2012. Vấn đề quản lý giá trong luật mới được quy định cụ thể hơn so với trước đây, giúp bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp trong quá trình xây dựng văn bản chi tiết cũng như tránh nguy cơ biến tướng trong quá trình thực thi.

Luật Giá năm 2012 quy định “*Kê khai giá là việc doanh nghiệp gửi thông báo về giá cả cho cơ quan nhà nước **khi định giá**, điều chỉnh giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc diện phải kê khai giá.*” Mặc dù Luật Giá 2012 đã quy định rõ đây là thủ tục thông báo, tuy nhiên, trên thực tế lập quy cũng như thi hành thời gian qua, thủ tục này đã bị biến tướng thành dạng xin – cho và tác động đến nhiều doanh nghiệp.

Theo Nghị định số 177/2013/NĐ-CP¹⁰ hướng dẫn Luật Giá 2012 (sửa đổi bởi Nghị định 149/2016/NĐ-CP¹¹), các loại hàng hoá dịch vụ thuộc diện kê khai giá khá rộng, gồm: khí đốt, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, vắc xin thú y, muối ăn, sữa cho trẻ dưới 6 tuổi, đường ăn, thóc, gạo tẻ, xi măng, thép xây dựng, than, thức ăn chăn nuôi, giấy in, dịch vụ cảng biển, hàng không, sách giáo khoa, vé máy bay, dịch vụ khám chữa bệnh, giá taxi, giá xe khách...

Nghị định hướng dẫn này yêu cầu doanh nghiệp phải kê khai giá trước khi định giá, điều chỉnh giá. Tại Thông tư số 56/2014/TT-BTC hướng dẫn, trong hồ sơ kê khai giá, doanh nghiệp phải phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hoá, dịch vụ. Cơ quan nhà nước có quyền yêu cầu doanh nghiệp giải trình khi thấy lý do đưa ra không phù hợp. Đến năm 2016, Bộ Tài chính sửa đổi quy định này tại Thông tư số 233/2016/TT-BTC¹² theo hướng cơ quan nhà nước xác nhận doanh nghiệp đã nộp đủ thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định. Tuy nhiên, Điều 17 của Thông tư này trao quyền cho cơ quan nhà nước có quyền rà soát nội dung văn bản kê khai của doanh nghiệp và có quyền yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về mức giá phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá.

Luật Giá năm 2023 đã quy định rõ “*Kê khai giá là việc tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc trường hợp phải kê khai giá quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật này gửi thông báo mức giá **sau khi định giá**, điều chỉnh giá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phục vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.*” Việc xác định rõ thủ tục kê khai giá được thực hiện sau khi doanh nghiệp định giá, điều chỉnh giá có ý nghĩa rất lớn, trả lại bản chất mang tính thông báo của thủ tục này. Quyền định giá, điều chỉnh giá của doanh nghiệp không phải đợi làm thủ tục hành chính.

10 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

11 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

12 Thông tư số 233/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.



Cuối năm 2023, Bộ Tài chính soạn thảo quy định chi tiết về thủ tục kê khai giá. Trong đó quy định doanh nghiệp làm thủ tục kê khai giá trong vòng 5 ngày kể từ khi điều chỉnh giá. Tuy nhiên, Dự thảo này vẫn trao quyền cho cơ quan nhà nước yêu cầu doanh nghiệp giải trình về lý do điều chỉnh giá. Theo đó, doanh nghiệp phải thuyết minh sự biến động về yếu tố hình thành giá dẫn đến lý do điều chỉnh giá. Quy định này không chỉ trái với Luật Giá mà còn không phù hợp với quy luật kinh tế thị trường.

- *Thứ nhất*, Luật Giá quy định doanh nghiệp kê khai giá phải nêu lý do điều chỉnh giá, nhưng không giới hạn các lý do được chấp thuận. Doanh nghiệp chỉ cần khai nội dung này trong tờ khai. Trong khi đó, dự thảo Nghị định lại chỉ chấp nhận lý do điều chỉnh giá là do biến động yếu tố hình thành giá. Như vậy, dự thảo đã hạn chế quyền của doanh nghiệp so với Luật.
- *Thứ hai*, theo quy luật cung cầu, giá cả của hàng hoá phụ thuộc vào cung và cầu. Yếu tố hình thành giá (giá thành) có thể là một trong những nguyên nhân để thay đổi cung, nhưng không phải là nguyên nhân duy nhất tác động vào giá. Theo quy luật cung cầu, giá có thể biến đổi mà yếu tố hình thành giá không đổi. Đó là các trường hợp nhu cầu của người mua thay đổi (ví dụ, tăng lên do thị hiếu thay đổi) hoặc khi cung thay đổi (ví dụ, giảm đi do đối thủ cạnh tranh ngừng bán hàng) nhưng yếu tố hình thành giá doanh nghiệp không đổi. Lúc này, theo quy luật cung cầu, giá cả của hàng hoá thay đổi, nhưng dự thảo Nghị định lại không coi đây là lý do hợp lý.

Nếu doanh nghiệp được tăng giá trong những trường hợp trên, họ sẽ không có động lực để đầu tư mở rộng sản xuất, tăng sản lượng. Các doanh nghiệp khác cũng không có động lực nhảy vào thị trường này để bù đắp sự thiếu hụt cung hoặc sự gia tăng của cầu. Kết quả là thị trường mất nhiều thời gian hơn để quay trở lại điểm cân bằng khi cung cầu gặp nhau. Điều này gây thiệt hại cho nền kinh tế, làm chậm tốc độ tăng trưởng.

Dường như, cơ quan soạn thảo chỉ quan tâm đến các yếu tố hình thành giá, vốn là những con số sẵn có trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp. Còn các yếu tố về cung cầu khó nắm bắt và giám sát hơn, nên cơ quan nhà nước đã không đưa chúng vào các lý do được thay đổi giá. Kết quả là quy định được đưa ra theo hướng cắt xén quy luật thị trường.

Thuế tiêu thụ đặc biệt Những nỗ lực vận động chính sách của ngành hàng



Trong năm 2023, Bộ Tài chính đưa ra đề xuất sửa đổi Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt. Các doanh nghiệp thuộc các ngành hàng chịu tác động đã có nhiều hoạt động vận động chính sách đáng chú ý.

Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân là các sắc thuế mang tính phổ cập, có đối tượng tác động rộng nhưng mỗi chủ thể lại chịu tác động không quá lớn giữa các phương án chính sách. Vì vậy, khi xây dựng các sắc thuế này, số lượng ý kiến góp ý thường nhiều, nhưng ít khi có những hoạt động vận động chính sách sâu. Ngược lại, các sắc thuế tiêu thụ đặc biệt, bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên thường chỉ tác động đến các doanh nghiệp trong một ngành, lĩnh vực nhưng mức độ tác động lớn. Vì thế, các hoạt động vận động chính sách đối với những sắc thuế này rất sôi động.

Đối với đề xuất chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2023, hai lĩnh vực có nhiều hoạt động vận động đáng chú ý là trò chơi điện tử trực tuyến (game online) và rượu bia.

● Đề xuất đưa game online vào diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt

Trong bộ hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi, Bộ Tài chính đề xuất đưa game online vào diện chịu thuế. Các lý do được Bộ này đưa ra gồm:

- 1 Nghị quyết của Đảng có chủ trương mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, bổ sung đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt để điều tiết tiêu dùng, phù hợp với mục tiêu bảo vệ sức khỏe nhân dân và bảo vệ môi trường;
- 2 Game online là mặt hàng có doanh thu lớn, mức lợi nhuận cao, thu hút mọi độ tuổi khách hàng, đặc biệt là giới trẻ tham gia. Chơi game nhiều tác động tiêu cực đến sức khỏe con người như hại mắt, lười vận động, ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần, đặc biệt là đối với trẻ em.

Thị trường game online của Việt Nam phát triển tương đối nhanh, năm 2021 doanh thu ước tính đạt 665 triệu đô la Mỹ, tốc độ tăng trưởng 20-30% liên tục nhiều năm. Số lượng lao động ngành game năm 2021 ước đạt 20 nghìn người, với mức lương trung bình khá hấp dẫn, từ 200 đến 400 triệu đồng mỗi năm. Trên thị trường toàn cầu, các doanh nghiệp Việt Nam có thể mạnh đối với dòng trò chơi chơi trên điện thoại di động, trung bình cứ 10 trò chơi phổ biến nhất trên các kho ứng dụng thì có 5 trò chơi đến từ Việt Nam.

Tác động của game online đối với sức khỏe và cuộc sống của con người là một vấn đề gây tranh cãi. Không ít ý kiến nêu tác động tiêu cực của việc chơi game quá nhiều như vô bổ, mất thời gian, hại mắt, ít vận động. Thậm chí, một số game có nội dung xấu độc còn ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ em. Tuy nhiên, cũng có nghiên cứu cho rằng chơi game giúp phát triển trí tưởng tượng, tư duy logic, kỹ năng sử dụng máy tính. Một số game còn được xây dựng theo hướng vừa chơi vừa học, có tính giáo dục cao.

Các doanh nghiệp trong lĩnh vực game của Việt Nam đã có nhiều hoạt động vận động chính sách đối với vấn đề này. VCCI cùng với các doanh nghiệp game tổ chức Hội thảo về chủ đề thuế tiêu thụ đặc biệt đối với game online. Hội thảo này không chỉ bàn vấn đề về thuế mà rộng hơn là hướng chính sách phát triển đối với ngành game của Việt Nam. Các doanh nghiệp cũng tích cực tham gia các cuộc gặp, hội thảo, tọa đàm thảo luận về chủ đề thuế tiêu thụ đặc biệt do Bộ Tài chính và nhiều đơn vị khác tổ chức. Hàng loạt doanh nghiệp đã gửi công văn góp ý để phản đối việc đưa game vào diện đánh thuế tiêu thụ đặc biệt.

Các lý do chủ yếu được doanh nghiệp đưa ra gồm:

- 1 Đối tượng chịu thuế trò chơi điện tử trực tuyến sẽ rất khó để phân biệt với với các phần mềm, ứng dụng máy tính khác;
- 2 Người nộp thuế sẽ bao gồm nhiều nhà cung cấp dịch vụ xuyên biên giới khiến cho việc kê khai và nộp thuế gặp nhiều khó khăn. Nếu không có biện pháp hữu hiệu thì việc đánh thuế này sẽ mang tính “bào hộ ngược”, chỉ tác động đến các game được phát hành trong nước mà bỏ qua các game nước ngoài có nội dung không được kiểm soát;
- 3 Doanh thu của ngành game đến từ người dùng và từ quảng cáo. Nếu chỉ đánh thuế đối với doanh thu từ người dùng sẽ khiến các doanh nghiệp chuyển hướng sản xuất game miễn phí, vốn được trẻ em chơi nhiều hơn người trưởng thành. Nếu đánh thuế cả với doanh thu quảng cáo thì sẽ ảnh hưởng đến thị trường quảng cáo và đặc biệt khó khăn khi phân biệt quảng cáo trong nước và nước ngoài;
- 4 Các doanh nghiệp cũng phản ánh, họ đã cố gắng rà sát nhưng chưa tìm thấy có quốc gia nào trên thế giới đánh thuế tiêu thụ đặc biệt đối với game online.

Ngành game của Việt Nam có tiềm năng trở thành lĩnh vực công nghiệp nội dung số mũi nhọn. Việc xuất khẩu game và các sản phẩm nội dung số không chỉ mang lại doanh thu mà còn có thể trở thành kênh quảng bá văn hoá Việt Nam ra thế giới. Việc đánh thuế với game online, dù chỉ là tiêu dùng trong nước, cũng sẽ ảnh hưởng đến cơ hội phát triển của ngành này.

Nhờ những nỗ lực vận động như vậy, trò chơi điện tử trực tuyến đã được bỏ ra khỏi đề xuất đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của Bộ Tài chính.

● Đề xuất phương pháp tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu bia

Nếu như vấn đề của ngành game là đối tượng chịu thuế thì đối với rượu bia là phương pháp tính thuế. háp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành, thuế đối với rượu bia thực hiện theo nguyên tắc tương đối, tức là được tính trên tỷ lệ phần trăm giá bán sản phẩm đến cho người tiêu dùng.

Ngoài phương pháp tương đối, trên thế giới, một số quốc gia đánh thuế đối với rượu bia theo phương pháp tuyệt đối. Theo đó, số tiền thuế sẽ không phụ thuộc vào giá bán của sản phẩm mà được tính theo số lượng hoặc khối lượng sản phẩm, hoặc theo lượng cồn của sản phẩm rượu bia đó. Một số trường hợp khác được đánh thuế theo phương pháp hỗn hợp, tức là kết hợp cả phương pháp tương đối và tuyệt đối. Nói cách khác, số tiền thuế sẽ bao gồm một phần tuyệt đối, được tính theo lượng sản phẩm hoặc lượng cồn, và một phần tương đối được tính theo tỷ lệ phần trăm của giá bán.

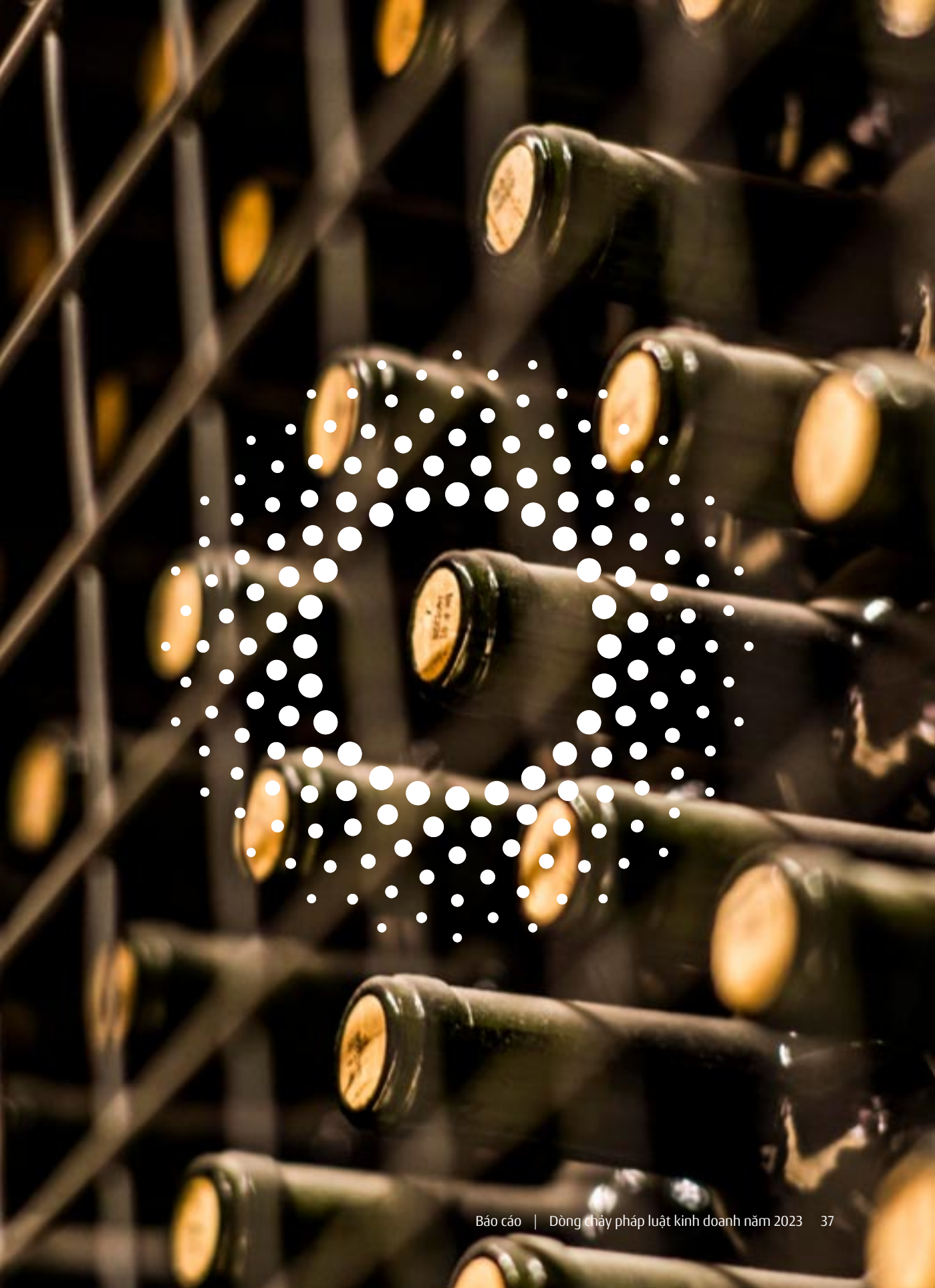
Trong quá trình thảo luận về thuế tiêu thụ đặc biệt, có ý kiến đề xuất chuyển đổi phương pháp tính thuế đối với rượu bia của Việt Nam từ tương đối sang phương pháp hỗn hợp. Đề xuất này đã gây nên tranh luận lớn trong các doanh nghiệp và các bên liên quan.

So sánh giữa hai phương pháp tính thuế, phương pháp tương đối hiện nay có lợi hơn cho các dòng sản phẩm bia rượu giá rẻ, do chi phí thuế trên một đơn vị sản phẩm sẽ thấp hơn. Ngược lại, phương pháp tính thuế hỗn hợp sẽ mang lại lợi thế cạnh tranh cho các dòng sản phẩm bia rượu giá cao. Chính vì thế, các doanh nghiệp kinh doanh rượu bia chia thành hai nhóm rõ rệt ủng hộ và phản đối đề xuất này.

Lý lẽ chủ yếu của quan điểm đánh thuế hỗn hợp là có tác động điều chỉnh hành vi của người tiêu dùng tốt hơn. Phương pháp này tăng đánh thuế vào lượng bia rượu (hoặc lượng cồn) tiêu thụ, vốn là nguyên nhân gây tác động tiêu cực của rượu bia, mà ít phụ thuộc vào sản phẩm đó đắt hay rẻ, chất lượng cao hay thấp. Tuy nhiên, phương pháp đánh thuế này lại mang lại lợi thế cạnh tranh cho các sản phẩm bia rượu nhập khẩu, thường là sản phẩm cao cấp, có giá thành cao và đã phải chịu thuế nhập khẩu. Do đó, phương pháp này sẽ không có lợi cho sản xuất trong nước so với hàng hoá nhập khẩu.

Chính phủ đã phải tổ chức nhiều cuộc họp để thảo luận về vấn đề này với sự tham gia của các bộ ngành và nhiều doanh nghiệp. Nghị quyết 115/NQ-CP¹³ ngày 28/07/2023 của Chính phủ có nội dung: *“**Xây dựng phương pháp tính thuế hỗn hợp** (thuế suất theo tỷ lệ phần trăm và mức thuế tuyệt đối) đối với rượu, bia theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với xu hướng cải cách thuế của quốc tế;”*. Tuy nhiên, sau nhiều cuộc họp, đến ngày 22/01/2024, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số 24/TB-VPCP về Kết luận của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái tại cuộc họp về hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), theo đó *“**Chưa bổ sung** vào Chính sách 5 nội dung mới về **phương pháp tính thuế hỗn hợp** đối với mặt hàng rượu, bia là bảo đảm phù hợp với Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2022”*. Như vậy, dự kiến hồ sơ Dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt sắp tới đây sẽ không có đề xuất về phương pháp tính thuế hỗn hợp.

13 Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 28/7/2023 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 7 năm 2023.



Một trong những đạo luật quan trọng được thảo luận trong năm 2023 là Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi. Trong bối cảnh chuẩn bị xét xử vụ án diễn ra tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn (SCB) và Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, vấn đề đại chúng hoá ngân hàng được coi là trọng tâm thảo luận.

Một trong những giải pháp được đưa ra là giảm tỷ lệ sở hữu tối đa của một cổ đông trong ngân hàng, từ đó làm tăng tính đại chúng của ngân hàng. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định giới hạn tỷ lệ sở hữu tối đa của một cá nhân, một tổ chức và một nhóm cổ đông có liên quan ở các mức 5%, 15% và 20%. Trong Dự thảo lấy ý kiến công chúng, Ngân hàng Nhà nước đưa ra đề xuất giảm tỷ lệ sở hữu tối đa của cá nhân, tổ chức và nhóm cổ đông có liên quan xuống các mức 3%, 10% và 15%.

Khá nhiều ý kiến từ các ngân hàng thảo luận về đề xuất chính sách này. Một số quan ngại được nêu ra như sau:

- 1 Việc hạ tỷ lệ sở hữu tối đa có thể làm tăng tính đại chúng của ngân hàng, nhưng lại khiến cơ quan nhà nước khó khăn hơn trong việc xác định ai là chủ thực sự của ngân hàng đó để có biện pháp giám sát hiệu quả;
- 2 Tỷ lệ sở hữu tối đa thấp có thể khiến các nhà đầu tư chiến lược không muốn gắn bó với ngân hàng, từ đó khiến cho việc quản trị ngân hàng không được hiệu quả;
- 3 Tỷ lệ sở hữu tối đa trước đó của Việt Nam tương đối thấp so với quy định của nhiều quốc gia khác trên thế giới nhưng việc cho vay tập trung cho một nhóm khách hàng vẫn thường xuyên diễn ra. Điều đó chứng tỏ quy định giới hạn tỷ lệ sở hữu đã không phát huy hiệu quả giảm rủi ro của hệ thống ngân hàng như kỳ vọng;
- 4 Việc thay đổi tỷ lệ sở hữu tối đa theo hướng giảm khiến nhiều cổ đông hiện hữu phải bán lại cổ phần của họ, không bảo đảm nguyên tắc bảo vệ quyền tài sản trong Hiến pháp. Quy định chuyển tiếp của dự thảo yêu cầu các cổ đông này phải có phương án và lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Sau quá trình thảo luận và lấy ý kiến nhiều vòng, Quốc hội đã quyết định giữ nguyên tỷ lệ sở hữu tối đa của cá nhân ở mức 5%, giảm tỷ lệ sở hữu tối đa của tổ chức và nhóm cổ đông liên quan từ 15% xuống 10% và 20% xuống 15%. Quan trọng hơn, quy định chuyển tiếp được xử lý theo hướng không hồi tố, tức là các trường hợp sở hữu vượt ngưỡng này từ trước không bắt buộc phải chuyển nhượng cổ phần.



Mặc dù không có nhiều thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần, Luật Tổ chức tín dụng năm 2024 vẫn được đánh giá là giúp tăng tính an toàn của hệ thống ngân hàng nhờ hàng loạt các biện pháp như mở rộng diện người có liên quan, tăng cường các biện pháp quản lý rủi ro như tỷ lệ bảo đảm an toàn, biện pháp can thiệp sớm của Nhà nước đối với các ngân hàng có nguy cơ đổ vỡ.

Một điểm đáng chú ý là bên cạnh hướng tiếp cận đại chúng hoá cổ phần, Luật này còn tập trung vào việc đại chúng hoá thông tin về ngân hàng. Theo đó, các cổ đông sở hữu từ 1% số cổ phần, người quản lý và ngân hàng sẽ phải cung cấp, công bố công khai rất nhiều thông tin về các lợi ích khác của mình như trường hợp tham gia góp vốn, quản lý doanh nghiệp khác, thông tin về người liên quan. Việc công bố công khai các thông tin này được kỳ vọng tạo thuận lợi hơn cho các cổ đông nhỏ, khách hàng, cơ quan nhà nước và toàn xã hội trong việc giám sát nguy cơ thao túng ngân hàng.

● Can thiệp giá vốn dĩ do thị trường điều chỉnh

Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn quy định các cơ sở quản lý chất thải phải thực hiện hai hoạt động là kiểm kê khí nhà kính và đo đạc giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Doanh nghiệp có hai cách thức thực hiện: *một là*, tự thực hiện bằng cách bố trí nhân lực có chuyên môn và các trang thiết bị kỹ thuật phù hợp để đảm bảo đúng kỹ thuật kiểm kê, đo đạc theo quy định; *hai là*, thuê dịch vụ từ bên thứ ba. Đơn vị cung cấp dịch vụ sẽ có nghĩa vụ tuân thủ các kỹ thuật đo đạc. Các chi phí để thực hiện kiểm kê nhà kính, đo đạc giảm nhẹ phát thải khí nhà kính do doanh nghiệp chi trả theo mức giá của thị trường.

Về phía cơ quan quản lý, các bộ, ngành sẽ ban hành quy định về các yêu cầu kỹ thuật nhằm đảm bảo chất lượng và tính tin cậy của kết quả đo của doanh nghiệp. Chẳng hạn, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư 17/2022/TT-BTNMT quy định về kỹ thuật đo đạc, kiểm kê trong lĩnh vực quản lý chất thải.

Năm 2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường soạn thảo Dự thảo Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động kiểm kê, đo đạc giảm nhẹ phát thải kính nhà kính, nhằm đưa ra định mức (quy thành giá tiền) cho từng hoạt động. Vấn đề là Dự thảo ban hành cả định mức với các hoạt động đo đạc, kiểm kê do doanh nghiệp tự bỏ chi phí ra thực hiện. Nói cách khác, thay vì để thị trường quyết định giá, Nhà nước lại quy định một “mức giá” tương đối cố định cho dịch vụ này.

Mục tiêu của quy định trên, suy đoán, là tránh tình trạng một số doanh nghiệp bán phá giá dịch vụ với mục đích thu lợi nhuận, trong khi không đảm bảo kỹ thuật đo đạc, khiến kết quả không đáng tin cậy và tạo ra lợi thế bất bình đẳng với các doanh nghiệp khác. Trên thực tế, có thể có hiện tượng này, tuy nhiên, cách thức quản lý theo hướng quy định về giá lại không phải là hướng đi phù hợp. Bởi, mức giá được ấn định rất dễ có độ vênh với giá thực tế trên thị trường: nếu cao hơn, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ phải chi trả quá nhiều, ngược lại, nếu thấp hơn, các đơn vị dịch vụ sẽ không còn động lực cung cấp dịch vụ nữa.

Một trường hợp khác, Dự thảo Nghị định sửa đổi về hóa đơn, chứng từ đề xuất phải thể hiện thông tin mã số định danh (căn cước) của người mua trên hoá đơn bán lẻ. Quy định này nhằm xác định người trúng thưởng trong chương trình “Hoá đơn may mắn” của cơ quan thuế.

Mục đích của chương trình là khuyến khích người dân lấy hoá đơn đổi lấy cơ hội trúng thưởng, từ đó chống thất thu thuế. Dù vậy, quy định trên lại khó đáp ứng mục tiêu ban đầu, trong khi lại gây ra gánh nặng thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, người dân.

Với người dân, không phải lần mua hàng nào họ cũng sẵn lòng kê khai thông tin (do lo ngại lộ danh tính) hoặc có thể không muốn phiền phức do chỉ mua một số món đồ nhỏ. Yêu cầu bắt buộc phải kê khai căn cước sẽ khiến người dân không muốn lấy luôn cả hóa đơn (thay vì là lấy hóa đơn không định danh như trước).

Với doanh nghiệp, do không có cơ chế xác nhận tính chính xác thông tin người mua cung cấp, có thể đối diện với nguy cơ bị hủy hóa đơn.

● Điều kiện kinh doanh hay điều kiện tham gia đấu thầu?

Một số trường hợp khác, cơ quan quản lý nhà nước có xu hướng quá coi trọng biện pháp quản lý bằng điều kiện kinh doanh để giải quyết các vấn đề chính sách, thay vì đặt vấn đề trong tổng thể hệ thống pháp luật để giải quyết.

Năm qua, Dự thảo Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp được soạn thảo, trong đó đặt yêu cầu các doanh nghiệp dân doanh phải được đáp ứng các điều kiện kinh doanh (về nhân lực, năng lực tài chính, năng lực kỹ thuật...) trước khi tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh.

Hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh có tính chất nhạy cảm cao, có thể tác động đến lợi ích công cộng. Để được tham gia vào hoạt động này, doanh nghiệp dân doanh sẽ phải đáp ứng các yêu cầu nhất định, không chỉ là năng lực thực hiện mà thậm chí còn bao gồm cả yêu cầu về đảm bảo an ninh, mức độ tin cậy (trung thành) của doanh nghiệp với Nhà nước.

Tuy nhiên, cung cấp sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh thường theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, thực hiện theo từng gói dịch vụ, công việc. Nó không có tính chất như một ngành nghề kinh doanh. Với tính chất này, đối với từng gói dịch vụ sẽ yêu cầu về điều kiện năng lực của doanh nghiệp cung cấp riêng, phù hợp với từng gói công việc. Như vậy, chỉ cần yêu cầu về năng lực của doanh nghiệp khi tham gia cung cấp cho mỗi gói dịch vụ, công việc – tương tự như yêu cầu năng lực của bên tham dự thầu trong mỗi gói thầu. Yêu cầu như vậy cũng sẽ đảm bảo khả năng tham gia đa dạng và linh hoạt hơn của khối tư nhân trong các gói thầu quốc phòng, an ninh. Chẳng hạn, các gói thầu nhỏ, đơn giản có thể thu hút được nhiều doanh nghiệp tư nhân, từ đó tăng tính cạnh tranh của gói thầu và đem lại lợi ích cho ngân sách.

Do đó, việc quy định điều kiện kinh doanh đối với các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm dịch vụ quốc phòng, an ninh dường như chưa thực sự phù hợp và quá mức cần thiết.

Thông tin từ báo cáo Sử dụng chưa hiệu quả



Trong một số ngành, lĩnh vực, cơ quan nhà nước sẽ yêu cầu doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ báo cáo/cung cấp thông tin. Các thông tin này sẽ được cơ quan nhà nước sử dụng để xem xét các doanh nghiệp chấp hành đúng quy định của pháp luật hay không, từ đó đưa ra các biện pháp quản lý tương ứng.

Hiện nay, có một số quy định yêu cầu doanh nghiệp phải gửi thông tin nhưng cơ quan nhà nước lại chưa khai thác hiệu quả nguồn thông tin. Điều này khiến quy định trở thành gánh nặng cho doanh nghiệp.

Nghị định số 10/2020/NĐ-CP quy định đơn vị kinh doanh vận tải hành khách xe ô tô từ 9 chỗ trở lên, đơn vị kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo phải lắp camera và phải truyền dữ liệu về cho cơ quan quản lý. Thông qua dữ liệu giám sát hành trình và hình ảnh camera, cơ quan quản lý nhà nước có thể biết, ngăn chặn và xử lý tất cả xe khách vi phạm về tốc độ, sai luồng tuyến, bỏ bến; hoặc xe hợp đồng chạy như tuyến cố định với lịch trình lặp lại liên tục ...

Để đạt được mục tiêu này, hệ thống phần mềm dữ liệu giám sát hành trình (GSHT) và hình ảnh camera cần có khả năng tự động phân loại, cảnh báo xe vi phạm. Tuy nhiên, cơ quan quản lý chưa có hệ thống phần mềm và nhân viên phải tự tổng hợp thủ công theo từng xe, từng chuyến. Đại diện nhiều địa phương cho rằng, do phải tổng hợp thủ công từ hệ thống GSHT theo từng xe, nên việc thống kê, xử lý vi phạm thường chậm 1-2 tháng so với thời điểm xảy ra vi phạm. Vụ xe khách của Công ty Thành Bưởi gây tai nạn là một ví dụ khi tài xế bị tước bằng lái nhưng vẫn lái xe và xe đã chạy vượt tốc độ cho phép. Dữ liệu hành trình và camera giám sát được truyền trực tiếp đến cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý nhưng không được phân tích, tự động ra cảnh báo nên đã không có bất kỳ sự can thiệp nào trước khi mọi chuyện quá muộn.

Trong khi đó, doanh nghiệp đã tốn một lượng chi phí không hề nhỏ để thực thi quy định trên. Kết quả khảo sát của VCCI năm 2021 ước tính rằng chi phí tuân thủ ban đầu (lắp camera) khoảng 1.160 tỷ đồng, và chi phí truyền dẫn dữ liệu là 240 tỷ đồng/tháng.

Như vậy, doanh nghiệp đã tiêu tốn hàng nghìn tỷ đồng để đáp ứng yêu cầu của cơ quan nhà nước, nhưng các kết quả đạt được còn...hạn chế.

Năm vừa qua, Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ người tiêu dùng được soạn thảo, trong đó đặt ra khá nhiều yêu cầu cung cấp thông tin không khả thi, gây tốn kém thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, chẳng hạn:

- Danh sách *chi tiết* các yêu cầu cung cấp thông tin người bán, gồm thời điểm, nội dung yêu cầu, thông tin người tiêu dùng yêu cầu; thời điểm giải quyết, thông tin cung cấp;
- Danh sách *chi tiết* xử lý các đánh giá vi phạm quy định, gồm số lượng, nội dung vi phạm, kết quả xử lý;
- Danh sách *chi tiết* giải quyết yêu cầu của người tiêu dùng, gồm: thông tin của người tiêu dùng; thời điểm, nội dung yêu cầu; thời điểm, kết quả xử lý;
- Danh sách *chi tiết* về các quảng cáo, nội dung và cách thức cung cấp;
- Danh sách hình thức xử lý, số lượng người bán nước ngoài bị xử lý.

Thông tin chi tiết về các nội dung trên là cực kỳ nhiều do số lượng người dùng, số sản phẩm, hàng hoá và số lượng giao dịch trên nền tảng lớn. Một số thông tin như quảng cáo còn được điều chỉnh khác nhau theo từng chương trình để đảm bảo tính hấp dẫn với người dùng. Khi đó, độ dài các báo cáo có thể lên tới hàng trăm trang với một lượng lớn dữ liệu đính kèm, dù vậy, vẫn có thể đối diện với nguy cơ không đủ chi tiết, phải tiếp tục chỉnh sửa. Trong khi đó, không rõ các thông tin trên có thể giúp gì cho mục tiêu bảo vệ người tiêu dùng, đặc biệt là khi vấn đề (nếu có) đều đã được các bên giải quyết ổn thoà?

Như vậy, có thể thấy một thực tế là một số cơ quan nhà nước yêu cầu doanh nghiệp chia sẻ báo cáo, dữ liệu, nhưng không có mục đích cụ thể hoặc không đủ khả năng để tổng hợp, xử lý. Khi đó, một nguồn lực xã hội không nhỏ đã và sẽ bị lãng phí. Trách nhiệm của doanh nghiệp đã được quy định rõ trong các văn bản, nhưng một câu hỏi đặt ra là trách nhiệm của cơ quan nhà nước thì sao?

Kinh tế số

Bất bình đẳng ngược giữa doanh nghiệp nội và doanh nghiệp ngoại!?



13

Các quốc gia thường có xu hướng ưu ái, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong nước hơn các doanh nghiệp nước ngoài. Điều này là dễ hiểu khi các chính phủ thường cố gắng phát triển nội lực của nền kinh tế với đội ngũ doanh nghiệp trong nước. Khi gia nhập WTO và các hiệp định thương mại quốc tế, Việt Nam phải đối xử công bằng giữa doanh nghiệp nội và doanh nghiệp ngoại theo nguyên tắc đối xử quốc gia (NT). Đây là luật chơi chung mà chúng ta phải tuân theo. Tuy nhiên, khi nhìn vào một số lĩnh vực của kinh tế số, có thể thấy nhiều quy định ngược chiều với xu hướng thông thường, khi các doanh nghiệp ngoại lại được hưởng các quy định thuận lợi hơn nhiều so với các doanh nghiệp trong nước.

Năm 2023, Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 72/2013/NĐ-CP về quản lý, sử dụng và kinh doanh dịch vụ internet trên mạng được soạn thảo, trong đó quy định về điều kiện quản lý các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ. Khi so sánh quy định giữa các chủ thể, có thể thấy dường như các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xuyên biên giới được áp dụng các biện pháp quản lý thông thoáng, nhẹ nhàng và ít nghĩa vụ so với các doanh nghiệp trong nước.

● Quy định về cấp phép

Vấn đề nội dung xấu của mạng xã hội có tác động càng lớn khi càng có nhiều người tiếp nhận và chia sẻ thông tin (hiệu ứng mạng lưới), do đó các mạng xã hội càng lớn sẽ càng có nguy cơ cao tác động đến lợi ích công. Do đó, các biện pháp quản lý doanh nghiệp nên phụ thuộc vào quy mô của mạng xã hội.

Bảng 1

Sự khác nhau giữa thủ tục hành chính mà mạng xã hội trong nước và xuyên biên giới cần thực hiện

Lượt truy cập hàng tháng từ Việt Nam	Doanh nghiệp xuyên biên giới	Doanh nghiệp Việt Nam
Dưới 10.000	Không	Thủ tục thông báo
10.000 – dưới 100.000	Không	Thủ tục cấp phép
Từ 100.000 trở lên	Thủ tục thông báo (cung cấp thông tin liên hệ)	Giấy phép có thời hạn tối đa 10 năm. Phải gia hạn sau khi hết thời hạn

Nhìn vào bảng trên, mức quy mô lớn của mạng xã hội trong nước và nước ngoài có sự khác nhau đáng kể. Các doanh nghiệp Việt Nam được coi là “lớn” khi đạt mức 10.000 người truy cập hàng tháng, tức là chỉ bằng 1/10 ngưỡng “quy mô lớn” của các doanh nghiệp xuyên biên giới. Theo giải trình, lý do để đặt ra ngưỡng 10.000 với doanh nghiệp trong nước vì chỉ một số ít các mạng xã hội trong nước đạt ngưỡng này (chứ chưa nói đến ngưỡng 100.000).

Tuy nhiên, nếu số liệu đã chỉ ra như vậy, có thể thấy rằng các doanh nghiệp trong nước tương đối nhỏ trên thị trường trong nước, không có ảnh hưởng quá lớn đến các lợi ích công và do đó không cần phải áp dụng biện pháp chặt chẽ như cấp phép.

● Các nghĩa vụ phải tuân thủ

Dự thảo đưa ra nhiều nghĩa vụ với mạng xã hội trong nước mà các mạng xã hội nước ngoài không phải đáp ứng, chẳng hạn: hệ thống kỹ thuật lưu trữ tối thiểu 02 năm; phương án dự phòng bảo đảm duy trì an toàn, liên tục; lưu trữ nhiều thông tin cá nhân hơn.

Dự thảo đưa ra hạn chế về tính năng cung cấp cho người dùng với mạng xã hội trong nước, chẳng hạn: phải thu thập đầy đủ thông tin người dùng theo yêu cầu trước khi cung cấp các tính năng chủ yếu như viết bài, chia sẻ...; và chỉ được cung cấp tính năng phát trực tiếp (livestream) khi đã được cấp phép. Dự thảo cũng đặt ra yêu cầu khó kiểm soát với doanh nghiệp trong nước như không cho đăng bài dưới hình thức phóng sự, điều tra, phỏng vấn, mà không rõ cách thức nào các doanh nghiệp có thể phân biệt các nội dung giữa luồng thông tin khổng lồ được đăng tải hàng ngày. Điều lạ là các mạng xã hội lại không phải thực hiện các quy định này.

Bảng 2

Các nghĩa vụ của các mạng xã hội trong nước và nước ngoài

Mạng xã hội xuyên biên giới	Mạng xã hội trong nước
Các nghĩa vụ chung	
Xác thực tài khoản người dùng dịch vụ với số điện thoại di động khi đăng ký tài khoản	
Cung cấp thông tin cá nhân cho cơ quan nhà nước khi có yêu cầu bằng văn bản	
Bảo đảm quyền quyết định của người dùng khi cho phép thông tin cá nhân của mình được sử dụng cho mục đích quảng bá, truyền thông và cung cấp cho tổ chức, cá nhân	
Chỉ cho phép người dùng tại Việt Nam từ 16 tuổi trở lên đăng ký tài khoản	
<ul style="list-style-type: none"> Tạm khoá nội dung bị khiếu nại trong thời gian 48h từ khi nhận được khiếu nại của người dùng Gỡ bỏ khi xác minh có vi phạm 	
Công khai quy trình, cách thức phân phối nội dung trên nền tảng mạng xã hội trong Thỏa thuận cung cấp dịch vụ/Tiêu chuẩn cộng đồng	
Cung cấp công cụ tìm kiếm, rà quét nội dung theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông	
Phối hợp với cơ quan chức năng phổ biến quy định pháp luật Việt Nam	
Báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất	
Ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung, dịch vụ, ứng dụng vi phạm chậm nhất 24 giờ kể từ thời điểm có yêu cầu của Bộ	
Các nghĩa vụ chung nhưng có sự khác nhau	
Lưu trữ thông tin cá nhân của người dùng Việt Nam: họ và tên, ngày tháng năm sinh, thư điện tử (email), số điện thoại di động tại Việt Nam.	Lưu trữ thông tin cá nhân của người dùng: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số chứng minh nhân dân/số căn cước công dân/số hộ chiếu , ngày cấp, nơi cấp, số điện thoại di động tại Việt Nam; địa chỉ thư điện tử (nếu có).
Tiếp nhận, xử lý, phản hồi các yêu cầu của cơ quan nhà nước, khiếu nại của người dùng	Có bộ phận chuyên trách trực 24/7 xử lý yêu cầu từ cơ quan nhà nước và người dùng Việt Nam
Kiểm tra, giám sát, loại bỏ dịch vụ vi phạm pháp luật; Ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin, dịch vụ, ứng dụng vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TTTT)	Kiểm tra, giám sát, loại bỏ dịch vụ vi phạm pháp luật chậm nhất 24h kể từ thời điểm phát hiện vi phạm. Ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin, dịch vụ, ứng dụng vi phạm pháp luật theo yêu cầu của Bộ TTTT hoặc cơ quan chức năng



Mạng xã hội xuyên biên giới	Mạng xã hội trong nước
Các nghĩa vụ chung nhưng có sự khác nhau	
Tạm khoá tài khoản, trang, nhóm, kênh thường xuyên đăng tải nội dung vi phạm pháp luật chậm nhất 24h khi có yêu cầu của Bộ	Tạm khoá tài khoản, trang, nhóm, kênh thường xuyên đăng tải nội dung vi phạm pháp luật chậm nhất 24h khi có yêu cầu của Bộ hoặc tự phát hiện vi phạm
Nhóm các nghĩa vụ riêng	
	Hiển thị thông tin trên website/app theo đúng yêu cầu
	Lưu trữ tối thiểu 02 năm với các thông tin về tài khoản, thời gian đăng nhập, đăng xuất, địa chỉ IP của người dùng và nhật ký xử lý thông tin được đăng tải
	Có ít nhất 01 hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam đảm bảo việc thanh, kiểm tra, cung cấp thông tin tại bất kỳ thời điểm nào
	Chỉ được cung cấp dịch vụ livestream hoặc hoạt động có phát sinh doanh thu khi được cấp giấy phép
	Có bộ phận quản lý nội dung thông tin và bộ phận quản lý kỹ thuật, nhân sự người Việt Nam
	Giải pháp để không sắp xếp bài viết theo các chuyên mục cố định; không đăng tải hoặc cho thành viên viết bài dưới hình thức phóng sự, điều tra, phỏng vấn và đăng tải lên mạng xã hội
	Giải pháp kiểm duyệt nội dung đăng tải trên mạng xã hội
	Công cụ lọc thông tin và cơ chế cảnh báo khi thành viên đăng tải thông tin có nội dung vi phạm pháp luật

Mạng xã hội xuyên biên giới	Mạng xã hội trong nước
Nhóm các nghĩa vụ riêng	
Thỏa thuận hợp tác về nội dung với cơ quan báo chí Việt Nam khi cung cấp thông tin dẫn lại từ báo chí Việt Nam	
	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm soát thời gian trẻ em sử dụng mạng xã hội không quá 120 phút/ngày • Giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng
Công khai chính sách và quy trình hỗ trợ khách hàng xử lý về an toàn thông tin mạng	
	Kết nối đến hệ thống giám sát của Bộ Thông tin và Truyền thông
	Thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã hội phải có đầy đủ nội dung theo yêu cầu và phù hợp với Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội

Khó có thể lý giải tại sao các doanh nghiệp trong nước lại phải chịu nhiều biện pháp quản lý hơn doanh nghiệp xuyên biên giới, khi cùng cung cấp một dịch vụ cho cùng một nhóm đối tượng (người dùng tại Việt Nam).

Thực tế, các doanh nghiệp Việt Nam thường là các doanh nghiệp nhỏ, nguồn lực ít, phải đi vào thị trường “ngách” và cần dựa vào thị trường trong nước để tồn tại, phát triển. Việc đặt ra quá nhiều nghĩa vụ sẽ khiến các doanh nghiệp tốn nhiều chi phí tuân thủ trong khi liên tục phải đương đầu với bài toán kinh doanh trong thị trường đã có nhiều ông lớn toàn cầu, và vô tình tạo ra “cạnh tranh ngược”, khiến các doanh nghiệp nội địa thiệt thòi trên chính sân nhà.



● Thực thi

Không chỉ ở mặt quy định, doanh nghiệp Việt cũng chịu sự phân biệt đối xử trong quá trình thực thi trên thực tế. Nhiều doanh nghiệp phản ánh rằng, cùng một lỗi vi phạm, doanh nghiệp Việt sẽ bị lập biên bản và xử phạt ngay, trong khi các doanh nghiệp ngoại dường như lại “thoải mái” hơn nhiều. Cơ quan quản lý chỉ gửi yêu cầu doanh nghiệp ngoại phối hợp gỡ bỏ, và thậm chí không có bất kỳ án phạt nào được đưa ra.

Các doanh nghiệp không phàn nàn việc bị xử phạt. Tuy nhiên, điều khiến các doanh nghiệp băn khoăn là việc không công bằng trong việc xử phạt giữa doanh nghiệp nội và ngoại, từ đó dẫn đến môi trường đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực này trở nên kém thuận lợi cho các doanh nghiệp nội.



Luật Đất đai 2024

Sự kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp



14

Luật Đất đai là đạo luật quan trọng, tác động lớn đến kinh tế - xã hội, môi trường đầu tư kinh doanh. Luật Đất đai có mối liên hệ chặt chẽ với các luật liên quan đến hoạt động đầu tư như Luật Đấu thầu, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư... Thời gian qua, tình trạng thiếu thống nhất giữa các văn bản pháp luật và những vướng mắc, bất cập trong các quy định đã tạo “điểm nghẽn” cho hoạt động đầu tư, đã được phản ánh nhiều lần. Việc sửa đổi Luật Đất đai cùng với các Luật Đấu thầu, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản được kỳ vọng sẽ tháo gỡ nhiều vướng mắc, khai thông môi trường đầu tư.

Theo dự kiến ban đầu, Luật Đất đai sẽ thông qua trong 3 kỳ họp Quốc hội. Trên thực tế, Quốc hội đã thảo luận trong 4 kỳ họp, thông qua tại kỳ họp bất thường vào tháng 01/2024. Với mức độ ảnh hưởng và tầm quan trọng của Luật Đất đai đối với kinh tế - xã hội, việc Quốc hội quyết định xem xét Dự luật này trong 4 kỳ họp là hợp lý, cho thấy sự thận trọng, kỹ lưỡng của các nhà làm luật khi sửa đổi đạo luật quan trọng này.

Luật Đất đai tác động đến hoạt động kinh tế, đời sống dân sinh, có mối liên hệ chặt chẽ với các văn bản pháp luật khác, vì vậy quá trình xây dựng Dự thảo, các cơ quan soạn thảo đã phải xử lý một lượng lớn ý kiến góp ý từ nhiều đối tượng khác nhau, rà soát số lượng lớn các văn bản pháp luật ở nhiều ngành lĩnh vực và phải cân nhắc nhiều phương án khác nhau đối với những vấn đề phức tạp để đảm bảo cân bằng được các lợi ích.

Luật Đất đai 2024 được ban hành, với nhiều chính sách mới so với luật hiện hành, cơ bản khắc phục được những mâu thuẫn, chồng chéo với các văn bản pháp luật khác, bổ sung những hành lang pháp lý còn thiếu đối với những một số hoạt động kinh tế. Đây là những nỗ lực vô cùng lớn của các nhà soạn thảo chính sách cũng như nhân dân, cộng đồng kinh doanh trong quá trình đóng góp ý kiến.

Hộp 1

Luật Đất đai 2024 và những điểm mới

Sáng ngày 18/01/2024, Quốc hội đã thông qua Luật Đất đai 2024 với tỷ lệ 87,63%. So với Luật hiện hành, Luật Đất đai 2024 một số điểm doanh nghiệp cần lưu ý:

Về nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp:

Tổ chức kinh tế được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp nhưng phải có phương án sử dụng đất nông nghiệp được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận.

Cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa quá hạn mức thì phải thành lập tổ chức kinh tế và có phương án sử dụng đất trồng lúa.

Luật tăng hạn mức nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân không quá 15 lần (luật cũ là 10 lần) hạn mức giao đất nông nghiệp.

Tài chính đất đai:

Luật đã bỏ quy định về khung giá đất. Quy định bảng giá đất được xây dựng hàng năm và bảng giá đất lần đầu được công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026, được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất từ ngày 01/01 của năm tiếp theo. Phân cấp thẩm quyền quyết định giá đất cụ thể cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Quy định ngay trong Luật nguyên tắc, căn cứ, 04 phương pháp định giá đất, trong đó bỏ một phương pháp so với hiện hành (phương pháp triết trừ).

Tiền thuê đất hàng năm được khống chế mức tăng sau mỗi chu kỳ điều chỉnh. Tỷ lệ điều chỉnh tiền thuê đất do Chính phủ quy định cho từng giai đoạn không quá tổng chỉ số giá tiêu dùng CPI hàng năm cả nước của giai đoạn 05 năm trước đó.

Luật quy định cụ thể thời điểm xác định giá đất, thời điểm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với từng trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất mà làm thay đổi diện tích, mục đích sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phải ban hành quyết định giá đất cụ thể trong thời gian không quá 180 ngày kể từ thời điểm xác định giá đất; đối với trường hợp áp dụng giá đất trong bảng giá đất để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phải ghi giá đất trong quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất.

Thay đổi các trường hợp Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm và trả tiền một lần:

Chỉ có một số trường hợp thuộc trường hợp trả tiền thuê đất một lần: i) Sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; ii) Sử dụng đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp; đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh; sử dụng đất thương mại, dịch vụ để hoạt động du lịch, kinh doanh văn phòng; iii) Sử dụng đất để xây dựng nhà ở xã hội cho thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Luật bổ sung quy định về “quyền thuê” trong hợp đồng thuê đất đối với trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm, theo đó người sử dụng đất được chuyển nhượng quyền thuê trong hợp đồng thuê đất; người nhận chuyển nhượng quyền thuê trong hợp đồng thuê đất được kế thừa các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định.

Các hình thức Nhà nước giao đất, cho thuê đất

Luật quy định các hình thức Nhà nước giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; các trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất thông qua lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

Đối với trường hợp đất thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị có công năng phục vụ hỗn hợp, dự án khu dân cư nông thôn, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Luật cũng quy định các điều kiện để đấu giá quyền sử dụng đất (đất đã được thu hồi và hoàn thành bồi thường, hỗ trợ tái định cư; có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được phê duyệt; có quy hoạch chi tiết 1/500 được cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập và phê duyệt đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở; có phương án đấu giá quyền sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt), đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất (thuộc danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định; có quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; điều kiện theo quy định của pháp luật đấu thầu) và điều kiện của các nhà đầu tư khi tham gia vào các hình thức lựa chọn này (ký quỹ hoặc các hình thức bảo đảm khác; có năng lực tài chính và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan; không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai ...).

Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại theo cơ chế thỏa thuận:

Luật Đất đai 2024 chỉ cho phép nhà đầu tư nhận chuyển nhượng “đất ở”; đối với trường hợp đang có quyền sử dụng đất thì chỉ cho phép quyền sử dụng đất ở hoặc đất ở và đất khác được thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại.

Luật cũng quy định các điều kiện sử dụng đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất: i) phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt và công bố; ii) đáp ứng điều kiện của chủ đầu tư; iii) có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh về việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất.

Luật cũng quy định rõ, người đang có quyền sử dụng đất có đề xuất dự án đầu tư nếu thuộc trường hợp bị thu hồi đất nhưng phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, có đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất mà được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thì được sử dụng đất để thực hiện dự án. Trường hợp này, Nhà nước sẽ không thu hồi đất.

Trong quá trình xây dựng và ban hành Luật Đất đai 2024, cộng đồng doanh nghiệp đã rất quan tâm và tham gia nhiệt tình vào đóng góp xây dựng Dự thảo. Những điểm mới của Luật có “dấu ấn” từ các kiến nghị của doanh nghiệp.

● Quá trình lấy ý kiến...

Ngày 23/12/2022, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 671/NQ-UBTVQH về việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi). Thời gian lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) bắt đầu từ ngày 03/01/2023 đến ngày 15/3/2023. Để triển khai Nghị quyết này, từ Trung ương đến địa phương đều xây dựng kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân đối với dự luật.

Theo thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tính đến ngày 27/3/2023 đã có hơn 9 triệu lượt ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi), tập trung vào nhiều nội dung như cơ chế, chính sách tài chính đất đai, giá đất; thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chuyển mục đích sử dụng đất... Điều này cho thấy, Nhân dân rất quan tâm đến các quy định của Luật Đất đai và sự công phu trong hoạt động lấy ý kiến.

Đối với doanh nghiệp, ngay thời điểm Dự thảo Luật Đất đai lần đầu tiên lấy ý kiến vào tháng 8/2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với VCCI tổ chức Hội thảo lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp. Thời điểm lấy ý kiến nhân dân, VCCI một lần nữa phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức Hội thảo lấy ý kiến doanh nghiệp. Hội thảo có sự chủ trì của Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Đức Hải, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà và Chủ tịch VCCI, thu hút hơn 250 đại biểu tham dự.

VCCI tiếp tục theo dõi các phiên bản và phản ánh ý kiến của doanh nghiệp tại hàng loạt hội thảo, hội nghị, tọa đàm, cuộc họp do cơ quan nhà nước tổ chức trong suốt thời gian xây dựng Dự thảo Luật Đất đai.

● Việc “lắng nghe” doanh nghiệp qua các phiên bản của Luật Đất đai

Ngay khi phiên bản đầu tiên đưa ra lấy ý kiến rộng rãi, cộng đồng doanh nghiệp đã nhiệt tình tham gia vào hoạt động góp ý. Các ý kiến của doanh nghiệp tập trung vào các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư của mình như: các trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; tài chính đất đai (giá thuê đất hàng năm; phương pháp định giá đất); các trường hợp thuê đất trả tiền một lần; trường hợp thu hồi đất, đặc biệt là thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng nhà ở thương mại; trường hợp thực hiện dự án có sử dụng đất thông qua cơ chế thỏa thuận; hoạt động lấn biển; bồi thường giải phóng mặt bằng;...

Qua các phiên bản có thể nhận thấy, một số ý kiến của doanh nghiệp đã được ghi nhận, ví dụ:

Các trường hợp Nhà nước cho thuê trả tiền một lần

Dự thảo lấy ý kiến Nhân dân đã có sự điều chỉnh khá lớn đối với các trường hợp Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm và các trường hợp Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần so với Luật hiện hành, theo đó chỉ có một số trường hợp sau thuộc trường hợp Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê là: i) Sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; ii) Sử dụng đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

Doanh nghiệp kiến nghị bổ sung một số trường hợp Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần như các dự án thương mại, dịch vụ (đặc biệt là đối với đất thuộc loại hình kinh doanh bất động sản phục vụ du lịch như căn hộ du lịch, biệt thự nghỉ dưỡng, căn hộ dịch vụ ...).

Ý kiến này đã được tiếp thu tại các phiên bản Dự thảo sau đó và ghi nhận tại Điều 120 Luật Đất đai “Đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh; sử dụng đất thương mại, dịch vụ để hoạt động du lịch, kinh doanh văn phòng” thuộc trường hợp Nhà nước cho thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

Giá đất để tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

Dự thảo lấy ý kiến Nhân dân quy định về giá đất để tính tiền thuê đất hàng năm như sau “Đối với các trường hợp tính thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thì giá đất để tính thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm ổn định trong 05 năm”. Quy định này không khống chế mức tăng sau mỗi thời kỳ ổn định, điều này có thể dẫn tới những rủi ro cho phương án tài chính kinh doanh của doanh nghiệp khi mức tăng của tiền thuê đất quá cao. Doanh nghiệp kiến nghị cần phải khống chế mức tăng (có thể cân nhắc quy định theo hướng tốc độ tăng tối đa không quá 1,2 lần tốc độ tăng lạm phát hoặc giới hạn tỷ lệ mức tăng so với tiền thuê đất trả trong 05 năm đầu tiên).

Dự thảo các phiên bản sau đó đã tiếp thu, điều chỉnh quy định theo hướng có sự kiểm soát về mức tăng tiền thuê đất, tuy nhiên có nhiều băn khoăn về phương án kiểm soát: quy định về mức “trần” đối với tỷ lệ điều chỉnh trong trường hợp tiền thuê đất hàng năm tăng so với chu kỳ trước và giao Chính phủ quy định tỷ lệ điều chỉnh cụ thể hay là giao Chính phủ quy định tỷ lệ điều chỉnh trong trường hợp tiền thuê đất hàng năm tăng so với chu kỳ trước mà không khống chế mức “trần”.

Điều 153 Luật Đất đai quy định theo hướng trao quyền cho Chính phủ quy định về tỷ lệ điều chỉnh mức tăng, nhưng giới hạn “tỷ lệ điều chỉnh do Chính phủ quy định cho từng giai đoạn không quá tổng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) hàng năm cả nước của giai đoạn 05 năm trước đó”.

Điều chỉnh các quy định để đảm bảo tính thống nhất giữa Dự thảo Luật Đất đai với các Dự thảo đang soạn thảo và các văn bản pháp luật có liên quan

Dự thảo lấy ý kiến Nhân dân có nhiều quy định chưa thống nhất với các Dự thảo Luật đang xây dựng, ví dụ như: thời điểm được thực hiện các quyền của người sử dụng đất; việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản đối với cá nhân nước ngoài sở hữu nhà ở gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về nhà ở; điều kiện chuyển nhượng sử dụng đất trong thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở (hình thức phân lô bán nền); quyền bề mặt...



Dự thảo các phiên bản sau đã điều chỉnh lại quy định, trong đó xác định phạm vi quy định: quy định nào quy định tại Luật Đất đai, quy định nào quy định tại Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản (ví dụ: đối với chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản; chuyển nhượng dự án bất động sản: giữa Luật Đất đai và Luật Kinh doanh bất động sản đã có sự phân chia phạm vi quy định. Luật Đất đai quy định liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng đất với các điều kiện như có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yếu tố chấp hành pháp luật về đất đai; xem xét có thuộc trường hợp kê biên, thế chấp... những yếu tố liên quan đến quy hoạch xây dựng, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật được dẫn chiếu sang pháp luật về kinh doanh bất động sản, pháp luật về nhà ở;...).

Luật Đất đai 2024 cơ bản đã thống nhất với các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Mặc dù vậy, có những kiến nghị của doanh nghiệp vẫn chưa được tiếp thu. Kiến nghị lớn nhất đó là liên quan đến loại đất thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất.

Dự thảo qua các phiên bản quy định chỉ được thực hiện dự án nhà ở thương mại đối với trường hợp đang có quyền sử dụng đất nếu đó là (1) đất ở hoặc (2) đất ở và đất khác (không phải đất ở, bao gồm cả đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp). Đối với trường hợp nhận chuyển nhượng, chỉ được nhận chuyển nhượng đối với đất ở.

Đây là một trong những nội dung nhận được sự quan tâm rất lớn của cộng đồng doanh nghiệp. Theo phản ánh, trên thực tế trong thời gian qua, doanh nghiệp đã gặp vướng mắc khá nhiều liên quan đến việc không thể triển khai dự án đầu tư về nhà ở thương mại khi chỉ có “đất khác mà không phải đất ở”, mặc dù đất khác này phù hợp với “quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt và công bố”.

Các doanh nghiệp đề nghị điều chỉnh quy định theo hướng cho phép thực hiện dự án nhà ở thương mại đối với trường hợp đang có quyền sử dụng đất là (1) đất ở; (2) đất ở và đất khác (không phải là đất ở, bao gồm cả đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp); (3) đất phi nông nghiệp không phải là đất ở đã hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất hoặc nộp tiền thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

Đây là vấn đề lớn, được thảo luận rất kĩ. Cho đến gần các phiên bản Dự thảo cuối, vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau để cân nhắc¹⁶: i) *Loại ý kiến thứ nhất*: giữ nguyên như quy định hiện hành; ii) *Loại ý kiến thứ hai*: cho phép các loại đất (1) đất ở hoặc (2) đất ở và đất khác (không phải đất ở, bao gồm cả đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp); (3) đất phi nông nghiệp không phải là đất ở đã hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất hoặc nộp tiền thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; iii) *Loại ý kiến thứ ba*: quy định chặt chẽ hơn, đó là các loại đất (1) đất ở; (2) đất ở và đất phi nông nghiệp không phải đất ở đã nộp tiền sử dụng đất hoặc nộp tiền thuê đất một lần.

Qua rất nhiều thảo luận, cân nhắc phương án được lựa chọn là tương tự như quy định hiện hành. Điều 127 Luật Đất đai quy định; i) *về thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất*: đối với trường hợp sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại thì chỉ được thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất ở; ii) *về đang có quyền sử dụng đất*: Trường hợp người đang có quyền sử dụng đất ở hoặc đất ở và đất khác có đề xuất dự án đầu tư nhà ở thương mại phù hợp

16 Theo tài liệu của Thường trực Ủy ban Kinh tế gửi lấy ý kiến VCCI vào tháng 10/2023

với quy hoạch sử dụng đất, có đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất mà được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư thì được sử dụng đất để thực hiện dự án.

Tuy nhiên, Quốc hội có mở ra trường hợp để giải quyết các kiến nghị trên, đó là nghiên cứu cơ chế thí điểm về việc xây dựng nhà ở thương mại thông qua cơ chế thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất đối với “đất khác”. Tháng 3/2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường, với tư cách cơ quan chủ trì soạn thảo, đã xây dựng và trình thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết thí điểm thực hiện nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất đối với đất khác.



Chuyển đổi xanh Nhìn lại trước khi bước tiếp

15

Trước yêu cầu chuyển đổi xanh, gần đây, Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách và quy định pháp luật dành cho lĩnh vực này. Dù mục tiêu tốt, việc ban hành nhanh chóng nhiều chính sách xanh cũng để lại nhiều băn khoăn, lo lắng với cộng đồng doanh nghiệp. Phần này xin điểm một số câu chuyện đáng chú ý về pháp luật chuyển đổi xanh.

Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) mở rộng trách nhiệm môi trường của nhà sản xuất đến tận giai đoạn thải bỏ sản xuất, từ đó thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn và bảo vệ môi trường. EPR là một chính sách lớn, tác động đến rất nhiều doanh nghiệp ở nhiều lĩnh vực sản xuất quan trọng, và không tránh khỏi tổn kém chi phí cho doanh nghiệp. Dù rất ủng hộ các quy định bảo vệ môi trường, các doanh nghiệp cũng có nhiều quan ngại khi chính sách được áp dụng khi chưa được chuẩn bị đầy đủ, kỹ lưỡng.

● Lại “luật khung, luật ống”

Quy định về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) được quy định chi vồn vẹn một điều tại Điều 54 Luật Bảo vệ môi trường 2020, với chi gần 300 từ. Với dung lượng khiêm tốn, quy định tại Luật gần như không có thông tin gì đáng kể, chỉ quy định rằng doanh nghiệp có trách nhiệm này. Một quy định với “3 Không”. Không có nội dung về sản phẩm thuộc diện tái chế, các doanh nghiệp không rõ có thuộc đối tượng điều chỉnh của quy định hay không để đóng góp cho chính sách. Không có nội dung về cơ chế vận hành, các doanh nghiệp không có nội dung gì để nghiên cứu, đóng góp ý kiến. Không có đánh giá tác động chính sách. Cứ thế, một trách nhiệm đặt lên vai doanh nghiệp trong sự “mù mờ”.

Nội dung của quy định này chỉ được làm rõ hơn khi soạn thảo Nghị định hướng dẫn quy định chi tiết Luật Bảo vệ môi trường. Để quy định chi tiết nội dung này, Dự thảo Nghị định phải bổ sung một chương (chương VI), với 6 điều quy định về cơ chế vận hành, và 3 điều về bộ máy giám sát cùng với 1 phụ lục quy định đối tượng chịu ảnh hưởng và lộ trình.

Hình 1

Các quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP¹⁷ để chi tiết hóa quy định về EPR



Lúc này, các doanh nghiệp mới có cơ sở để đóng góp ý kiến vào nội dung Dự thảo. Rất nhiều ý kiến về chi phí quản lý hành chính, quy cách tái chế, tỷ lệ tái chế, lộ trình, mức đóng góp, các thiết chế vận hành như Hội đồng EPR, Văn phòng EPR... Nhiều vấn đề chưa nhận được đồng thuận đến phút cuối cùng. Dù còn nhiều ý kiến trái chiều, Nghị định vẫn được ban hành để kịp thời có hiệu lực thi hành với Luật. Tình trạng “đặt gạch, giữ chỗ” tại văn bản luật như vậy cũng không quá hiếm. Việc này, một mặt, giúp cơ quan nhà nước tránh phải xây dựng nghị định không đầu với quy trình 2 bước phức tạp. Mặt khác, việc này tạo cảm giác chắc chắn vì sẽ vẫn được ban hành, dù chưa cụ thể hay khó khả thi. Mặc dù, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã yêu cầu phải gửi văn bản quy định chi tiết kèm theo Hồ sơ Luật, nhưng quy định này còn mang tính hình thức cao, không được kiểm tra kỹ lưỡng, cũng như không có gì ràng buộc giá trị pháp luật của hồ sơ này sau khi Luật được ban hành.

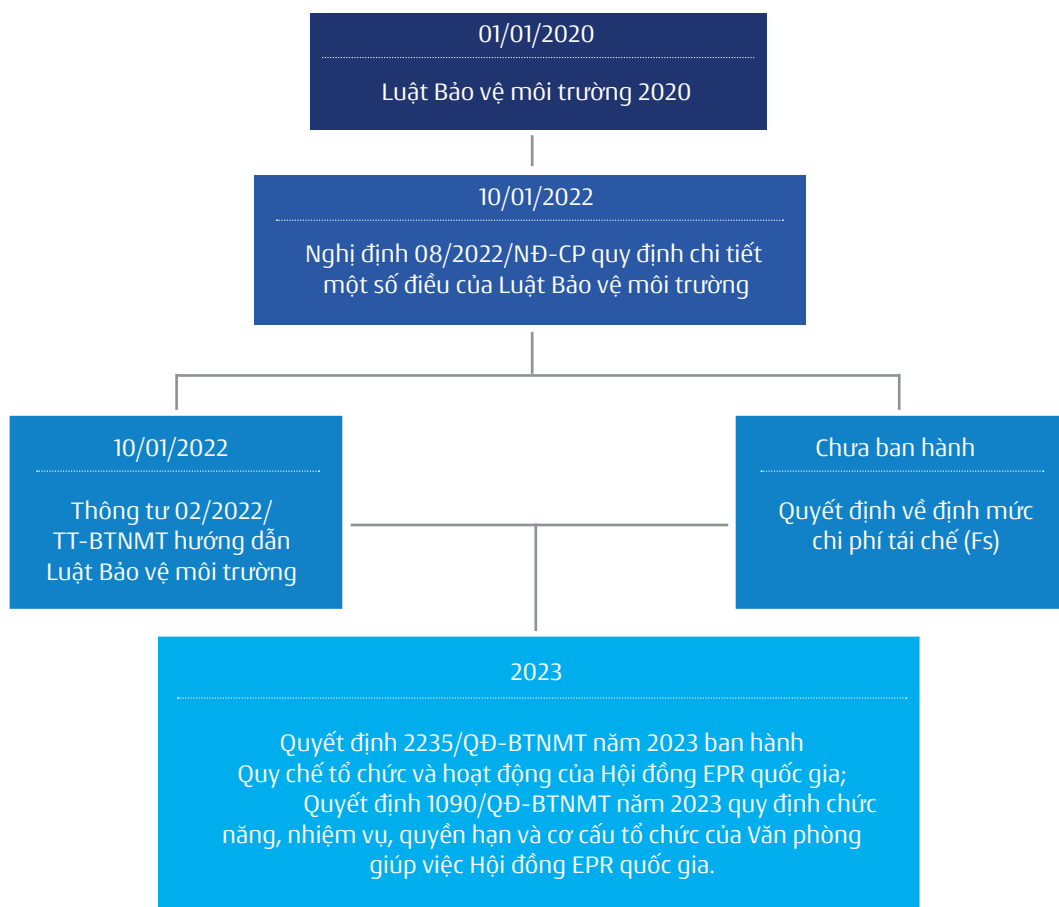
17 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Quá trình soạn thảo các văn bản hướng dẫn cũng mất nhiều thời gian. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được ban hành chậm hơn 10 ngày so với thời điểm Luật có hiệu lực, và có hiệu lực ngay lập tức, tức là bỏ qua thời hạn 45 ngày theo yêu cầu của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tại thời điểm ngày 31/3/2024, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về định mức chi phí tái chế (Fs) cũng chưa được ban hành, dù trách nhiệm này đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2024.

Năm 2022, để có cơ sở pháp lý cho hoạt động bộ máy vận hành EPR, Bộ Tài nguyên và Môi trường soạn thảo Dự thảo Thông tư ban hành quy chế quản lý, sử dụng đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhập khẩu vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam. Tuy nhiên, có lẽ do không có căn cứ pháp lý, Dự thảo đã không được ban hành. Nội dung này sau đó phải “gửi nhờ một phần” vào Quyết định về định mức chi phí Fs.

Hình 2

Các văn bản pháp luật liên quan đến quy định EPR



● Định mức chi phí tái chế Fs: bản khoản nguồn số liệu

Các doanh nghiệp không thể tự tái chế sẽ phải nộp khoản đóng góp hỗ trợ tái chế. Trong giai đoạn đầu, khi hệ thống tái chế chưa hoàn thiện, doanh nghiệp sẽ có xu hướng ưu tiên thực hiện trách nhiệm bằng cách nộp tiền đóng góp. Với mức đóng góp được căn cứ trên định mức chi phí tái chế (Fs) nhân với khối lượng sản phẩm thải bỏ, giá trị Fs sẽ là yếu tố quan trọng nhất tác động lên tổng mức đóng góp.

Việc xác định định mức Fs cần được xác định thông qua nghiên cứu khảo sát dữ liệu chi phí của các doanh nghiệp tái chế. Vì vậy, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện nghiên cứu này, và đưa kết quả này vào Dự thảo lấy ý kiến doanh nghiệp. Vấn đề là tài liệu công khai không bao gồm nghiên cứu này, tất cả những gì doanh nghiệp biết là các con số giá trị Fs – “phần ngọn”, còn “phần gốc” phương pháp nghiên cứu lại không được công khai.

Việc không công khai nghiên cứu làm các doanh nghiệp lo lắng. Doanh nghiệp không có căn cứ cụ thể nào để xác định xem số liệu nào là phù hợp, số liệu nào chưa. Thực tế, quá trình lấy ý kiến, doanh nghiệp phải dựa vào các kết quả nghiên cứu khác để góp ý số liệu; còn cơ quan soạn thảo đơn giản trả lời rằng hai nghiên cứu không cùng phương pháp nên không thể so sánh. Doanh nghiệp cũng phản ánh rằng, có sự chênh lệch rất lớn giữa Dự thảo và kết quả các nghiên cứu khác.

Các thông tin đưa vào Dự thảo văn bản nên phải chính xác và dựa trên nghiên cứu đáng tin cậy. Để như vậy, nghiên cứu phải đảm bảo các yếu tố về tính khoa học, khách quan. Chẳng hạn, cách thức chọn mẫu phải khoa học: việc lựa chọn các doanh nghiệp được chọn tham gia khảo sát phải khách quan, khoa học phản ánh được đặc điểm tổng thể của các doanh nghiệp tái chế ở Việt Nam. Hay phải áp dụng các biện pháp đảm bảo chính xác của dữ liệu khảo sát như cách thức xác thực số liệu doanh nghiệp cung cấp hoặc biện pháp tránh các xung đột lợi ích do đối tượng khảo sát cũng là đối tượng được hưởng lợi từ kết quả khảo sát. Do Báo cáo không được công khai, doanh nghiệp không thể xác nhận các yếu tố này. Thậm chí, qua từng phiên bản Dự thảo, các số liệu liên tục biến đổi, tăng lên hoặc giảm xuống vài chục, thậm chí vài trăm phần trăm (dù kết quả vẫn từ nghiên cứu gốc), khiến nhiều doanh nghiệp hoang mang (Bảng 1).

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cũng không có yêu cầu phải công khai các tài liệu này, vì vậy cơ quan soạn thảo có thể công khai hoặc không.

Bảng 3

Thay đổi của chi phí tái chế qua các phiên bản Dự thảo

Phân nhóm	Sản phẩm, bao bì	Dự thảo 1 (03/2023)	Dự thảo 2 (công khai lấy ý kiến)		Dự thảo 3 (công khai lấy ý kiến)	
			Dự thảo 2	% thay đổi so với Dự thảo 1	Dự thảo 3	% thay đổi so với Dự thảo 2
Bao bì giấy	Bao bì giấy, carton	10,000	8,900	-11%	9,500	7%
	Bao bì giấy hỗn hợp	11,000	10,500	-5%	10,700	2%
Bao bì kim loại	Bao bì nhôm	32,000	20,000	-38%	17,000	-15%
	Bao bì sắt và kim loại khác	12,000	8,500	-29%	9,000	6%
Bao bì nhựa	Bao bì PET cứng	15,000	10,750	-28%	9,700	-10%
	Bao bì HDPE, LDPE, PP, PS cứng	15,000	11,250	-25%	9,700	-14%
	Bao bì EPS cứng	15,000	11,250	-25%	9,700	-14%
	Bao bì PVC cứng	15,000	11,250	-25%	9,700	-14%
	Bao bì nhựa cứng khác	15,000	11,250	-25%	9,700	-14%
	Bao bì đơn vật liệu mềm	5,000	7,450	49%	10,400	40%
	Bao bì đa vật liệu mềm	4,000	7,350	84%	10,700	46%
Chai, lọ hộp		1,200	2,350	96%	3,300	40%
Ấc quy	Ấc quy chì	30,000	56,000	87%	44,800	-20%
	Ấc quy khác	50,000	66,000	32%	49,800	-25%
Pin	Pin cho phương tiện giao thông	50,000	82,500	65%	53,800	-35%
	Pin cho thiết bị điện, điện tử	70,000	82,500	18%	53,800	-35%

Phân nhóm	Sản phẩm, bao bì	Dự thảo 1 (03/2023)	Dự thảo 2 (công khai lấy ý kiến)		Dự thảo 3 (công khai lấy ý kiến)	
			Dự thảo 2	% thay đổi so với Dự thảo 1	Dự thảo 3	% thay đổi so với Dự thảo 2
Dầu nhớt cho động cơ		25,000	18,000	-28%	14,000	-22%
Săm lốp		10,000	5,250	-48%	5,700	9%
Thiết bị nhiệt lạnh	Tủ lạnh, tủ đông, máy bán hàng tự động	10,000	5,250	-48%	5,700	9%
	Điều hòa không khí cố định, di động	12,000	24,750	106%	14,500	-41%
Màn hình	Máy tính bảng, máy tính xách tay	7,000	18,350	162%	12,450	-32%
	Ti vi, màn hình máy tính, loại khác	7,000	18,350	168%	12,500	-33%
Bóng đèn	Bóng đèn compact	5,000	4,000	-20%	7,600	90%
	Bóng đèn huỳnh quang	5,000	6,250	25%	9,600	54%
Thiết bị lớn	Bếp điện, bếp từ, bếp hồng ngoại, lò nướng, lò vi sóng	12,000	14,600	22%	12,200	-16%
	Máy giặt, máy sấy	12,000	16,000	33%	12,400	-23%
Thiết bị nhỏ và vừa	Máy ảnh, máy quay phim	5,000	17,850	257%	16,950	-5%
	Loa, amply	5,000	11,500	130%	12,250	7%

Phân nhóm	Sản phẩm, bao bì	Dự thảo 1 (03/2023)	Dự thảo 2 (công khai lấy ý kiến)		Dự thảo 3 (công khai lấy ý kiến)	
			Dự thảo 2	% thay đổi so với Dự thảo 1	Dự thảo 3	% thay đổi so với Dự thảo 2
Thiết bị CNTT	Máy tính để bàn	3,000	16,600	453%	11,950	-28%
	Máy in, photocopy	3,000	16,850	462%	13,700	-19%
	Điện thoại di động	3,000	26,850	795%	19,950	-26%
Tấm quang năng		1,000	2,850	185%	4,000	40%
PTGT cơ giới đường bộ	Xe mô tô hai bánh; ba bánh	2,000	5,600	180%	5,700	2%
	Xe gắn máy	2,000	5,600	180%	5,700	2%
	Xe ô tô chở người	5,000	8,500	70%	6,650	-22%
	Xe ô tô chở hàng	5,000	8,500	70%	6,650	-22%
Xe, máy chuyên dùng	Xe mô tô hai bánh; ba bánh	5,000	8,750	75%	6,900	-21%

Ghi chú: Số liệu so sánh trong Bảng trên là chi phí tái chế. Chi phí tái chế là thành phần cơ bản nhất xác định giá trị của Fs, và là kết quả trực tiếp từ nghiên cứu mà Bộ Tài nguyên và Môi trường tiến hành.

● Những điều còn băn khoăn

Các doanh nghiệp phản ánh rằng họ còn nhiều băn khoăn, lo lắng với các quy định liên quan đến cơ chế EPR, cụ thể:

Một là, định mức chi phí tái chế Fs chưa phù hợp với mục tiêu hỗ trợ tái chế mà quy định đang hướng đến khi mà yêu cầu doanh nghiệp đóng tiền hỗ trợ với cả các hoạt động tái chế có lợi nhuận. Khoản tiền mà các doanh nghiệp đóng góp, theo quy định, sẽ được sử dụng để hỗ trợ hoạt động tái chế. Theo suy luận thông thường, hoạt động tái chế mà hiện nay chưa mang lại lợi nhuận sẽ là đối tượng được hỗ trợ: nhà sản xuất sẽ phải bù thêm tiền cho nhà tái chế để tái chế sản phẩm, bao bì đó. Ngược lại, hoạt động tái chế có lợi nhuận thì không cần hỗ trợ. Thực tế, nhiều loại bao bì như nhôm, sắt, giấy carton... hiện đang mang lại lợi nhuận cho các nhà tái chế, dù chưa có hỗ trợ từ cơ chế EPR. Nhà nước yêu cầu doanh nghiệp phải nộp tiền để hỗ trợ các hoạt động đã có lợi nhuận dường như đi ngược lại vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường.

Hai là, thiết kế mức phí nộp EPR đánh đồng giữa các loại bao bì, mà chưa có giữa bao bì thân thiện môi trường và loại thiếu tính chất này. Vì đều phải cùng nộp một mức phí, doanh nghiệp không có động lực để thay đổi thiết kế, mẫu mã bao bì theo hướng thân thiện với môi trường hơn. Ví dụ, doanh nghiệp sử dụng nhựa tái chế và nhựa nguyên sinh đều phải nộp mức phí EPR như nhau, sử dụng giấy tái chế hay giấy làm từ bột gỗ cũng phải nộp như nhau.

Ba là, cơ chế thực hiện hiện nay chưa khuyến khích doanh nghiệp tự thực hiện tái chế. Trong giai đoạn đầu, nhiều doanh nghiệp còn đang tìm tòi phương án để tái chế hiệu quả, nên công suất chưa thể lớn. Trong khi đó, cơ chế hiện nay chỉ cho phép doanh nghiệp lựa chọn một trong hai cơ chế: tự tái chế toàn bộ hoặc nộp tiền toàn bộ; mà không được thực hiện tái chế một phần (phần chưa tự tái chế thì được nộp tiền). Doanh nghiệp dường như thiếu sự lựa chọn trong giai đoạn chuyển tiếp này trước khi hệ thống tái chế hoàn thiện.

Bốn là, các doanh nghiệp băn khoăn về một khoản tiền lớn sẽ bị tồn đọng. Mỗi năm, doanh nghiệp phải nộp tiền tạm ứng vào đầu năm và giữa năm nhưng đến đầu năm sau mới được quyết toán. Tức là khi doanh nghiệp chưa có doanh thu, còn chưa bán được hàng, người tiêu dùng chưa mua, chưa thải ra môi trường thì doanh nghiệp đã phải nộp tiền, còn số tiền này cũng chưa chi ngay, mà đợi kết quả hoạt động của nhà tái chế vào cuối năm. Trong khoảng thời gian đó, khoản tiền đóng góp này, dự kiến lên đến vài nghìn – vài chục nghìn tỷ đồng, sẽ chỉ “nằm yên trong ngân hàng”, trái ngược với tình cảnh của chính các doanh nghiệp phải vay tiền từ ngân hàng cho hoạt động kinh doanh của mình.

GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH – TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG: HAI MÀ LẠI NHƯ MỘT QUY ĐỊNH

Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả 2010 quy định về trách nhiệm của các doanh nghiệp trong việc sử dụng năng lượng, trong đó đối tượng chủ yếu là các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm. Các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm là các cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, kinh doanh vận tải có mức tiêu thụ năng lượng từ 1000 tấn dầu quy đổi (TOE) trở lên; các công trình xây dựng được có mức tiêu thụ từ 500 TOE trở lên.

Các cơ sở này sẽ cần thực hiện một số biện pháp bắt buộc để sử dụng năng lượng tiết kiệm, bao gồm (1) xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; (2) thực hiện mô hình quản lý năng lượng và (3) kiểm toán năng lượng bắt buộc 3 năm một lần.

Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 06/2022/NĐ-CP¹⁸ quy định các doanh nghiệp có trách nhiệm trong hoạt động giảm phát thải. Cụ thể, các doanh nghiệp sẽ thực hiện (1) xác định mức phát thải hiện tại, (2) lên kế hoạch giảm phát thải và đo đạc để xác định mức giảm phát thải thực hiện được.

Các cơ sở thực hiện bao gồm nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất công nghiệp, toà nhà thương mại, công ty kinh doanh vận tải hàng hoá có mức tiêu thụ năng lượng từ 1000 TOE trở lên và cơ sở xử lý chất thải có công suất từ 65.000 tấn trở lên.

So sánh sẽ thấy rằng phạm vi các cơ sở thực hiện kiểm kê có sự tương đồng với phạm vi các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.

18 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/1/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.



Bảng 4

Danh mục các cơ sở thực hiện kiểm kê khí nhà kính và Danh mục các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm

Cơ sở thực hiện kiểm kê KNK	Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm
Nhà máy nhiệt điện từ 1000 TOE trở lên	
Cơ sở sản xuất công nghiệp từ 1000 TOE trở lên	
	Cơ sở sản xuất nông nghiệp từ 1000 TOE trở lên
Công ty kinh doanh vận tải hàng hoá từ 1000 TOE trở lên	Công ty kinh doanh vận tải từ 1000 TOE trở lên
Tòa nhà thương mại từ 1000 TOE trở lên	Các công trình xây dựng từ 500 TOE trở lên (gồm trụ sở, văn phòng làm việc, nhà ở; cơ sở giáo dục, y tế, vui chơi giải trí, thể dục, thể thao; khách sạn, siêu thị, nhà hàng, cửa hàng)
Cơ sở xử lý chất thải rắn công suất 65.000 tấn trở lên	

Một điểm cần lưu ý, các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cũng chính là các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính. Các biện pháp sẽ chủ yếu là các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

Hộp 2

Các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực sử dụng năng lượng



Các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực sử dụng năng lượng (áp dụng với các cơ sở sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải, thương mại dịch vụ)

- Sử dụng điều hòa nhiệt độ và thiết bị lạnh *hiệu suất cao* trong dịch vụ thương mại và gia dụng;
- Sử dụng đèn thấp sáng *tiết kiệm điện*;
- Sử dụng các biện pháp nâng cao *hiệu quả sử dụng* năng lượng trong các ngành công nghiệp;
- Sử dụng các thiết bị điện, thiết bị lạnh *hiệu suất cao* trong dịch vụ, thương mại và công nghiệp;
- Cải tiến, phát triển và áp dụng công nghệ trong sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sử dụng *hiệu quả năng lượng* trong giao thông vận tải; giới hạn mức tiêu thụ nhiên liệu đối với xe cơ giới;
- Sử dụng thiết bị đun nước nóng mặt trời;
- Chuyển đổi phương thức vận tải hành khách và hàng hoá;
- Tăng hệ số tải của ô tô;
- Sử dụng khí thiên nhiên nén (CNG) và nhiên liệu sinh học; sử dụng các loại xe máy, ô tô, xe buýt chạy điện

Nguồn: Báo cáo đóng góp do Quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam cập nhật năm 2022, trang 8.

Như vậy, có sự “trùng lặp” giữa hệ thống pháp luật về tiết kiệm năng lượng và pháp luật về giảm khí nhà kính. Về chủ thể, các doanh nghiệp thực hiện tiết kiệm năng lượng cũng chiếm phần lớn trong số các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ giảm phát thải khí nhà kính. Về trách nhiệm, các biện pháp tiết kiệm năng lượng cũng chính là các biện pháp mà doanh nghiệp có thể thực hiện để giảm thiểu khí nhà kính.

Và do sự “trùng lặp này”, các doanh nghiệp phải thực hiện đồng thời nghĩa vụ của hai quy định: (i) vừa phải kiểm toán năng lượng bắt buộc; xây dựng kế hoạch tiết kiệm năng lượng theo Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; (ii) vừa phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính, xây dựng kế hoạch giảm phát thải và đo đạc kết quả giảm phát thải theo Luật Bảo vệ môi trường. Có thể nói, cùng một công việc nhưng doanh nghiệp có thể sẽ phải thực hiện 2 trách nhiệm, gây tốn kém hai lần chi phí, thời gian.



Biết rằng, lĩnh vực giảm phát thải là lĩnh vực Việt Nam đã cam kết quốc tế, và có yêu cầu cắt giảm bắt buộc (so với lĩnh vực tiết kiệm năng lượng chưa có mục tiêu bắt buộc), do đó, tiếp cận theo hướng giảm phát thải khí nhà kính là phù hợp. Tuy nhiên, trước khi ban hành thêm các quy định về chuyển đổi xanh, có lẽ cần rà soát lại các quy định hiện có để có hướng xử lý thống nhất và đồng bộ giữa các quy định, tránh tạo ra khoảng trống lặp, chồng chéo nghĩa vụ cho doanh nghiệp.

HẠN CHẾ TIÊU THỤ CÁC CHẤT SUY GIẢM TẦNG Ô-DÔN: VIỆC KIỂM SOÁT CÓ QUÁ MỨC?

Theo cam kết quốc tế tại Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn và Bản sửa đổi bổ sung Kigali, Việt Nam có nghĩa vụ cắt giảm 80% lượng tiêu thụ môi chất lạnh thuộc nhóm môi chất lạnh nhân tạo (HFC) vào năm 2045. Theo Nghị định thư Montreal, lượng tiêu thụ các chất được kiểm soát của mỗi quốc gia được tính bằng lượng sản xuất cộng với lượng nhập khẩu và trừ đi lượng xuất khẩu. Như vậy, chỉ cần kiểm soát lượng sản xuất và nhập khẩu là đủ để thực hiện Nghị định thư này.

Tuy nhiên, bên cạnh các quy định này, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP còn bổ sung thêm các biện pháp kiểm soát hoạt động thu gom, tái chế, tái sử dụng, xử lý các chất HFC. Thông tư số 17/2022/TT-BTNMT quy định về quy chuẩn kỹ thuật thực hiện các hoạt động này, trong đó yêu cầu trình độ của kỹ thuật viên và các trang thiết bị như máy thu hồi, bình chứa, cân định lượng, bom chân không, thiết bị kiểm tra rò rỉ, đồng hồ đo áp suất, đồng hồ đo điện.

Việc đặt ra thêm quy định về thu gom, lưu trữ, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát, là vượt quá yêu cầu của Nghị định thư. Cần lưu ý rằng, việc thu gom, lưu trữ, tái chế, tái sử dụng và xử lý chỉ là một trong rất nhiều biện pháp để giảm lượng tiêu thụ chất được kiểm soát. Nhà nước đã khống chế tổng lượng tiêu thụ bằng hạn ngạch, do đó bản thân các doanh nghiệp và người dân sẽ phải tự cân đối và tìm cách tiết kiệm, tránh thất thoát khí HFC để có đủ lượng phục vụ cho nhu cầu. Thực tế, việc giảm hạn ngạch từ mức 3600 tấn năm 2019 xuống 2600 tấn năm 2020 đã khiến giá các loại khí được kiểm soát trên thị trường tăng gấp đôi. Với mức chi phí cao như vậy thì bản thân các doanh nghiệp hiện nay đã tìm cách hạn chế sự rò rỉ và thu gom, tái chế, tái sử dụng chất được kiểm soát. Theo lộ trình này, nếu tiếp tục cắt giảm hạn ngạch khí được kiểm soát giảm xuống 1300 tấn vào năm 2025 thì chắc chắn giá các chất này sẽ tiếp tục tăng, có thể gấp đôi, thậm chí gấp ba lần hiện nay. Với mức giá cao như vậy thì chắc chắn các doanh nghiệp sẽ tiếp tục tìm mọi cách để chống thất thoát khí HFC mà không cần đặt ra nghĩa vụ pháp lý mới.

Hơn nữa, chi phí của doanh nghiệp có thể sẽ phải tăng khoảng 15-20% so với hiện nay, theo ước tính của một số doanh nghiệp. Thời gian chờ đợi của khách hàng vào thời gian cao điểm trong năm (đầu mùa hè) có thể tăng lên do việc thiếu vắng các kỹ thuật viên có đủ chứng chỉ, đặc biệt là ở các khu vực xa trung tâm, vốn có ít nhà cung cấp ngành điện lạnh.



Từ năm 2016 đến năm 2020 có các làn sóng cải cách quy định pháp luật về kinh doanh rất mạnh mẽ, trong đó một số lượng lớn điều kiện kinh doanh được bãi bỏ hoặc đơn giản hóa¹⁹, giảm đáng kể các chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, góp phần tạo thuận lợi hơn cho môi trường đầu tư kinh doanh.

Các năm trở lại đây, hoạt động cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được Nhà nước thúc đẩy. Các Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020²⁰, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022²¹ và Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2023²², Nghị quyết số 105/NQ-CP năm 2023²³, Nghị quyết số 02/NQ-CP²⁴ ngày 05/01/2024 của Chính phủ đã thể hiện rõ quyết tâm cải cách, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh. Các Bộ đã và đang xây dựng các phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của mình và hiện thực hóa những đề xuất.

19 Năm 2016, Chính phủ có cuộc tổng rà soát các quy định về điều kiện kinh doanh ban hành ở cấp thông tư, ban hành hơn 50 Nghị định về điều kiện kinh doanh vào ngày 01/7/2016, trong đó cũng bãi bỏ, đơn giản hóa một số lượng lớn điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính.

20 Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025.

21 Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022.

22 Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023.

23 Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 15/7/2023 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương.

24 Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024.

Hộp 3

Sự trở lại của Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024

Đầu năm 2024, Chính phủ quay trở lại ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024.

Nghị quyết đã thể hiện quan điểm chỉ đạo, đảm bảo quyền tự do kinh doanh cho người dân, doanh nghiệp, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh và phát triển các ý tưởng kinh doanh mới, sáng tạo. Cải cách theo hướng giảm số lượng thủ tục, thời gian, chi phí và rủi ro cho doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng xây dựng chính sách. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao chất lượng thực thi văn bản, kiên quyết cắt giảm thủ tục hành chính gây chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

Xuất phát từ quan điểm chỉ đạo trên, Nghị quyết đã đặt ra các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phân công cụ thể cho các Bộ, ngành, trong đó chú trọng vào các nhóm giải pháp trọng tâm như: i) tháo gỡ bất cập pháp lý trong thực hiện dự án đầu tư; ii) Nâng cao chất lượng cải cách danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh; iii) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, đẩy mạnh cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa và triển khai hiệu quả cổng thông tin một cửa quốc gia; iv) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước để nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính; v) Tăng khả năng tiếp cận và hấp thụ vốn cho doanh nghiệp; vi) Hoàn thiện chính sách nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư, sản xuất, kinh doanh gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, hướng tới phát triển bền vững; vii) Nâng cao chất lượng các dịch vụ phát triển kinh doanh.

Nghị quyết đã yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: i) xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, văn bản cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết này trước ngày 20/01/2024; ii) Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình, Kế hoạch thực hiện các Nghị quyết về cải thiện môi trường kinh doanh; đồng thời công khai các kết quả kiểm tra, giám sát. Phân công đơn vị làm đầu mối thực hiện tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình cải thiện môi trường kinh doanh của bộ, ngành và địa phương; iii) coi trọng và thường xuyên chủ trì, phối hợp với VCCI, hiệp hội doanh nghiệp tổ chức các hoạt động đối thoại với người dân, doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt các phản hồi chính sách và giải quyết các khó khăn, vướng mắc; đảm bảo đối thoại thực chất, giải quyết ngay được các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; iv) Rà soát, điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra để đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo; không cản trở, gây khó khăn cho hoạt động của doanh nghiệp.

Sự trở lại của Nghị quyết số 02/NQ-CP cho thấy quyết tâm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của Chính phủ và đưa đến kỳ vọng của doanh nghiệp về môi trường kinh doanh thuận lợi hơn.

Mặc dù vậy, doanh nghiệp vẫn phản ánh về những bất cập, vướng mắc xuất phát từ các quy định lẫn thực thi. Doanh nghiệp kỳ vọng các cải cách thể hiện trong các Nghị quyết, chỉ đạo được quyết liệt thúc đẩy và hiện thực hóa trong đời sống kinh tế một cách mạnh mẽ và thực chất hơn.

CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH – CHƯA CÓ SỰ ĐỘT PHÁ

Gần ba năm trở lại đây, để thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP năm 2020, các Bộ đã tiến hành rà soát, xây dựng các Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của mình. Nhìn chung, các Phương án tập trung nhiều nhất vào các đề xuất: bổ sung phương thức thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến và đơn giản hóa về hồ sơ xin phép (ví dụ: bỏ yêu cầu phải cung cấp các tài liệu mà cơ quan giải quyết thủ tục đã có hoặc có thể tra cứu trong hệ thống thông tin của Nhà nước trong hồ sơ cấp phép; giảm số lượng hồ sơ phải nộp). Các đề xuất về đơn giản hóa một số điều kiện kinh doanh (ví dụ: giảm số lượng nhân sự; giảm một số yêu cầu về cơ sở vật chất; ...) hay giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính mặc dù có, nhưng không nhiều.

Bên cạnh đó, các Bộ cũng xây dựng các phương án phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính, trong đó một số lượng lớn thủ tục hành chính được phân cấp xuống cho địa phương thực hiện.

Tính từ năm 2021 đến cuối tháng 11/2023, các bộ, ngành đã thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa 2.483 quy định kinh doanh tại 201 văn bản quy phạm pháp luật. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1.191 quy định kinh doanh tại 221 văn bản quy phạm pháp luật²⁵. Về cơ bản, hoạt động cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh đã, đang, sẽ thực hiện sẽ góp phần tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính và môi trường kinh doanh thuận lợi hơn.

Tuy vậy, các Phương án cắt giảm, đơn giản hóa vẫn chưa thực sự đạt như kỳ vọng, đôi chỗ vẫn còn mang tính hình thức. Điều này cũng đã phản ánh trong các Báo cáo Dòng chảy pháp luật kinh doanh của VCCI các năm gần đây. Một quy định, nếu chỉ dừng ở mức *có cắt giảm, đơn giản hóa* thì có thể đề xuất theo hướng: giảm số lượng hồ sơ phải nộp; bỏ yêu cầu phải cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giảm thời gian giải quyết thủ tục khoảng 02-03 ngày ... Tuy nhiên, cũng là quy định này, nếu thực sự cải cách có thể kiến nghị bỏ hẳn thủ tục. Trong nhiều trường hợp, các Phương án đưa ra thường ở mức đơn giản hóa thủ tục.

25 Công văn số 97/TCTCCTHC của Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính ngày 12/11/2023 về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025.

Hộp 4

Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích – đơn giản hóa thủ tục hay là bãi bỏ thủ tục?

Theo quy định tại Điều 9 Nghị định 61/2016/NĐ-CP²⁶, để được cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích, cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực xây dựng (tùy thuộc vào lĩnh vực) và hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Như vậy, để được phép hành nghề tu bổ di tích, cá nhân phải có ba loại chứng nhận sau:

- Chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực xây dựng;
- Chứng chỉ hoặc chứng nhận đã tham gia chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích;
- Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích.

Như vậy, Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích được cấp khi cá nhân đáp ứng điều kiện đã có hai Chứng chỉ khác, điều này sẽ tạo gánh nặng về thủ tục hành chính cho cá nhân muốn cấp Chứng chỉ. Về mặt quản lý, Nhà nước chỉ cần kiểm soát về trình độ chuyên môn của người hành nghề khi đã có Chứng chỉ về xây dựng và bồi dưỡng kiến thức – đã được chứng minh ở Chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực xây dựng và Chứng chỉ hoặc Chứng nhận đã tham gia chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích.

Tóm lại, việc yêu cầu phải có Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích là không cần thiết.

Phương án cắt giảm đơn giản hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa theo hướng: giảm thời gian xem xét thời gian hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc và bổ sung thêm hình thức thực hiện thủ tục theo hình thức trực tuyến. Đây là các đề xuất chưa thực sự như kỳ vọng của doanh nghiệp.

Các vấn đề lớn, tác động đến doanh nghiệp, dường như “vắng bóng” trong các Phương án cắt giảm, đơn giản hóa, ví dụ như các quy định về quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy chữa cháy; các điều kiện kinh doanh bất cập, vướng mắc mà doanh nghiệp phản ánh trước đây (ví dụ: yêu cầu lắp camera trên xe ô tô từ 09 chỗ trở lên; các yêu cầu liên quan đến truyền dẫn, hợp đồng của vận tải hành khách ô tô theo hình thức hợp đồng; các điều kiện kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh vàng, trang sức, mỹ nghệ ...).

Năm 2023, VCCI có tiến hành lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp về những khó khăn, bất cập, chông chéo trong các văn bản pháp luật về kinh doanh. Doanh nghiệp, hiệp hội đã phản ánh 94 bất cập, vướng mắc trong đó liên quan đến các quy định từ cấp luật đến nghị định, thông tư. Có thể nhận thấy, các vướng mắc của doanh nghiệp phản ánh dường như rất ít được phản ánh trong các đề xuất cắt giảm của các bộ, ngành. Điều này cho thấy, dường như hoạt động cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh đang chưa phản ánh được mong muốn thực sự của doanh nghiệp.

26 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Hộp 5

Một số vướng mắc, bất cập trong các quy định về kinh doanh mà doanh nghiệp, hiệp hội phản ánh

Cơ chế quản lý đối với hoạt động kinh doanh vận tải theo hợp đồng

Khoản 5 Điều 7 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP²⁷ quy định: “Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng trước khi thực hiện vận chuyển hành khách phải cung cấp đầy đủ các nội dung tối thiểu của hợp đồng vận chuyển theo quy định tại khoản 2 (trừ điểm e, điểm g) Điều 15 của Nghị định này đến Sở Giao thông vận tải nơi cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng văn bản hoặc qua thư điện tử (Email). Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022, đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng thực hiện cung cấp đầy đủ các nội dung tối thiểu của hợp đồng vận chuyển qua phần mềm của Bộ Giao thông vận tải.”

Quy định này tạo ra gánh nặng về thủ tục hành chính cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải theo hình thức hợp đồng. Hàng ngày, các doanh nghiệp này có hàng trăm chuyến xe hợp đồng, việc yêu cầu cung cấp nội dung của hợp đồng vận chuyển, mặc dù bằng email khiến doanh nghiệp phải bỏ ra thời gian và chi phí tuân thủ để thực hiện. Trong khi đó về mặt thực thi, cơ quan quản lý địa phương cũng khó sử dụng công cụ này để kiểm soát việc doanh nghiệp có tuân thủ quy định hay không.

Mặt khác, xét về mục tiêu quản lý nhà nước yêu cầu doanh nghiệp phải cung cấp thông tin của mỗi hợp đồng vận chuyển nhằm phân biệt giữa các loại hình kinh doanh vận tải. Tuy nhiên, việc phân biệt này không có nhiều ý nghĩa về mặt quản lý, trong khi đó lại tạo ra gánh nặng về thủ tục rất lớn cho doanh nghiệp.

Yêu cầu tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm

Nghị định số 09/2016/NĐ-CP²⁸ yêu cầu tăng cường iốt vào muối dùng để ăn trực tiếp, chế biến thực phẩm; Bột mì dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường sắt và kẽm. Doanh nghiệp trong lĩnh vực thực phẩm đã phản đối rất mạnh mẽ quy định này vì gây rất nhiều khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tăng chi phí và giảm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, thiếu hiệu quả và không phù hợp với quốc tế.

Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP²⁹ đã yêu cầu sửa đổi quy định này, tuy nhiên đến nay vẫn chưa sửa đổi.

Các ràng buộc đối với cho thuê lại lao động

Điều 52 Bộ luật lao động 2019 quy định “Cho thuê lại lao động là việc người lao động giao kết hợp đồng lao động với một người sử dụng lao động là doanh nghiệp cho thuê lại lao động, sau đó người lao động được chuyển sang làm việc và chịu sự điều hành của người sử dụng lao động khác mà vẫn duy trì quan hệ lao động với người sử dụng lao động đã giao kết hợp đồng lao động.”; “Hoạt động cho thuê lại lao động là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, chỉ được thực hiện bởi các doanh nghiệp có Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động và áp dụng đối với một số công việc nhất định”.

27 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

28 Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28/01/2016 của Chính phủ quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm.

29 Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo.

Trên thực tế, không phải doanh nghiệp nào cũng có đội ngũ nhân sự để thực hiện việc tuyển dụng và quản lý lao động hiệu quả, đặc biệt đối với những trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu tăng đột xuất số lượng người lao động có tay nghề cao để phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh. Do đó, việc sử dụng lao động thuê lại từ các công ty cho thuê lại lao động sẽ là giải pháp hiệu quả để đáp ứng kịp thời nhu cầu về nguồn lực lao động của doanh nghiệp, đồng thời tạo công ăn việc làm cho người lao động.

Tuy nhiên, quy định pháp luật hiện hành chỉ cho phép doanh nghiệp được thuê lại lao động trong một số dịch vụ nhất định và trong một khoảng thời gian ngắn. Điều này có thể chưa phù hợp với các doanh nghiệp sản xuất, khi mà phạm vi gia tăng sản xuất ngắn hạn nhằm đáp ứng biến động về nhu cầu trên thị trường là rất lớn.

Việc đóng khung các ngành nghề được phép cho thuê lại lao động dường như chưa hợp lý, ít nhất bởi các lý do sau:

- Xét bản chất, cho thuê lại lao động là dịch vụ cầu nối việc làm giữa người lao động và người sử dụng lao động. Trong quan hệ lao động, người lao động và người sử dụng lao động có thể ký kết hợp đồng để thực hiện công việc trong tất cả các ngành nghề kinh doanh trừ các ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh. Do đó, việc giới hạn dịch vụ cho thuê lại lao động trong một số ngành nghề là chưa phù hợp;
- Việc đặt ra giới hạn các ngành nghề được phép cho thuê lại lao động sẽ giảm cơ hội tìm kiếm việc làm của người lao động và cơ hội tìm kiếm nhân lực có chất lượng của người sử dụng lao động.

Đến tháng 11 năm 2023, hoạt động cắt giảm đơn giản hóa quy định về điều kiện kinh doanh đã đi qua hơn nửa giai đoạn (2020 - 2025), nhưng theo Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính vẫn còn một số bộ chưa trình Thủ tướng Chính phủ phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh, “một số Bộ chưa cập nhật đầy đủ kịp thời quy định kinh doanh lên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh; việc tham vấn ý kiến của doanh nghiệp, người dân đối với quy định kinh doanh dự kiến ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chưa được thực hiện đầy đủ; còn 688 quy định kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa nhưng vẫn đang trong quá trình nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi; việc tiếp nhận, xử lý khó khăn, vướng mắc trong thực hiện quy định, thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp còn chậm trễ³⁰”. Dường như không khí khẩn trương, cải cách vẫn chưa thực sự được thúc đẩy mạnh mẽ tại các cơ quan quản lý nhà nước.

30 Công văn số 97/TCTCCTHC của Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính ngày 12/11/2023 về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025



CẮT GIẢM NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH – CẦN ĐƯỢC QUAN TÂM HƠN NỮA

● Về ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

Khác với giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, hoạt động cắt giảm, đơn giản hóa ngành nghề kinh doanh có điều kiện, điều kiện kinh doanh thời gian gần đây có dấu hiệu “hạ nhiệt”. Từ năm 2020 đến nay, không có hoạt động rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh nào lớn và mạnh mẽ nữa. Có thể vấn đề này được xem xét trong hoạt động về cắt giảm, đơn giản hóa các quy định kinh doanh mà các bộ, ngành đang triển khai trong cả giai đoạn 2020 – 2025, tuy nhiên, trong các đề xuất tại các phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh gần như không có đề xuất nào về việc sẽ bỏ hoặc thu hẹp phạm vi của ngành nghề kinh doanh có điều kiện; các đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa về điều kiện kinh doanh rất “mờ nhạt”.

Số lượng ngành nghề trong Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã có nhiều thay đổi theo chiều hướng giảm kể từ lần đầu tiên có Danh mục này, đó là từ 267 năm 2014 xuống còn 243 năm 2016 và 227 năm 2020. Nhưng từ năm 2020 đến nay số lượng này *không giảm*, thậm chí còn *tăng thêm* (năm 2022, bổ sung thêm ngành nghề “Đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên”; “Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng (không bao gồm kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự)”, tách ngành nghề “Môi giới “bảo hiểm, hoạt động phụ trợ” bảo hiểm” thành hai ngành nghề “môi giới bảo hiểm”, “hoạt động phụ trợ bảo hiểm”; ...).

Năm 2022, Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022, Chính phủ đã giao nhiệm vụ các Bộ, ngành: “*Nghiên cứu, rà soát danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện; kiến nghị các phương án gồm: (i) Thu hẹp phạm vi của một số ngành nghề; (ii) Đưa ngành nghề ra khỏi danh mục nếu có biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn; (iii) Đưa các ngành nghề ra khỏi danh mục nếu yêu cầu quản lý thiếu cơ sở khoa học và thực tiễn, không có mục tiêu quản lý hoặc mục tiêu quản lý không rõ ràng... Kiểm soát việc đề nghị bổ sung ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh mới*”.

Việc rà soát quy định pháp luật là hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý, tuy nhiên các quy định về ngành nghề kinh doanh có điều kiện dường như rất ít được đề xuất để xem xét bãi bỏ ra khỏi Danh mục. Theo quan sát trong các lần sửa đổi trước, việc bãi bỏ này thường được xem xét khi sửa đổi tổng thể Danh mục và dưới sức ép về cải cách, cải thiện môi trường kinh doanh. Có thể, dưới góc nhìn của cơ quan quản lý, các ngành nghề trong Danh mục hiện tại đã phù hợp, không cần phải xem xét sửa đổi thêm vì vậy không cần thiết phải đề xuất bãi bỏ hay đơn giản hóa. Tuy nhiên, dưới góc nhìn của doanh nghiệp, không gian để xem xét, sửa đổi về Danh mục là rất lớn, chẳng hạn:

Về việc đưa ra khỏi Danh mục hoặc thu hẹp phạm vi của một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Trong các báo cáo rà soát và các góp ý trước đây, VCCI đã từng kiến nghị bỏ ra khỏi Danh mục các ngành nghề: i) không phù hợp với mục tiêu quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư 2020; ii) sử dụng biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn là áp đặt điều kiện kinh doanh. Hoặc thu hẹp phạm vi của một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện khi: i) một/một số khâu của hoạt động đầu tư (từ sản xuất đến phân phối) là cần kiểm soát bằng điều kiện kinh doanh hoặc; ii) trong một nhóm hoạt động, chỉ cần kiểm soát một/một số nhóm hoạt động kinh doanh mà không phải là tất cả.

Ví dụ, các ngành nghề “kinh doanh dịch vụ việc làm”; “kinh doanh dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng”; “Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu” có thể xem xét đưa ra khỏi Danh mục.

Hộp 6

Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu

“Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu” là ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong Danh mục tại Luật Đầu tư.

“Lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật là đưa sản phẩm âm thanh, hình ảnh có nội dung biểu diễn nghệ thuật được định dạng trên băng, đĩa, phần mềm và vật liệu khác để kinh doanh, khai thác, sử dụng trong xã hội” (khoản 4 Điều 2 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP³¹). Với tính chất này, thì hoạt động kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu như một ngành nghề kinh doanh thông thường, không tác động đáng kể nào tới các lợi ích công cộng quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư 2020. Do đó, xác định đây là một ngành nghề trong Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là chưa phù hợp. Mặt khác, theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP, điều kiện lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại là:

- Là đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật; tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh bản ghi âm, ghi hình theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện lưu chiếu theo quy định.

Quy định trên không được xem là điều kiện kinh doanh. Trên thực tế, hoạt động kinh doanh này cũng đang không được kiểm soát bằng điều kiện kinh doanh.

31 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

Ví dụ, ngành nghề “kinh doanh vàng” có thể thu hẹp phạm vi theo hướng bỏ hoạt động “sản xuất kinh doanh vàng trang sức mỹ nghệ” là ngành nghề kinh doanh có điều kiện; cần xác định lại phạm vi của ngành nghề “Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì”.

Hộp 7

“Hoạt động kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ” trong ngành nghề “Kinh doanh vàng”

“Kinh doanh vàng” là ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong Phụ lục IV Luật Đầu tư 2020. “Kinh doanh vàng, trang sức, thủ công mỹ nghệ” thuộc phạm vi của “kinh doanh vàng”, được xác định ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Vàng trang sức thủ công mỹ nghệ được xem là loại hàng hóa thông thường. Kinh doanh loại hàng hóa này không tác động đến lợi ích công cộng như các loại vàng khác trong cùng nhóm “Kinh doanh vàng”. Bản thân các điều kiện kinh doanh của kinh doanh vàng, trang sức, thủ công mỹ nghệ cũng không có tính đặc thù của một ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP³², hoạt động kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ phải đáp ứng các điều kiện: i) là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; có địa điểm, cơ sở vật chất và các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ. Các điều kiện kinh doanh này không rõ nhằm hướng đến mục tiêu nào quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư 2020. Đây là các điều kiện mà bất kỳ một ngành nghề kinh doanh thông thường nào cũng phải có để có thể hoạt động được. Trong quá trình thực thi Nghị định số 24/2012/NĐ-CP, các doanh nghiệp kinh doanh vàng đã nhiều lần kiến nghị về việc loại bỏ hoạt động kinh doanh vàng trang sức, thủ công mỹ nghệ ra khỏi Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

32 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng

Hộp 8

Nhập khẩu thiết bị in

“Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì” là ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Với phạm vi này thì các hoạt động in, nhập khẩu máy móc, thiết bị in sẽ chịu sự ràng buộc bởi điều kiện kinh doanh.

Từ Nghị định số 60/2014/NĐ-CP³³ đến Nghị định số 25/2018/NĐ-CP³⁴ và Nghị định 72/2022/NĐ-CP³⁵ là một bước tiến dài về cắt giảm các điều kiện kinh doanh đối với hoạt động in. Tuy nhiên, vì xác định “kinh doanh dịch vụ in” là ngành nghề kinh doanh có điều kiện nên tất cả các hoạt động kinh doanh trong ngành in cơ quan quản lý đều có thể quy định điều kiện kinh doanh, kể cả các hoạt động kinh doanh không cần thiết phải áp đặt các điều kiện.

Trước Nghị định số 72/2022/NĐ-CP, để nhập khẩu một số thiết bị in, doanh nghiệp phải xin giấy phép nhập khẩu thiết bị in. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gồm: Đơn; Ca-ta-lô của từng loại thiết bị. Với hồ sơ cấp phép như thế này, thiết bị in không khác gì một loại hàng hóa thông thường và cũng không rõ tiêu chí nào để cơ quan nhà nước cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

Đến Nghị định số 72/2022/NĐ-CP, cơ chế cấp phép đã chuyển sang khai báo nhập khẩu. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải có giấy xác nhận khai báo nhập khẩu thiết bị in mới được phép nhập khẩu. Xét bản chất, đây cũng là một dạng giấy phép.

Đối với hoạt động nhập khẩu in, việc kiểm soát có thể có là điều kiện của các thiết bị in được nhập khẩu – liên quan đến yếu tố môi trường, công nghệ. Hiện nay đã cơ chế nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng, không cần thiết phải yêu cầu thêm một dạng giấy phép nhập khẩu như quy định hiện hành.

Do đó, để đảm bảo hạn chế tình trạng, áp đặt các biện pháp quản lý quá mức cần thiết, các ngành nghề kinh doanh có điều kiện cần xác định chính xác phạm vi của hoạt động kinh doanh.

Như phản ánh ở trên, trong hai năm trở lại đây, số lượng ngành nghề kinh doanh có điều kiện đã tăng lên. Điều này đặt ra câu hỏi về tính hiệu quả của cơ chế kiểm soát việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Theo quy định của pháp luật về đầu tư, để sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, cần “*Phân tích sự cần thiết, mục đích của việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư*”³⁶; “*Đánh giá tác động của việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh đối với công tác quản lý nhà nước và hoạt động đầu tư kinh doanh của các đối tượng phải tuân thủ.*”³⁷.

33 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

34 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

35 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

36 Điều 13 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

37 Điều 13 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Khi yêu cầu bổ sung một ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, việc đánh giá sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư là rất “mòng”. Trong các bản giải trình, rất ít khi có các nội dung như: ngành nghề này sẽ tác động tới lợi ích công cộng nào quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư? Các điều kiện kinh doanh liệu có kiểm soát được các rủi ro có thể có của hoạt động kinh doanh này lên các lợi ích công cộng đó không? Việc thiết lập cơ chế quản lý bằng điều kiện kinh doanh, giấy phép có tác động như thế nào đối với các chủ thể kinh doanh trong ngành nghề đó?

Hộp 9

Hoạt động dịch vụ lưu trữ

Dự thảo Luật Lưu trữ dự kiến bổ sung “hoạt động dịch vụ lưu trữ vào Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Phụ lục IV Luật Đầu tư năm 2020”.

Trong Báo cáo Đánh giá tác động của đề xuất này, mục 4.4 có giải trình “Thực tế hiện nay nhiều tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ lưu trữ nhưng chưa bảo đảm đủ tiêu chuẩn về nhân lực, trang thiết bị, cung cấp sản phẩm kém chất lượng (chất lượng hồ sơ sau chỉnh lý không bảo đảm, sản phẩm bìa hộp để lưu trữ bảo quản tài liệu không bảo đảm đúng tiêu chuẩn, cá nhân tham gia hoạt động dịch vụ lưu trữ không có Chứng chỉ hành nghề lưu trữ), điều này dẫn đến hoạt động dịch vụ lưu trữ kém chất lượng, gây hao tổn tiền của các đơn vị sử dụng hoạt động dịch vụ lưu trữ. Thêm vào đó, cơ sở pháp lý xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lưu trữ chưa được ban hành”. “Việc đề xuất bổ sung hoạt động dịch vụ lưu trữ vào Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện sẽ góp phần tạo cơ chế đánh giá chất lượng hoạt động dịch vụ lưu trữ, từ đó cơ quan quản lý nhà nước sẽ có biện pháp xử lý để giảm các bất cập hiện nay gặp phải”.

Việc đề xuất “dịch vụ lưu trữ” là ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện chủ yếu liên quan đến chất lượng dịch vụ - đây là mục tiêu chưa phù hợp với khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư 2020. Chất lượng dịch vụ sẽ tác động đến bên sử dụng dịch vụ. Nếu có thị trường cạnh tranh, khách hàng sẽ lựa chọn bên cung cấp dịch vụ tốt, có chất lượng. Điều này không ảnh hưởng đến mục tiêu quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực này.

Chính vì việc đánh giá về ngành nghề kinh doanh có điều kiện chưa được chú trọng, nên một số ngành nghề được xác định là ngành nghề kinh doanh có điều kiện chưa thực sự hợp lý. Điều này, vô hình trung tạo ra rào cản về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Định vị lại các ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong Danh mục

Nếu nhìn một cách tổng thể Danh mục sẽ nhận thấy cách thức xác định các ngành nghề kinh doanh có điều kiện đang có ... nhiều vấn đề, nhất là tính rõ ràng và nhất quán trong quan điểm quản lý. Điều này có thể tạo ra nguy cơ về sự tùy nghi của các cơ quan quản lý ngành trong việc xác định đâu là một ngành nghề kinh doanh có điều kiện hay là điều kiện kinh doanh cho mỗi ngành nghề.



Quản lý về chủ thể kinh doanh hay là hàng hóa, dịch vụ - sản phẩm của hoạt động kinh doanh đó?

Theo quy định tại pháp luật về đầu tư³⁸, ngành nghề kinh doanh có điều kiện là áp dụng đối với *chủ thể kinh doanh*. Nhà đầu tư muốn kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện phải đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh và phải duy trì các điều kiện đó trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình.

Nếu theo tính chất này, trong Danh mục có những ngành nghề sẽ không nên được xác định là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, bởi vì các biện pháp quản lý đang hướng đến sản phẩm, dịch vụ của hoạt động kinh doanh chứ không phải là bản thân chủ thể kinh doanh đó.

Ví dụ: “Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu” (Mục 198).

Theo quy định tại Nghị định số 144/2020/NĐ-CP³⁹, điều kiện tổ chức biểu diễn nghệ thuật gồm⁴⁰: i) Là đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật; hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn; tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo quy định của pháp luật; ii) Phải đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật; Có văn bản chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đây là điều kiện để áp dụng cho *từng* hoạt động biểu diễn nghệ thuật – tức là từng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tổ chức biểu diễn. Như vậy, với ngành nghề kinh doanh này, chủ thể kinh doanh *không phải đáp ứng điều kiện kinh doanh gì*, chỉ khi nào tổ chức biểu diễn nghệ thuật thì mới phải xin giấy phép cho hoạt động kinh doanh đó và đây là giấy phép cấp cho hoạt động. Như vậy, với cơ chế quản lý này thì xác định đây là một ngành nghề kinh doanh có điều kiện là chưa phù hợp.

Một trường hợp khác là quản lý đối với tàu bay không người lái (UAV) và phương tiện bay siêu nhẹ (flycam). Đây là các loại hàng hóa có thể tác động đến lợi ích công như: (1) Nguy cơ uy hiếp an toàn hàng không; (2) Nguy cơ đe dọa đến quốc phòng, an ninh (UAV có thể được sử dụng cho nhiều nhiệm vụ tiến công như trinh sát, chi thị mục tiêu, vừa trinh sát vừa tiến công, UAV tiến công...). Đây là những nguy cơ xuất hiện khi sử dụng UAV, flycam, còn các khâu như sản xuất, nhập khẩu, phân phối hàng hóa chưa nhận thấy mức độ rõ ràng nào tác động tới các lợi ích công cộng, ngoài yêu cầu kiểm soát về chất lượng sản phẩm. Như vậy, chỉ cần kiểm soát ở khâu sử dụng UAV, flycam thay vì tất cả các khâu kinh doanh.

Trong Dự thảo Luật Phòng không nhân dân đang tiếp cận theo hướng quản lý tất cả các hoạt động kinh doanh liên quan đến UAV, flycam.

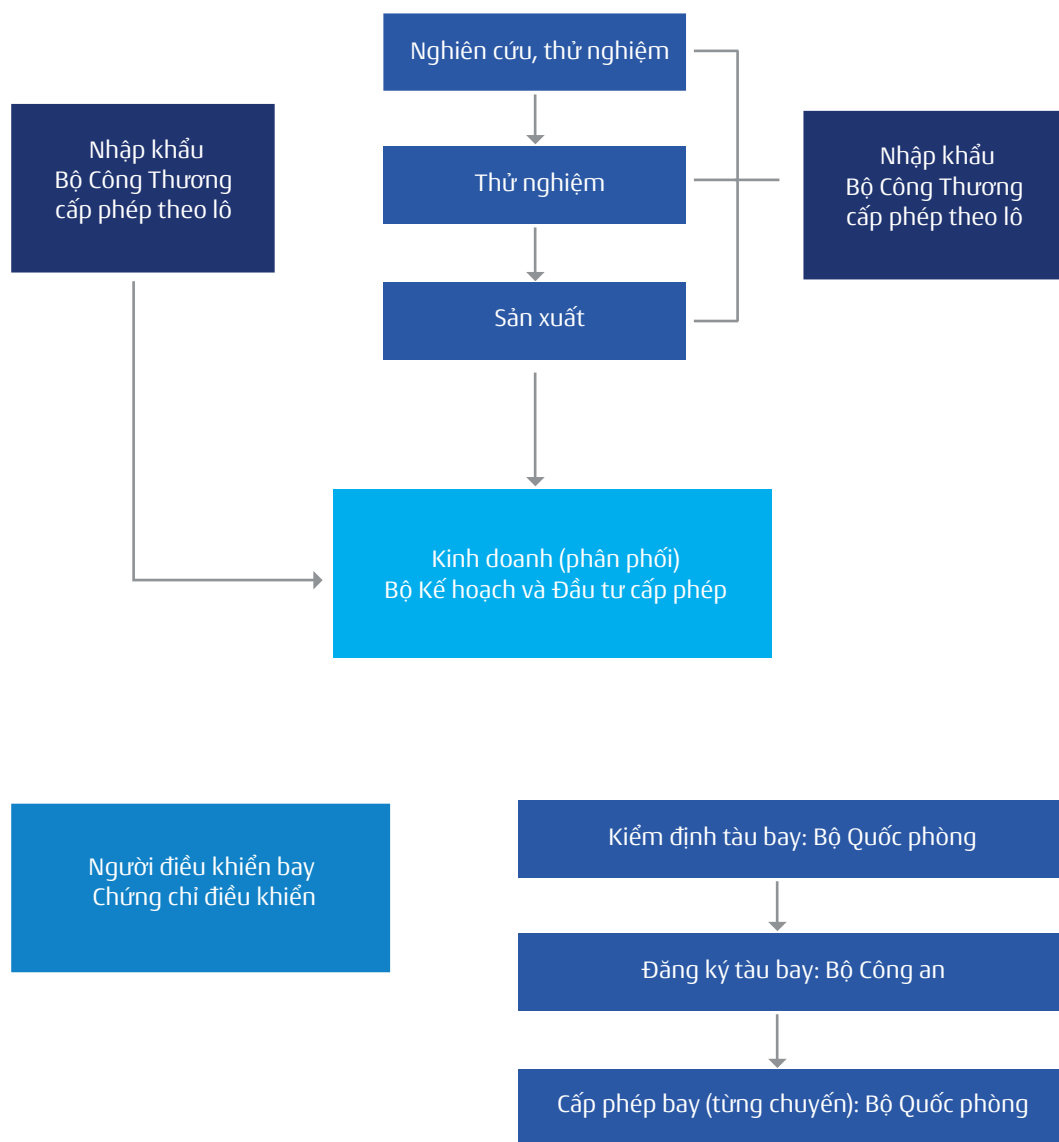
38 Điều 7 Luật Đầu tư 2020, Điều 11 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

39 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn

40 Trừ “Tổ chức biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị; biểu diễn nghệ thuật phục vụ nội bộ cơ quan và tổ chức”; “tổ chức biểu diễn phục vụ tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, vui chơi, giải trí, nhà hàng không bán vé xem biểu diễn nghệ thuật” – Điều 8, Điều 10 Nghị định 144/2020/NĐ-CP

Hình 3

Các điều kiện kinh doanh, giấy phép liên quan đến UAV, flycam trong Dự thảo Luật Phòng không nhân dân



Thống nhất về cơ chế quản lý đối với các ngành nghề kinh doanh có chung tính chất

Trước năm 2020, Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Luật Đầu tư có ba ngành nghề có tính chất tương tự nhau, đó là “kinh doanh thực phẩm” thuộc phạm vi quản lý của ba Bộ: Công Thương, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sau đó, “Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế” được đề nghị bỏ ra khỏi Danh mục, được xem là ngành nghề kinh doanh thông thường. Trong khi đó, tại Danh mục “Kinh doanh thực phẩm” thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vẫn được giữ lại và vẫn là các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Điều này khiến cho cơ chế quản lý về ngành nghề kinh doanh có điều kiện thiếu nhất quán.

Tên của ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong Danh mục và tại văn bản pháp luật chuyên ngành chưa đồng nhất

Về mặt nguyên tắc, tên của ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong Danh mục phải đồng nhất với tên của ngành nghề trong pháp luật chuyên ngành. Điều này để đảm bảo kiểm soát được phạm vi của các điều kiện kinh doanh đối với các hoạt động kinh doanh. Chỉ quy định điều kiện kinh doanh đối với những ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong Danh mục tại Luật Đầu tư.

Trên thực tế, có một số trường hợp tên của ngành nghề trong Danh mục và trong pháp luật chuyên ngành là khác nhau, ví dụ: trong Danh mục là ngành nghề “Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu” nhưng trong Nghị định số 144/2020/NĐ-CP là “lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật”; trong Danh mục là (i) Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật; (ii) Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y nhưng trong Luật Thú y lại không có tên của hai ngành nghề này.

Số lượng thực sự của ngành nghề kinh doanh có điều kiện?

Phụ lục IV Luật Đầu tư liệt kê các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Phụ lục này tiếp tục được mở rộng ở các năm sau đó, do các Luật chuyên ngành có bổ sung, sửa đổi, thay thế một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Nếu thống kê dựa vào Phụ lục IV thì hiện nay các ngành nghề kinh doanh có điều kiện chỉ dao động tầm 230 ngành nghề.

Tuy nhiên, ngành nghề kinh doanh có điều kiện không chỉ dừng ở con số trên. Mỗi ngành nghề tại Phụ lục IV có thể có thêm nhiều ngành nghề kinh doanh có điều kiện nhỏ khác.

Ví dụ, “Kinh doanh rượu” trong Phụ lục chỉ được tính là 01 ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Nhưng khi quy định về ngành nghề kinh doanh này thì lại có rất nhiều ngành nghề “con” trong đó như: (1) Sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh; (2) Sản xuất rượu công nghiệp; (3) Phân phối rượu; (4) Bán buôn rượu; (5) Bán lẻ rượu; (6) Bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

Việc có nhiều ngành nghề kinh doanh có điều kiện “con” trong một ngành nghề kinh doanh có điều kiện tại Phụ lục IV khiến cho việc thống kê và xác định số lượng ngành nghề kinh doanh có điều kiện chưa thực sự chính xác.

● Về điều kiện kinh doanh

Giai đoạn 2016 – 2020, hoạt động cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh được các bộ, ngành thúc đẩy mạnh mẽ. Hàng nghìn điều kiện kinh doanh được bãi bỏ, đơn giản hóa hoặc quy định theo hướng cụ thể, minh bạch, rõ ràng hơn. Đặc biệt, có những ngành, lĩnh vực trước đây, điều kiện kinh doanh rất khó khăn, chỉ một số ít chủ thể kinh doanh có tiềm lực tài chính mới có thể gia nhập thị trường, nhưng sau những đợt cắt giảm, đơn giản hóa, nhiều điều kiện kinh doanh khắt khe đã được xóa bỏ (ví dụ: điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo, điều kiện kinh doanh khí; điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô; ...). Môi trường đầu tư kinh doanh vì thế thuận lợi hơn.

Từ năm 2020 đến nay, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh được thực hiện trong hoạt động cắt giảm, đơn giản hóa quy định về kinh doanh và trong các hoạt động sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, việc cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thời gian không còn mạnh mẽ như giai đoạn trước. Một số điều kiện kinh doanh bất hợp lý, tạo gánh nặng cho doanh nghiệp vẫn còn tồn tại.

Ví dụ, theo quy định tại Nghị định số 10/2020/NĐ-CP, đơn vị kinh doanh vận tải hành khách sử dụng xe ô tô có sức chứa từ 09 chỗ (kể cả người lái xe) trở lên, đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo phải lắp camera. Đây là yêu cầu mới so với các yêu cầu về điều kiện kinh doanh vận tải trước đây, nhằm mục đích giám sát lái xe để đảm bảo an toàn giao thông.

Quy định này đã tạo ra gánh nặng rất lớn về chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Năm 2021, trước thời điểm bắt buộc phải áp dụng quy định này (01/7/2021), VCCI đã thực hiện cuộc khảo sát với hơn 100 doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách từ 09 chỗ trở lên, kinh doanh vận tải hàng hóa – là đối tượng chịu tác động trực tiếp của quy định này, ở ba miền Bắc, Trung, Nam để nhận diện một số tác động của quy định đối với doanh nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy, yêu cầu lắp camera tạo ra gánh nặng rất lớn về chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, đặc biệt tác động lớn đến các doanh nghiệp mới có hoạt động khởi sự kinh doanh (có thời hạn hoạt động dưới 05 năm). Để thực hiện quy định này, một xe ô tô có thể phải gánh các chi phí khoảng 17 triệu đồng (chi trả chi phí lắp camera 5,8 triệu đồng; chi phí truyền dữ liệu: 1,2 triệu đồng, chi phí tháo bỏ camera là 5 triệu đồng, chi phí để tháo dỡ camera là 5 triệu đồng (đối với các doanh nghiệp đã lắp camera trước đó nhưng không tương thích với yêu cầu truyền dẫn của quy định)). Nếu trên cả nước có 200.000 xe khách, xe ô tô đầu kéo, container⁴¹ thì chi phí ước tính để tuân thủ riêng phần lắp camera là 1160 tỷ đồng⁴², hàng tháng chi phí truyền dẫn dữ liệu sẽ là 240 tỷ đồng⁴³.

Trong Tờ trình của Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 10/2020/NĐ-CP cơ quan soạn thảo cho biết “Hệ thống xử lý dữ liệu hình ảnh camera mới dừng lại ở bước thử nghiệm, hiện các Sở Giao thông vận tải đang phải theo dõi, chiết xuất dữ liệu trên phần mềm của đơn vị vận tải, nên công tác quản lý gặp nhiều khó khăn”. Như vậy có thể thấy, từ khi phát sinh hiệu lực đến nay, công cụ quản lý bằng camera gặp nhiều khó khăn, ít hiệu quả.

41 <https://tuoitre.vn/200-000-xe-khach-xe-dau-keo-phai-lap-camera-giam-sat-truoc-ngay-1-7-20210412181506439.htm>

42 5,8 triệu x 01 chiếc x 200.000 xe.

43 1,2 triệu x 1 tháng x 200.000 xe.

Một vấn đề quan trọng về điều kiện kinh doanh được tranh luận khá nhiều từ trước đến nay, đó là điều kiện kinh doanh ở trong các Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật. Theo quy định của pháp luật về đầu tư, điều kiện kinh doanh phải được quy định từ văn bản cấp nghị định trở lên, thông tư của các Bộ không được quy định điều kiện kinh doanh. Trong một số trường hợp, bộ, ngành cắt giảm điều kiện kinh doanh, nhưng lại đẩy điều kiện kinh doanh xuống quy chuẩn kỹ thuật. Điều này vô hình trung, về mặt hình thức, điều kiện kinh doanh đã được đơn giản hóa, nhưng thực tế doanh nghiệp vẫn phải áp dụng điều kiện kinh doanh khắt khe.

Ví dụ, về điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo.

Trước đây, Nghị định số 109/2010/NĐ-CP⁴⁴ yêu cầu thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh như: i) Có ít nhất 01 (một) kho chuyên dùng với sức chứa tối thiểu 5.000 (năm nghìn) tấn thóc phù hợp quy chuẩn chung do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành; ii) Có ít nhất 01 (một) cơ sở xay, xát thóc, gạo với công suất tối thiểu 10 tấn thóc/giờ, phù hợp quy chuẩn chung do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

Nghị định số 107/2018/NĐ-CP⁴⁵ đã sửa đổi các quy định về điều kiện kinh doanh có tính áp đặt quy mô trên thành các điều kiện dễ thở hơn: i) Có ít nhất 01 kho chuyên dùng để chứa thóc, gạo phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kho chứa thóc, gạo do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; ii) Có ít nhất 01 cơ sở xay, xát hoặc cơ sở chế biến thóc, gạo phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kho chứa và cơ sở xay, xát, chế biến thóc, gạo do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Nếu so sánh hai Nghị định, rõ ràng Nghị định số 107/2018/NĐ-CP là bước tiến về cải cách, tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, khi không còn quy định về quy mô của các cơ sở vật chất nữa. Tuy nhiên, trên thực tế, thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo vẫn phải đáp ứng các điều kiện về quy mô. Bởi vì, theo quy định tại Thông tư số 12/2013/TT-BNNPTNT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Kho chứa thóc và Cơ sở xay, xát thóc gạo, “*Mặt bằng của cơ sở chế biến phải đảm bảo đủ rộng để bố trí được dây chuyền xay xát thóc, gạo có công suất tối thiểu 10 tấn thóc/h*”. Như vậy, điều kiện về cơ sở xay, xát gạo trên thực tế vẫn phải đáp ứng điều kiện về công suất tối thiểu như quy định tại Nghị định số 109/2010/NĐ-CP.

Tóm lại, cải cách về ngành nghề kinh doanh có điều kiện, điều kiện kinh doanh là hoạt động thúc đẩy mạnh mẽ nhất về quyền tự do kinh doanh và tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp. Trong mấy năm trở lại đây, hoạt động này dường như đang “chững lại”, mặc dù theo phản ánh của doanh nghiệp, trong hệ thống pháp luật kinh doanh vẫn còn nhiều điều kiện kinh doanh gây khó, một số ngành nghề kinh doanh bị kiểm soát bằng điều kiện kinh doanh là quá mức cần thiết.

44 Nghị định số 109/2010/NĐ-CP ngày 04/11/2010 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo.

45 Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15/8/2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo.



RÀO CẢN CŨ, RÀO CẢN MỚI

Gần chục năm trở lại đây, Chính phủ luôn thúc đẩy các hoạt động cải thiện môi trường kinh doanh, trong đó chú trọng đến các hoạt động về cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định kinh doanh để giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Hàng nghìn điều kiện kinh doanh được bãi bỏ hoặc đơn giản hóa. Thủ tục hành chính từng bước được cải thiện và thuận lợi hơn rất nhiều, đặc biệt là một số lượng lớn thủ tục đã chuyển sang thực hiện trên môi trường điện tử.

Thông thường, để môi trường kinh doanh thuận lợi, cần thực hiện song song: rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định kinh doanh hiện có và kiểm soát việc ban hành các quy định kinh doanh mới. Theo quan sát, trong các đợt cải cách, các bộ, ngành chú trọng tới hoạt động rà soát các quy định hiện hành nhằm đạt được các mục tiêu của Chính phủ đặt ra, còn hoạt động kiểm soát các quy định kinh doanh bất hợp lý đang, sẽ sửa đổi dường như ít được xem xét hơn.

Chính vì vậy, có một nghịch lý, mặc dù hoạt động cải cách, cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh đang thúc đẩy, nhưng khi soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật mới/sửa đổi, bổ sung văn bản hiện hành, các quy định bất hợp lý, gây vướng cho doanh nghiệp lại xuất hiện. Điều này ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động cải thiện môi trường kinh doanh.

Hộp 10

Các quy hoạch cũ đã bị xóa bỏ đang “rậm rịch” quay trở lại trong một số đề xuất chính sách đang xây dựng năm 2023

Từ khi Luật Quy hoạch 2017, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018 có hiệu lực, rất nhiều quy định liên quan đến quy hoạch ngành trong nhiều Luật đã bị bãi bỏ, trong đó có những quy định về quy hoạch ngành.

Tuy nhiên, các chính sách dự kiến ban hành trong năm nay lại đang có đề xuất khôi phục lại các quy định có tính chất là quy hoạch ngành đã bị bãi bỏ. Cụ thể:

Quy hoạch về cơ sở đào tạo lái xe ô tô và trung tâm sát hạch lái xe

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe (Nghị định 65/2016/NĐ-CP, Nghị định 10/2020/NĐ-CP, Nghị định 119/2021/NĐ-CP) (phiên bản tháng 9/2023) đã bổ sung quy định “việc xây dựng, thành lập cơ sở đào tạo lái xe ô tô và trung tâm sát hạch lái xe phải căn cứ quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành và các quy hoạch khác có liên quan, trong đó có xét đến các yếu tố đặc thù của các địa phương, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo; phù hợp với mật độ dân cư trên địa bàn; khuyến khích ứng dụng công nghệ, thiết bị hiện đại trong hoạt động đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe”.

Mục tiêu của việc bổ sung này là “Bổ sung quy định về sự phù hợp với quy hoạch của địa phương để đảm bảo việc phân bố đồng đều hoạt động đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe phù hợp với mật độ dân cư trên địa bàn, giảm thiểu sự đầu tư xây dựng tràn lan, dẫn đến sự cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động và gây lãng phí của cải cho xã hội.”

Quy định này đã khôi phục lại quy định tại Điều 4 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP về quy hoạch phát triển cơ sở kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe đã được bãi bỏ tại Nghị định số 138/2018/NĐ-CP để đảm bảo phù hợp với pháp luật về quy hoạch.

Nếu xét về tính hợp lý, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe ô tô là ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Các chủ thể kinh doanh sẽ tính toán về hiệu quả kinh doanh để xem xét có gia nhập thị trường hay không. Vì vậy, việc Nhà nước xem xét đến tính hiệu quả, lãng phí của cải xã hội là không cần thiết. Trong ngành nghề này, Nhà nước đã kiểm soát bằng các điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp chỉ cần đáp ứng điều kiện kinh doanh là có thể hoạt động, với vai trò quản lý, Nhà nước chỉ cần kiểm soát việc doanh nghiệp có đáp ứng các điều kiện kinh doanh hay không. Liên quan đến vấn đề cạnh tranh không lành mạnh, các cơ quan quản lý nhà nước có thể sử dụng công cụ quản lý của pháp luật cạnh tranh, thay vì sử dụng công cụ hành chính, can thiệp vào thị trường bằng việc áp đặt về số lượng các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ này trên thị trường.

“Quy hoạch” về việc thành lập tổ chức hành nghề công chứng

Dự thảo Luật Công chứng (phiên bản tháng 10/2023) đã bổ sung thêm điều kiện để thành lập tổ chức hành nghề công chứng theo hướng “Việc phát triển tổ chức hành nghề công chứng phải căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội, diện tích, số lượng và mật độ phân bố dân cư, nhu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch trên địa bàn cấp huyện dự kiến thành lập”.

Lý do để cơ quan soạn thảo bổ sung quy định này có thể là “sau khi Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng bị bãi bỏ, xuất hiện xu hướng hàng loạt Văn phòng công chứng xin chuyển về đô thị hoặc khu trung tâm của huyện, thị xã dẫn đến tình trạng một số tỉnh, thành phố tại một số địa bàn cấp huyện không có Văn phòng công chứng hoạt động”.

Quy định này có tính chất là quy hoạch đối với ngành nghề công chứng – quy định đã được bãi bỏ tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch năm 2018; để phù hợp với pháp luật về quy hoạch.

Nếu xét về tính hợp lý, “Hành nghề công chứng” là một ngành nghề kinh doanh (thuộc danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Luật Đầu tư). Vì vậy, dựa vào nhu cầu của thị trường, công chứng viên sẽ thành lập Văn phòng công chứng ở những nơi có nhiều khách hàng. Việc chuyển dịch các Văn phòng công chứng về đô thị hoặc khu trung tâm của huyện, thị xã là xuất phát từ nhu cầu của thị trường. Điều đó cũng cho thấy, trước đây việc Nhà nước áp đặt quy hoạch về số lượng của Văn phòng công chứng theo địa bàn là chưa thực sự phù hợp, can thiệp vào thị trường.

Hơn nữa, theo quy định tại Luật Công chứng, bên cạnh hình thức là Văn phòng công chứng do tư nhân thành lập thì còn có Phòng Công chứng (đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp) do Nhà nước thành lập. Nếu nhận thấy sự thiếu vắng Văn phòng công chứng ở một số địa bàn dẫn tới việc người dân gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục công chứng, địa phương có thể thành lập các Phòng Công chứng. Vì vậy, bổ sung lại quy định trên là chưa hợp lý, tạo rào cản bất hợp lý cho các chủ thể kinh doanh trong lĩnh vực này.

Trong năm 2023, một số quy định liên quan đến kinh doanh được soạn thảo theo hướng tăng thêm gánh nặng về chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, so với quy định hiện hành.

Ví dụ: về vấn đề thanh sát nội địa đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất Bàng

Dự thảo Nghị định về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học (phiên bản thẩm định tháng 9/2023) đã bổ sung quy định về thanh sát nội địa đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất Bàng theo đó, hằng năm, Bộ Công Thương sẽ thực hiện thanh sát nội địa, theo quy trình tương tự thanh sát quốc tế, với các cơ sở hóa chất Bàng và hóa chất DOC, DOC-PSF. Mục tiêu của quy định này nhằm “đáp ứng các yêu cầu đón tiếp Đoàn thanh sát quốc tế, đồng thời tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước và trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật của các tổ chức, cá nhân”; “tăng cường tính tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân là đối tượng chịu thanh sát quốc tế của Tổ chức Công ước”.

Theo nội dung của Tờ trình về công tác thanh sát, “từ năm 2005 đến nay, Việt Nam đón khoảng 11 Đoàn Thanh sát công nghiệp của Tổ chức Cấm vũ khí hóa học đến thanh sát các cơ sở sản xuất hóa chất DOC. Kết quả thanh sát của Tổ chức Cấm Vũ khí Hóa học (OPCW) trong các năm qua đã cho thấy có sự phù hợp giữa số liệu khai báo của Việt Nam với số kiểm chứng của OPCW”. Như vậy, cho thấy hoạt động của các cơ sở sản xuất hóa chất DOC là chấp hành pháp luật, rủi ro thấp. Do đó, yêu cầu phải thanh sát nội địa để đảm bảo các mục đích trên đường như là quá mức cần thiết, trong khi hoạt động này sẽ tăng chi phí tuân thủ của doanh nghiệp.

Trong khi đó quy định này lại có nguy cơ chồng chéo với quy định về thanh tra, kiểm tra. Dự thảo cũng quy định về thanh tra, kiểm tra, theo đó, hoạt động thanh, kiểm tra thực hiện theo pháp luật về thanh, kiểm tra. Mặc dù có một số điểm khác biệt về nội dung, phần nhiều các nội dung hoạt động thanh sát và hoạt động thanh, kiểm tra có điểm tương đồng với nhau. Việc này sẽ dẫn đến tình trạng, trong cùng một năm, doanh nghiệp vừa bị thanh sát, vừa bị kiểm tra, thanh tra, gây chồng chéo, tốn kém thời gian, chi phí của doanh nghiệp.

***Tóm lại,** bên cạnh việc cắt giảm, đơn giản hóa các quy định về kinh doanh, việc kiểm soát các quy định đang/sẽ ban hành là quan trọng và cần thiết. Điều này sẽ đảm bảo các quy định về kinh doanh thực sự thuận lợi, hạn chế tình trạng phải rà soát, đề xuất sửa đổi các quy định dạng này mỗi khi có các đợt thúc đẩy cải thiện môi trường kinh doanh.*



VẤN ĐỀ LÀ Ở CHẤT LƯỢNG THỰC THI...

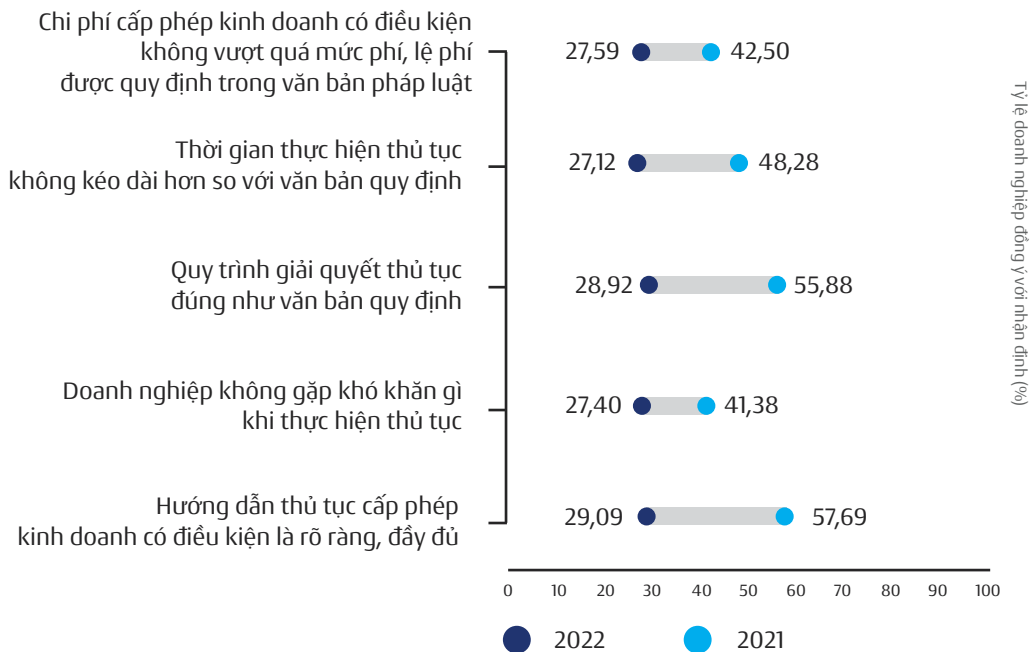
Trong các phản ánh vướng mắc của doanh nghiệp, có nhiều vấn đề liên quan đến thực thi. Mặc dù pháp luật không quy định hoặc quy định đã rõ, nhưng cán bộ thực thi vẫn gây khó, yêu cầu thêm những giấy tờ không có trong quy định hoặc kéo dài thời gian giải quyết thủ tục.

Theo khảo sát PCI 2022⁴⁶, khó khăn thực hiện thủ tục cấp các loại giấy phép kinh doanh có điều kiện tăng đáng kể trong năm 2022, trong đó tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với các nhận định như “thời gian thực hiện thủ tục không kéo dài hơn so với văn bản quy định”; “quy trình giải quyết thủ tục đúng như văn bản quy định”; “doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục”; “hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ” sụt giảm đáng kể so với năm 2021, và tỷ lệ này khá thấp đều dưới 30%.

46 Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2022 của VCCI

Hình 4

Khó khăn thực hiện thủ tục cấp các loại giấy phép kinh doanh có điều kiện gia tăng đáng kể trong năm 2022



Các hoạt động thực thi chính sách ở địa phương cũng có sự sụt giảm trong đánh giá của doanh nghiệp “nếu như năm 2021, khoảng 31,9% doanh nghiệp đánh giá “các sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố” thì giá trị này tăng lên mức 45,2% trong năm 2022. Tương tự, 50,4% doanh nghiệp trả lời khảo sát PCI 2022 cho rằng “chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố”, cao hơn đáng kể so với kết quả khảo sát năm 2021 (36%)”⁴⁷.

Trong thời gian qua, Chính phủ thúc đẩy mạnh mẽ cải cách, cắt giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Nhiều chính sách quản lý thay đổi theo hướng đột phá, tạo thuận lợi rất lớn cho doanh nghiệp. Tuy vậy, mặc dù chính sách tốt, nhưng thực tế, doanh nghiệp vẫn gặp khó ở khâu thực thi do những yêu cầu ngoài quy định của các cán bộ thực hiện thủ tục. Theo phản ánh, doanh nghiệp đánh giá cơ chế quản lý an toàn thực phẩm của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP⁴⁸, nhưng khi thực hiện thủ tục tại một số địa phương yêu cầu thêm các loại giấy tờ, thời gian thực hiện thủ tục kéo dài hơn so với quy định.

47 Báo cáo PCI 2022 – Trang 77

48 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

Hộp 11

Những vướng mắc liên quan đến khâu thực thi

Yêu cầu sàn thương mại điện tử (TMĐT) cung cấp thông tin của người bán trên sàn ngoài phạm vi quy định để phục vụ quản lý thuế

Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 91/2022/NĐ-CP⁴⁹ chỉ yêu cầu sàn TMĐT cung cấp các trường thông tin sau của người bán: “tên người bán hàng, mã số thuế hoặc số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu; địa chỉ, số điện thoại liên lạc; doanh thu bán hàng thông qua chức năng đặt hàng trực tuyến của sàn”.

Tuy nhiên, theo Công văn số 4205/TCT-DNNCN ngày 14/11/2022 của Tổng cục Thuế hướng dẫn và trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan Thuế, sàn TMĐT phải cung cấp thêm nhiều trường thông tin nằm ngoài phạm vi quy định như: thông tin về mã quản lý trên sàn TMĐT; loại hình kinh doanh; số giấy phép kinh doanh; thông tin tài khoản ngân hàng; số lượng đơn hàng giao thành công và không thành công; v.v.

Việc yêu cầu cung cấp thêm nhiều trường thông tin cũng làm tăng chi phí tuân thủ của doanh nghiệp, khi doanh nghiệp phải đầu tư thêm nhân lực, thời gian, hệ thống để thu thập, xử lý và báo cáo dữ liệu.

Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo nhưng hệ thống thông tin của cơ quan quản lý nhà nước chưa đầu tư đồng bộ

Theo quy định, doanh nghiệp phải báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động kinh doanh cho cơ quan quản lý, tuy nhiên cơ sở vật chất của cơ quan quản lý chưa đầu tư, dẫn tới quy trình báo cáo, truyền dẫn thông tin mất nhiều thời gian, chi phí, thiếu an toàn, bảo mật dữ liệu.

Đối với hệ thống phục vụ cung cấp thông tin quản lý thuế: theo doanh nghiệp phản ánh, hệ thống của cơ quan thuế không tải được dung lượng dữ liệu lớn, không ổn định (báo lỗi không nhất quán, phải tải dữ liệu nhiều lần), gây mất rất nhiều thời gian cho doanh nghiệp mỗi khi đến kỳ báo cáo, đồng thời gây mất an toàn, bảo mật dữ liệu.

Đối với hệ thống phục vụ báo cáo TMĐT: cơ quan quản lý TMĐT yêu cầu doanh nghiệp tự đầu tư, xây dựng hệ thống kỹ thuật để kết nối với cơ quan quản lý hoặc trang thông tin điện tử để hiển thị cho cơ quan quản lý, tạo thêm gánh nặng chi phí tuân thủ rất lớn cho doanh nghiệp. Đối với hệ thống phục vụ báo cáo giao thông vận tải (GTVT): Nghị định số 10/2020/NĐ-CP đã ấn định thời gian doanh nghiệp báo cáo thông tin xe hợp đồng qua phần mềm của Bộ GTVT từ ngày 01/01/2022 nhưng đến nay phần mềm báo cáo vẫn chưa được triển khai, doanh nghiệp vẫn phải báo cáo thủ công qua email hoặc văn bản tới Sở GTVT các tỉnh.

49 Nghị định 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 126/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý thuế.

***Tóm lại**, thực thi pháp luật là hoạt động chuyển tải những quy định, chính sách trên giấy “đi vào cuộc sống”. Phản ánh của doanh nghiệp về những khó khăn trong khâu thi hành pháp luật, xuất phát từ các cán bộ, cơ quan thực thi đưa đến yêu cầu cần phải kiểm soát tốt hơn nữa hoạt động thi hành pháp luật, nếu không sẽ giảm tính hiệu quả của các hoạt động thúc đẩy, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh mà Nhà nước đang thực hiện.*



TỰ DUY CỦA CÁC NHÀ SOẠN CHÍNH SÁCH VẪN NẶNG VỀ “QUẢN LÝ” THAY VÌ “PHỤC VỤ”

Trong hơn chục năm trở lại đây, hoạt động cải cách thể chế được tiến hành một cách mạnh mẽ. Tư duy soạn thảo của các nhà hoạch định chính sách đã có những bước chuyển tích cực, trong đó nhiều tư tưởng cải cách đã được thể hiện rõ rệt trong các văn bản quy phạm pháp luật quan trọng, tác động sâu rộng đến môi trường đầu tư kinh doanh. Hàng loạt rào cản kinh doanh bất hợp lý đã được bãi bỏ, hoặc đơn giản hóa; thủ tục hành chính đơn giản, thuận tiện, minh bạch, rõ ràng hơn. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, vì thế cũng thuận lợi hơn. Thể chế hành chính nhà nước đang tiến gần tới bản chất của “nhà nước phục vụ”.

Mặc dù, pháp luật kinh doanh đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng rà soát các văn bản pháp luật hiện hành cũng như những chính sách, quy định đang soạn thảo, doanh nghiệp vẫn nhận thấy đâu đó vẫn còn tồn tại tình trạng tư duy nặng về “quản lý” thay vì “phục vụ”.

Thông thường, Nhà nước thiết kế các biện pháp quản lý nhằm hướng đến một mục tiêu cụ thể. Ví dụ, điều kiện kinh doanh, giấy phép kinh doanh nhằm kiểm soát những rủi ro từ hoạt động kinh doanh có thể tác động đến các lợi ích công cộng (sức khỏe tính mạng con người, bảo vệ môi trường, an ninh quốc gia,...) hoặc các hoạt động kiểm tra nhà nước nhằm kiểm soát sự chấp hành pháp luật của các chủ thể kinh doanh;... Để môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, Nhà nước cần thiết kế các quy định vừa đảm bảo mục tiêu quản lý vừa tạo không gian cho doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh. Điều này đòi hỏi cần phải xác định chính xác các biện pháp quản lý, nếu không sẽ gây khó khăn thậm chí là cản trở cho hoạt động của doanh nghiệp.

Trong hệ thống pháp luật về kinh doanh hiện hành cũng như đang được soạn thảo, có một số biện pháp quản lý chưa phù hợp, quá mức cần thiết, không rõ mục tiêu quản lý, vô hình trung, tạo gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp.

● Yêu cầu quá nhiều giấy phép cho một hoạt động kinh doanh

Để xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, doanh nghiệp phải có đến 03 loại giấy phép: Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, Giấy chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự⁵⁰. Để được cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự, doanh nghiệp trước đó đã phải có Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và Giấy chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

Nếu mục tiêu hướng đến là chỉ cho phép các doanh nghiệp có Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự nhập khẩu các sản phẩm, dịch vụ trong Danh mục và sản phẩm, dịch vụ này đã có Giấy chứng nhận hợp quy, thì việc yêu cầu phải có thêm Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu là quá mức cần thiết, tạo gánh nặng về chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Nhà nước có thể kiểm soát tại thời điểm nhập khẩu, cơ quan hải quan có thể kiểm tra về Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận hợp quy, sản phẩm có phù hợp với Danh mục hay không.

● Cơ quan nhà nước hay chủ thể kinh doanh phải thực hiện?

Theo quy định pháp luật về doanh nghiệp, khi thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh (thành lập mới, bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh), người thành lập doanh nghiệp/doanh nghiệp lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam để ghi ngành nghề kinh doanh trong Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp⁵¹. Việc xác định mã ngành kinh tế cấp bốn cho ngành nghề mà mình dự kiến kinh doanh, trong nhiều trường hợp là không dễ dàng. Bởi, Hệ thống ngành kinh tế chưa bao quát hết được những ngành nghề kinh doanh trong thực tiễn. Pháp luật đã dự liệu cho trường hợp này, nếu không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam nhưng được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì có thể ghi theo ngành nghề quy định tại văn bản quy phạm pháp luật đó. Nhưng, văn bản pháp luật khác vốn dĩ không mục đích quy định ngành nghề để đăng ký kinh doanh, vì vậy rất khó để ghi theo quy định tại văn bản khác khi đăng ký kinh doanh. Trên thực tế, người thành lập doanh nghiệp/doanh nghiệp đã phản ánh khá nhiều về tình trạng vướng mắc khi xác định mã ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam để ghi ngành nghề kinh doanh.

Nếu ngành nghề kinh doanh được ghi theo mã ngành cấp bốn thì công việc thống kê của Nhà nước sẽ được thực hiện dễ dàng hơn. Trong rất nhiều lần, tranh luận về vấn đề này, để xác định mục tiêu của quy định yêu cầu người thành lập doanh nghiệp phải xác định mã ngành cấp bốn khi đăng ký kinh doanh, từ phía cơ quan soạn thảo chính sách đã đưa ra lý giải là nhằm xác định chính xác nhất ý muốn của doanh nghiệp khi đăng ký ngành nghề kinh doanh, liên quan đến tính liên thông với cơ quan thuế.

50 Khoản 1 Điều 34 Luật An toàn thông tin mạng 2015.

51 Điều 7 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Tuy nhiên, các lập luận này dường như chưa thật thuyết phục. Bởi, pháp luật doanh nghiệp đã tuyên bố, doanh nghiệp được đăng ký kinh doanh tất cả các ngành nghề trừ các ngành nghề cấm kinh doanh. Pháp luật hình sự đã bỏ “Tội kinh doanh trái phép”, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cũng không xử phạt đối với hành vi kinh doanh các ngành nghề không đăng ký kinh doanh. Như vậy, với quan điểm về quyền tự do kinh doanh, khi đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp có thể ghi bất kì ngành nghề nào mà không nên bị ràng buộc bởi yêu cầu phải xác định chính xác mã ngành cấp bốn của ngành nghề đó.

Năm 2023, Dự thảo Nghị định về hộ kinh doanh được soạn thảo, trong đó cũng đặt ra yêu cầu hộ kinh doanh khi đăng ký kinh doanh cũng phải lựa chọn ngành nghề kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh chính. Đây là quy định mới, khi hiện hành quy định, hộ kinh doanh được ghi tự do ngành nghề đăng ký kinh doanh.

Việc yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn khi đăng ký kinh doanh hướng đến mục tiêu thống kê của Nhà nước là nhiều hơn các mục tiêu khác. Nếu là mục tiêu này, *Nhà nước nên thực hiện thay vì yêu cầu chủ thể kinh doanh*, có nghĩa, doanh nghiệp/hộ kinh doanh chỉ cần ghi ngành nghề mình muốn thực hiện kinh doanh, Nhà nước sẽ dựa vào ngành nghề đó để xác định mã ngành cấp bốn của nó là gì. Điều này cũng phù hợp với tinh thần “Nhà nước phục vụ”.

● Thủ tục hành chính quá phức tạp

Có một số thủ tục hành chính được thiết kế quá phức tạp, yêu cầu chủ thể kinh doanh phải thực hiện nhiều thủ tục, thời gian kéo dài, trong hồ sơ xin cấp phép có các “giấy phép con” không cần thiết.

Theo quy định tại pháp luật về di sản văn hóa⁵² thì để được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân phải thực hiện hai thủ tục: (i) Thủ tục xác nhận đủ điều kiện để thành lập bảo tàng do Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp; ii) Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng được cấp trên cơ sở đã có Giấy xác nhận đủ điều kiện để thành lập bảo tàng.

“Kinh doanh dịch vụ bảo tàng” là ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh và có sự xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ được phép hoạt động kinh doanh. Việc thiết kế quy định cấp giấy phép kinh doanh theo hai bước: bước một, xác nhận đáp ứng đủ điều kiện; bước hai, cấp giấy phép hoạt động là không cần thiết, quy trình cấp phép trở nên phiền phức.

Hai thủ tục trên có thể gộp làm một vì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong vấn đề về quản lý văn hóa. Việc cơ quan này xác nhận đủ điều kiện thành lập bảo tàng thì có thể kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép luôn.

52 Khoản 2 Điều 50 Luật Di sản văn hóa năm 2001, khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009, Điều 28 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP, điểm e khoản 3 Điều 2 Nghị định số 01/2012/NĐ-CP

Năm 2023, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch có đưa ra phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định kinh doanh và Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 98/2010/NĐ-CP⁵³ đang được soạn thảo, trong đó có đề cập đến quy định liên quan đến cấp phép hoạt động dịch vụ bảo tàng. Tuy nhiên, các sửa đổi/đề xuất chỉ dừng ở việc bổ sung phương thức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử mà không sửa đổi cả quy trình cấp phép.

● Can thiệp hành chính vào thị trường

Hiện nay, Nhà nước rất hạn chế sử dụng biện pháp hành chính can thiệp vào thị trường. Các quy định điều chỉnh chủ yếu theo hướng doanh nghiệp được quyền tự chủ cho các hoạt động kinh doanh của mình. Các biện pháp kiểm soát về tổng số lượng chủ thể kinh doanh trên thị trường hầu như đã bị bãi bỏ.

Tuy nhiên, gần đây, một số chính sách đang được soạn thảo lại đang quay lại tư duy kiểm soát thị trường bằng các biện pháp hành chính.

Lấy lý do “doanh nghiệp đầu tư tràn lan, dẫn đến sự cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động và gây lãng phí của cải cho xã hội”, hay việc không áp đặt số lượng chủ thể cung cấp dịch vụ theo địa bàn khiến cho các chủ thể kinh doanh chỉ hoạt động nơi có thị trường sôi động, quy định trong một số ngành đang mạnh nha muốn quay trở lại quy định về quy hoạch tổng số lượng chủ thể kinh doanh được phép kinh doanh trên mỗi địa bàn, ví dụ như: *“yêu cầu việc xây dựng, thành lập cơ sở đào tạo lái xe ô tô và trung tâm sát hạch lái xe phải căn cứ vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành và các quy hoạch khác có liên quan, trong đó có xét đến các yếu tố đặc thù của các địa phương, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo; phù hợp với mật độ dân cư trên địa bàn; khuyến khích ứng dụng công nghệ, thiết bị hiện đại trong hoạt động đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe”* tại Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 65/2016/NĐ-CP⁵⁴ hay Dự thảo Luật Công chứng sửa đổi đã bổ sung quy định: *“Việc phát triển tổ chức hành nghề công chứng phải căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội, diện tích, số lượng và mật độ phân bố dân cư, nhu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch trên địa bàn cấp huyện dự kiến thành lập”*⁵⁵.

Cũng nhìn dưới góc độ của cạnh tranh, việc Nhà nước áp đặt tổng số lượng chủ thể kinh doanh trên thị trường là biện pháp can thiệp hành chính bất hợp lý vào thị trường, cản trở các chủ thể kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh có thể gia nhập vào thị trường, vô hình trung ảnh hưởng đến thị trường cạnh tranh, khi thị trường chỉ là “sân chơi” của một số doanh nghiệp nhất định.

53 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa.

54 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

55 Dự thảo Nghị định phiên bản thẩm định 30/11/2023.

Một trong biện pháp can thiệp hành chính khác đó là Nhà nước yêu cầu doanh nghiệp phải đạt được tối thiểu số lượng hoạt động kinh doanh, nếu không sẽ thu hồi giấy phép kinh doanh. Ví dụ, Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 10/2020/NĐ-CP⁵⁶ đã sửa đổi quy định về các trường hợp thu hồi phù hiệu như sau: “doanh nghiệp, hợp tác xã bị thu hồi đăng ký khai thác tuyến đối với nốt (tài) đang khai thác khi trong một tháng thực hiện dưới 70% tổng số chuyến xe của nốt (tài) đã đăng ký”. Đây là dạng can thiệp vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp một cách bất hợp lý. Bởi vì, tùy theo tình hình của thị trường, doanh nghiệp không thể lúc nào cũng có thể khai thác được trên 70% tổng số chuyến xe của nốt (tài) đã đăng ký.

● Can thiệp hành chính vào mối quan hệ dân sự

Thông thường, xử phạt vi phạm hành chính sẽ áp dụng đối với các cá nhân, tổ chức vi phạm các quy định về nghĩa vụ/yêu cầu của Nhà nước đối với mình khi thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh (ví dụ: quy định phải báo cáo, tổ chức, cá nhân không thực hiện báo cáo theo thời hạn quy định sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính). Tuy nhiên, cần xác định những vi phạm quy định nào thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Trong hệ thống pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính, có những quy định xử phạt áp dụng đối với các hành vi vốn dĩ do pháp luật dân sự điều chỉnh.

Pháp luật về kinh doanh bất động sản quy định về hình thức và các nội dung chính của hợp đồng kinh doanh bất động sản. Nghị định số 16/2022/NĐ-CP⁵⁷ quy định xử phạt đối với hành vi “hợp đồng kinh doanh bất động sản không được lập thành văn bản hoặc lập hợp đồng kinh doanh bất động sản không đầy đủ các nội dung chính theo quy định hoặc trái quy định của pháp luật”⁵⁸. Đối với hành vi vi phạm quy định về hình thức và nội dung chính của hợp đồng, có thể áp dụng theo pháp luật về dân sự về tính hiệu lực của hợp đồng. Trong trường hợp này Nhà nước xử phạt vi phạm hành chính là chưa phù hợp.

Việc Nhà nước xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi trên là sự can thiệp chưa hợp lý vào mối quan hệ dân sự, đưa đến những rủi ro về mặt pháp lý cho các chủ thể kinh doanh và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

56 Dự thảo Nghị định phiên bản thẩm định 30/11/2023.

57 Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng.

58 Điều 58 Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng.

● Nguy cơ chồng chéo về thẩm quyền có thể gây khó cho doanh nghiệp

Việc có nhiều cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý một lĩnh vực tạo ra nguy cơ, doanh nghiệp sẽ phải chịu sự quản lý, giám sát, kiểm tra của nhiều cơ quan cùng một lúc. Điều này ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của doanh nghiệp.

Năm 2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 33/2023/TT-BTC về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Theo quy định tại Thông tư này, trường hợp xác minh nội dung khai xuất xứ hàng hóa, cơ quan hải quan sẽ yêu cầu cơ quan, tổ chức cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải tiến hành xác minh. Sau khi có kết quả xác minh, trường hợp không đủ cơ sở chứng minh nội dung khai xuất xứ hàng hóa là phù hợp, “cơ quan hải quan căn cứ vào các hồ sơ hiện có xử lý theo quy định và yêu cầu người khai hải quan khai bổ sung xuất xứ chính xác theo kết quả kiểm tra, xác minh, xác định xuất xứ hàng hóa của cơ quan hải quan đồng thời thông báo kết quả kiểm tra xác minh xuất xứ cho cơ quan có thẩm quyền cấp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa để biết”⁵⁹.

Với quy định này, doanh nghiệp sẽ phải chịu sự kiểm tra của hai cơ quan, tổ chức là cơ quan hải quan và cơ quan, tổ chức cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Nội dung kiểm tra, xác minh của cơ quan, tổ chức cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa là không đủ tin cậy để xử lý đối với các vấn đề liên quan đến xuất xứ hàng hóa, trong khi đây là các cơ quan, tổ chức được trao quyền để thực hiện chức năng, nhiệm vụ này theo quy định của pháp luật về chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Mặt khác, trong trường hợp kết quả xác minh của hai cơ quan là khác nhau, việc sử dụng kết quả xác minh của cơ quan hải quan nếu đưa đến bất lợi cho doanh nghiệp – thì khi giải quyết khiếu nại hoặc khởi kiện, căn cứ đâu để xác định kết quả xác minh của cơ quan nào là đúng? Sự chồng chéo về mặt thẩm quyền quản lý trong hoạt động chứng nhận xuất xứ hàng hóa có thể đưa đến nhiều bất lợi và gánh nặng cho doanh nghiệp.

Tương tự, trong lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, sự phân định thiếu rõ ràng về mặt thẩm quyền quản lý giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý chuyên ngành cũng đưa đến cho doanh nghiệp nguy cơ chịu sự kiểm tra, giám sát của nhiều cơ quan quản lý cùng một lúc.

Dự thảo Nghị định về hộ kinh doanh (phiên bản thẩm định ngày 28/11/2023) quy định, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có nhiệm vụ, quyền hạn là “Yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện *khi phát hiện* hộ kinh doanh không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh”. Quy định này sẽ trao quyền cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện được quyền kiểm tra về việc chấp hành điều kiện kinh doanh của hộ kinh doanh – chồng lấn với nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý chuyên ngành. Điều này cũng dẫn tới cho doanh nghiệp nguy cơ phải tiếp nhiều đoàn kiểm tra về một vấn đề.

59 Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Hiện tại, trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp cũng có sự thiếu rõ ràng về thẩm quyền quản lý giữa cơ quan đăng ký kinh doanh với cơ quan quản lý chuyên ngành. Nghị định số 01/2021/NĐ-CP⁶⁰ quy định, trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài⁶¹. Theo quy định pháp luật, cơ quan quản lý chuyên ngành sẽ quản lý đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, thuộc phạm vi quản lý của mình. Một trong những biện pháp quản lý đó là yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng/chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nếu không đáp ứng điều kiện kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh có chức năng, nhiệm vụ quản lý trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh. Vì vậy, quy định Cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài dường như chưa phù hợp về mặt thẩm quyền và có sự chồng lấn với cơ quan quản lý khác.

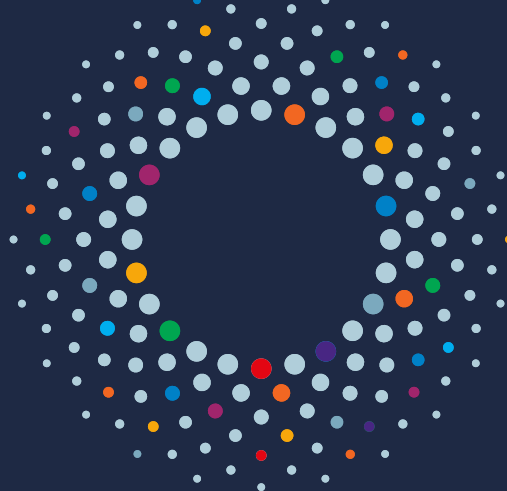
Tóm lại, doanh nghiệp nhận thấy rằng, trong gần chục năm trở lại đây, những hoạt động thúc đẩy cải cách thể chế đã làm cho hệ thống pháp luật kinh doanh của nước ta ngày càng trở nên thuận lợi. Tư duy soạn thảo chính sách cũng như trong quá trình thực thi đã cải thiện rất nhiều, theo hướng “Nhà nước phục vụ”, tạo thuận lợi cho các chủ thể kinh doanh. Tuy vậy, việc vẫn còn tồn tại các dạng quy định hay biện pháp quản lý quá mức cần thiết, tạo những nguy cơ/rủi ro pháp lý cho các chủ thể kinh doanh sẽ giảm hiệu quả đáng kể của các hoạt động cải cách, cải thiện môi trường kinh doanh. Cần thiết phải rà soát các quy định hiện hành và kiểm soát các quy định đang soạn thảo để đảm bảo tinh thần cải cách được thực hiện một cách triệt để.

60 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

61 Điều 67 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

ĐÁNH GIÁ PHẢN HỒI CỦA CƠ QUAN SOẠN THẢO

Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành mà VCCI góp ý



Trong năm 2023, có 62 VBQPPL mà VCCI có góp ý đã được ban hành, trong đó có 7 luật; 3 nghị quyết; 10 quyết định, 24 nghị định và 18 thông tư, cụ thể là các văn bản sau:

● 7 Luật

- 1 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15 của Quốc hội ngày 20/06/2023;
- 2 Luật Phòng thủ Dân sự số 18/2023/QH15 của Quốc hội ngày 20/06/2023;
- 3 Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 của Quốc hội 22/06/2023;
- 4 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 của Quốc hội ngày 23/06/2023;
- 5 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 của Quốc hội ngày 27/11/2023;
- 6 Luật Tài nguyên nước số 27/2023/QH15 của Quốc hội ngày 27/11/2023;
- 7 Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 của Quốc hội ngày 28/11/2023.

● 3 Nghị quyết

- 8 Nghị quyết số 45/NQ-CP của Chính phủ ngày 31/3/2023 ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;
- 9 Nghị quyết số 58/NQ-CP của Chính phủ ngày 21/4/2023 về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025;
- 10 Nghị quyết số 72/NQ-CP của Chính phủ ngày 06/5/2023 về dự thảo Nghị quyết về giảm thuế giá trị gia tăng;

10 Quyết định

- 11 Quyết định số 07/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/01/2023 phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam đến năm 2030;
- 12 Quyết định 12/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15/5/2023 về cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao do Thủ tướng Chính phủ ban hành
- 13 Quyết định số 15/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 31/5/2023 quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu;
- 14 Quyết định số 641/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/6/2023 phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công an;
- 15 Quyết định số 843/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/7/2023 về Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam giai đoạn 2023-2027;
- 16 Quyết định số 1205/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/10/2023 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành;
- 17 Quyết định 1275/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 31/10/2023 Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Quốc phòng giai đoạn 2023-2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành;
- 18 Quyết định 29/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 19/12/2023 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên do Thủ tướng Chính phủ ban hành;
- 19 Quyết định 1647/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/12/2023 phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2023 do Thủ tướng Chính phủ ban hành;
- 20 Quyết định 33/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/12/2023 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

24 Nghị định

- 21 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- 22 Nghị định số 04/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/02/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- 23 Nghị định số 07/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/03/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

- 24 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/4/2023 sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- 25 Nghị định số 12/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/4/2023 về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023;
- 26 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/4/2023 hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan;
- 27 Nghị định số 18/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/4/2023 sửa đổi Nghị định 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;
- 28 Nghị định số 19/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/4/2023 hướng dẫn Luật Phòng, chống rửa tiền
- 29 Nghị định số 23/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/5/2023 sửa đổi Nghị định 89/2016/NĐ-CP quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định 88/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;
- 30 Nghị định số 25/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/5/2023 sửa đổi Nghị định 32/2014/NĐ-CP về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc;
- 31 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/5/2023 quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;
- 32 Nghị định số 31/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/6/2023 quy định xử phạt vi phạm hành chính về Trồng trọt;
- 33 Nghị định 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/6/2023 sửa đổi các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- 34 Nghị định số 36/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/6/2023 gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước;
- 35 Nghị định số 44/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/6/2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 101/2023/QH15;
- 36 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2023 hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm;
- 37 Nghị định số 45/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2023 hướng dẫn Luật Dầu khí;
- 38 Nghị định số 56/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/7/2023 sửa đổi Nghị định 96/2016/NĐ-CP quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định 99/2016/NĐ-CP về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định 137/2020/NĐ-CP quy định về quản lý, sử dụng pháo;
- 39 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/9/2023 quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;
- 40 Nghị định số 76/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/11/2023 hướng dẫn Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;
- 41 Nghị định số 78/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07/11/2023 sửa đổi Nghị định 32/2017/NĐ-CP về tín dụng đầu tư của Nhà nước;

- 42 Nghị định số 80/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/11/2023 sửa đổi Nghị định 95/2021/NĐ-CP và 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu;
- 43 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/11/2023 sửa đổi Nghị định 120/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Phí và lệ phí;
- 44 Nghị định của 94/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/12/2023 quy định về chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 110/2023/QH15.

18 Thông tư

Bộ Công Thương

- 45 Thông tư số 10/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 21/4/2023 sửa đổi Thông tư 21/2020/TT-BCT quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực;
- 46 Thông tư số 12/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 05/6/2023 sửa đổi Thông tư 10/2018/TT-BCT hướng dẫn Nghị định 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Bộ Tài nguyên và Môi trường

- 47 Thông tư số 18/2023/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 15/11/2023 hướng dẫn Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành tài nguyên và môi trường
- 48 Thông tư số 20/2023/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 30/11/2023 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

Bộ Tài chính

- 49 Thông tư số 20/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 13/4/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí duy trì sử dụng tên miền và địa chỉ Internet, lệ phí đăng ký sử dụng tên miền quốc gia “.vn” và lệ phí đăng ký sử dụng địa chỉ Internet (IP);
- 50 Thông tư số 33/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 31/5/2023 quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- 51 Thông tư số 44/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 29/6/2023 quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp;
- 52 Thông tư 63/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 16/10/2023 sửa đổi Thông tư quy định về phí, lệ phí nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến;
- 53 Thông tư số 67/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 02/11/2023 hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định 46/2023/NĐ-CP hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm;
- 54 Thông tư số 79/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 29/12/2023 hướng dẫn Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực tài chính do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Bộ Thông tin và Truyền thông

- 55 Thông tư số 10/2023/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 05/9/2023 về ngưng hiệu lực áp dụng quy định thi hành một phần/toàn bộ của một số quy chuẩn kỹ thuật tại Thông tư 04/2023/TT-BTTTT quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý.

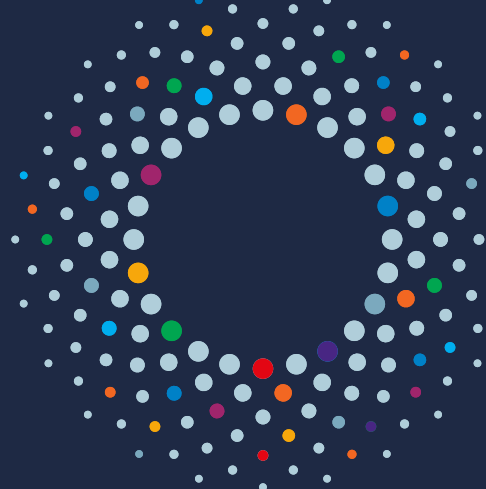
Bộ Xây dựng

- 56 Thông tư số 05/2023/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 01/8/2023 quy định danh mục các lĩnh vực và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi chức vụ thuộc phạm vi quản lý;
- 57 Thông tư số 09/2023/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 16/10/2023 sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- 58 Thông tư số 06/2023/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 28/6/2023 sửa đổi Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;
- 59 Thông tư số 08/2023/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 30/6/2023 quy định về điều kiện vay nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh;
- 60 Thông tư số 13/2023/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 31/10/2023 sửa đổi Thông tư quy định về cấp Giấy phép, tổ chức, hoạt động và hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- 61 Thông tư số 14/2023/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 20/11/2023 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- 62 Thông tư số 15/2023/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 05/12/2023 quy định về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Đánh giá mức độ tiếp thu

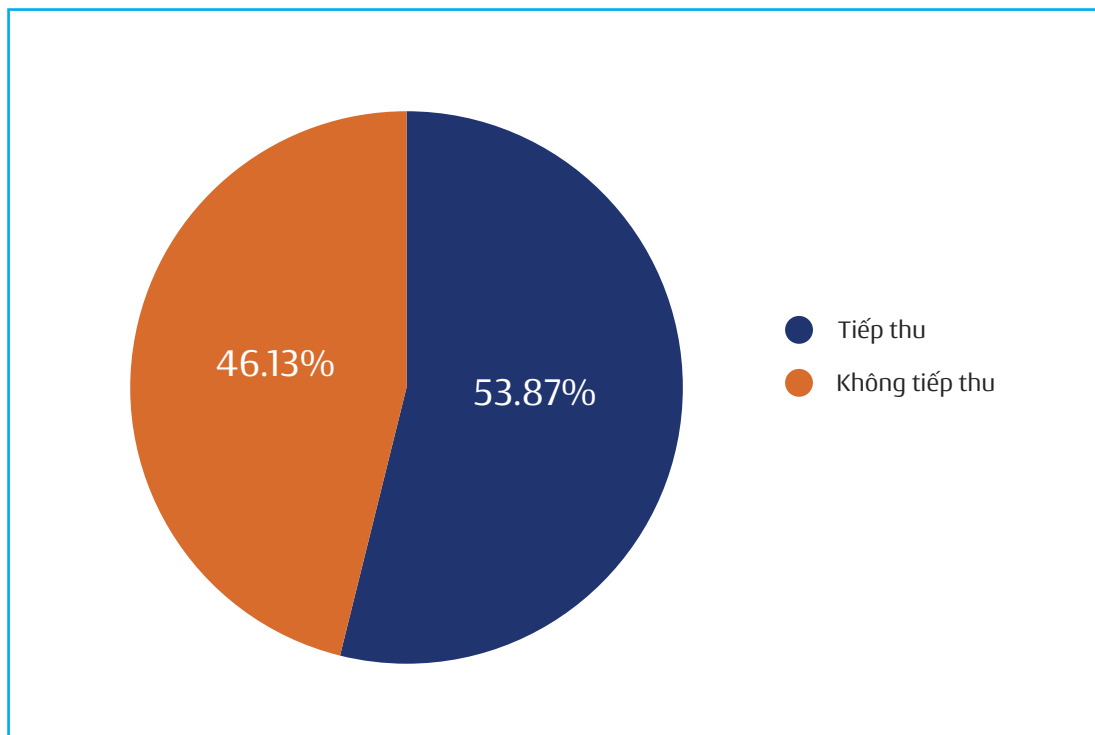


Tổng cộng VCCI đã đưa ra 362 ý kiến góp ý với 63 văn bản quy phạm pháp luật trên, tương ứng với mỗi văn bản có 06 đề xuất, kiến nghị gửi tới cơ quan soạn thảo.

Tỷ lệ tiếp thu ý kiến góp ý của VCCI năm 2023 của Bộ, ngành là 53,87% (195/362 ý kiến). Tỷ lệ này thấp hơn so với năm 2020 (54,92%), tuy nhiên lại cao hơn so với tỷ lệ tiếp thu của năm 2022 (47,73%), năm 2021 (46,5%), và năm 2019 (42,51%) và năm 2018 (44,08%).

Hình 5

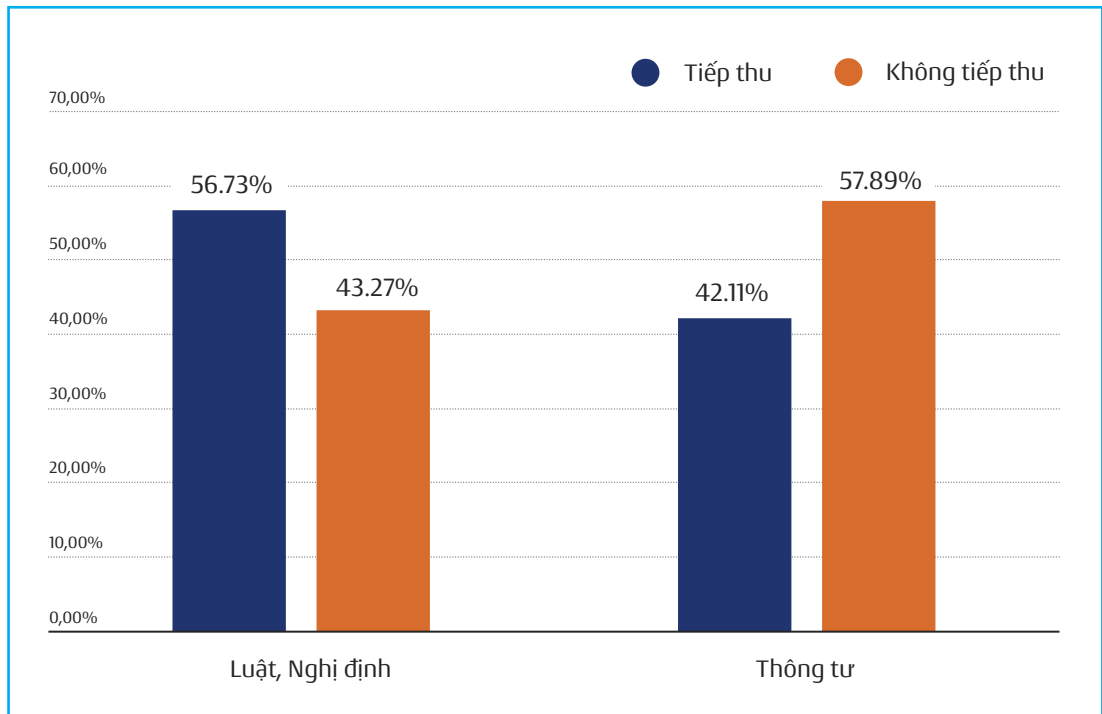
Tỷ lệ tiếp thu các ý kiến của VCCI năm 2023



Xét theo loại văn bản, tỷ lệ tiếp thu đối với các góp ý trong các dự thảo văn bản ở cấp luật, nghị định cao hơn hẳn so với ở cấp thông tư.

Hình 6

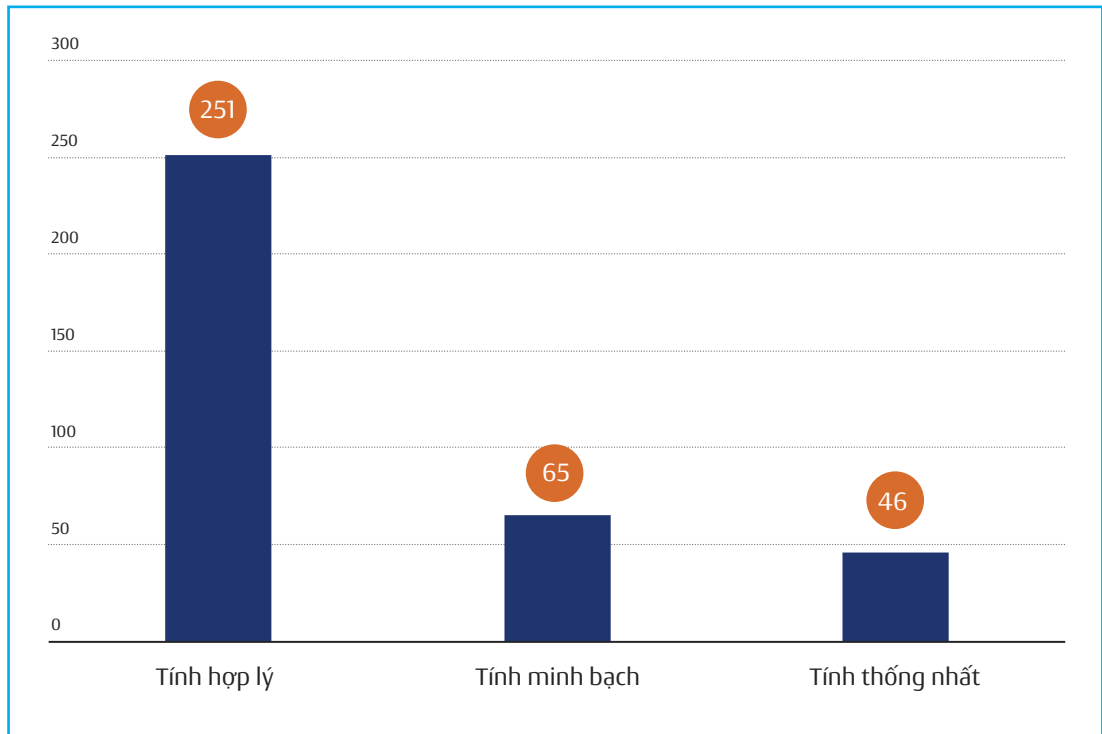
Tỷ lệ tiếp thu theo loại văn bản



Các góp ý của VCCI thường tập trung vào các yếu tố về tính hợp lý, tính minh bạch và tính thống nhất của quy định. Các đề xuất liên quan đến tính hợp lý *chiếm hơn một nửa tổng số góp ý*, tiếp theo sau là các góp ý về tính minh bạch và tính thống nhất. Điều này cho thấy, các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về kinh doanh được soạn thảo trong năm qua, vẫn còn khá nhiều điểm chưa hợp lý, khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

Hình 7

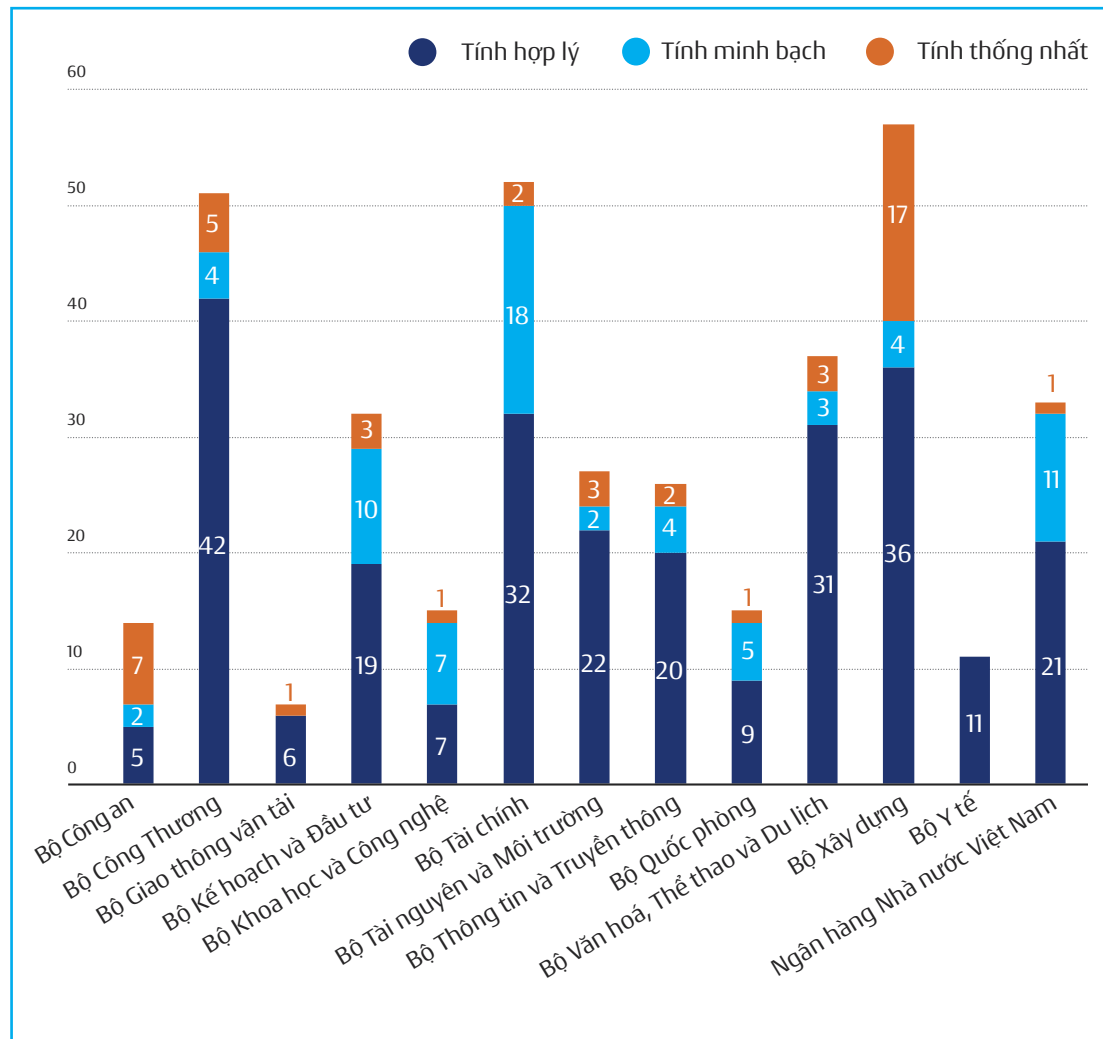
Số lượng góp ý theo tiêu chí



Xét theo cơ quan chủ trì soạn thảo, tương tự các năm trước, các góp ý của VCCI cho Bộ Xây dựng có số lượng lớn nhất, trong đó phải kể đến 02 luật lớn về nhà ở và kinh doanh bất động sản. Tiếp đến là các góp ý cho các Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến các dự thảo văn bản quy định chi tiết luật.

Hình 8

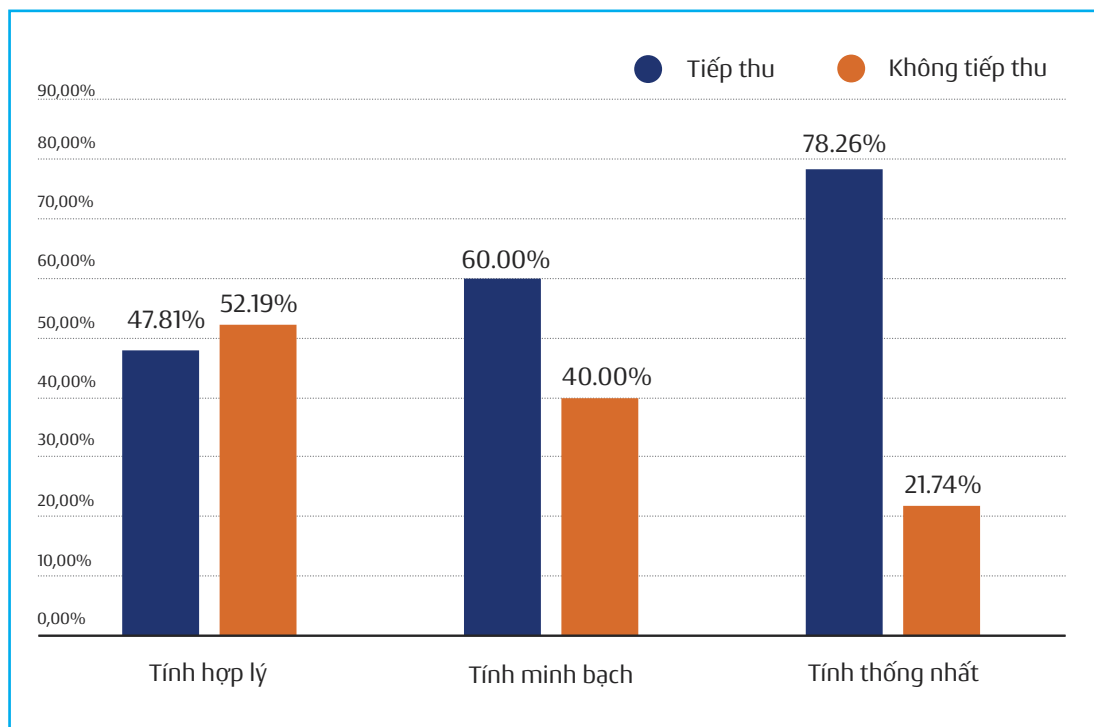
Các góp ý theo từng tiêu chí của từng bộ, ngành



Xét theo tỷ lệ tiếp thu, các góp ý về tính hợp lý của quy định có tỷ lệ tiếp cao hơn hẳn so với tỷ lệ góp ý không được tiếp thu. Mặt khác, tỷ lệ tiếp thu góp ý của VCCI liên quan đến tính minh bạch và thống nhất lại tương đối thấp.

Hình 9

Tỷ lệ tiếp thu theo tiêu chí



Cụ thể, trong 3 tiêu chí, tỷ lệ tiếp thu các góp ý về tính thống nhất là cao nhất (lên mức 78,26%). Số lượng tiếp thu các góp ý về tính thống nhất cũng cao hơn nhiều so với số lượng không tiếp thu (cao gấp ba lần: 78.26% so với 21.74%). Cũng có tỷ lệ tiếp thu cao hơn tỷ lệ không tiếp thu là các góp ý về tính minh bạch, với 60% ý kiến được tiếp thu.

Mặt khác, tương đối nhiều các ý kiến liên quan đến tính hợp lý lại chưa được thể hiện trong các văn bản khi ban hành, khi có đến 52,19% ý kiến không được tiếp thu. Điều này cho thấy các văn bản trên theo doanh nghiệp vẫn chưa được thực sự đảm bảo tính hợp lý, khả thi. Đây là các đề xuất thường nhận được ít đồng tình từ cơ quan soạn thảo nhất, do những khác biệt trong quan điểm tiếp cận.

Tóm lại, với 362 đề xuất trong văn bản pháp luật, với một nửa trong số đó được ghi nhận, tiếp thu đã thể hiện sự quan tâm, nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp cũng như cơ quan chủ trì soạn thảo trong hoạt động xây dựng chính sách.

BÁO CÁO

Dòng chảy pháp luật kinh doanh năm 2023

Chịu trách nhiệm xuất bản Giám đốc - Tổng Biên tập
Trương Thu Hiền

Biên tập
Tôn Nữ Thanh Bình

Thiết kế
thaidung85@gmail.com

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 024-3934 1562 | Fax: 024-3938 7164
Website: <http://nhaxuatbancongtuong.com.vn>
E-mail: nxbct@moit.gov.vn

In 900 cuốn, khổ 18.5 x 25.5 cm tại Công ty TNHH In và Thương Mại Trần Gia Địa chỉ: Số 43 ngõ 406 đường Âu Cơ,
Phường Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4564-2023/CXBIPH/04-251/CT.
Số Quyết định xuất bản: 390F/QĐ – NXBCT ngày 18 tháng 12 năm 2023 In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV năm 2023
Mã số ISBN: 978-604-481-150-5

LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Ban Pháp chế

Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 35770632 | Fax: (024) 3577 1459

Email: xdphapluat@vcci.com.vn, xdphapluat.vcci@gmail.com

www.vcci.com.vn / www.vibonline.com.vn



SÁCH KHÔNG BÁN